

DỰ THẢO

**QUY CHẾ LÀM VIỆC
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Căn cứ Luật các Tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 do Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 16/06/2010; Luật số: 17/2017/QH14 ngày 20/11/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực;

Để đảm bảo nguyên tắc công khai, công bằng, dân chủ và tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tổ chức và tiến hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực (gọi tắt là “Đại hội”), Đoàn Chủ tịch Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực kính trình Đại hội thông qua Quy chế làm việc tại Đại hội như sau:

I - TRẬT TỰ CỦA CUỘC HỌP

1. Đại biểu (bao gồm đại diện cơ quan hữu quan và cổ đông/đại diện cổ đông hoặc nhóm cổ đông¹ có quyền biểu quyết) đến tham dự họp Đại hội phải có trang phục chỉnh tề, nghiêm túc;
2. Đại biểu khi vào phòng họp ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do Ban tổ chức Đại hội quy định;
3. Không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại di động hoặc phương tiện liên lạc khác hoặc gây ồn ào mất trật tự trong phòng họp diễn ra Đại hội;
4. Đại biểu là cổ đông/đại diện cổ đông hoặc nhóm cổ đông có quyền biểu quyết, bỏ phiếu, phát biểu, nêu ý kiến về các vấn đề tại Đại hội theo các hình thức biểu quyết tại chỗ, bỏ phiếu và phát biểu ý kiến bằng cách giơ tay và được sự đồng ý của Đoàn Chủ tịch Đại hội;
5. Không hút thuốc lá, không mang vũ khí và các vật cháy nổ vào trong phòng họp Đại hội.

¹ Đại diện cổ đông hoặc nhóm cổ đông được hiểu là đại diện theo ủy quyền bằng văn bản của cổ đông hoặc nhóm cổ đông

II - CÁC VẤN ĐỀ BIỂU QUYẾT VÀ TÀI LIỆU CUỘC HỌP

1. Các vấn đề dự kiến biểu quyết tại Đại hội

STT	Nội dung	Tỷ lệ thông qua ²
1	Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh 2020, Báo cáo tài chính năm 2020	Trên 51%
2	Kế hoạch kinh doanh năm 2021	Trên 51%
3	Báo cáo của Hội đồng Quản trị về hoạt động năm 2020 và định hướng hoạt động kinh doanh năm 2021	Trên 51%
4	Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2020 và Kế hoạch năm 2021	Trên 51%
5	Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 (không bao gồm Phương án chi trả cổ tức bằng cổ phiếu tại Mục 6)	Trên 51%
6	Phương án chi trả cổ tức năm 2020 và phương án tăng Vốn Điều lệ, phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức năm 2020.	Trên 65%
7	Sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực	Trên 65%
8	Sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị của Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực	Trên 51%
9	Sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị nội bộ của Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực	Trên 51%
10	Phương án Thù lao, thưởng của thành viên Hội đồng Quản trị và thành viên Ban Kiểm soát năm 2021	Trên 51%
11	Lộ trình niêm yết cổ phiếu EVF trên Sở Giao dịch chứng khoán TP.Hồ Chí Minh (HOSE) và giao Hội đồng Quản trị triển khai thực hiện	Trên 51%
12	Ủy quyền cho HĐQT Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022	Trên 51%
13	Phương án nhân sự Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2018 - 2023 (thay đổi cơ cấu tổ chức của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2018 - 2023) (nếu được Ngân hàng nhà nước chấp thuận)	Trên 51%
14	Bầu bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2018 – 2023 (nếu được Ngân hàng nhà nước chấp thuận)	Bầu dồn phiếu

2. Các đại biểu tham dự Đại hội được Ban tổ chức cung cấp các tài liệu gồm:

- Chương trình làm việc tại Đại hội;
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020; Báo cáo tài chính năm 2020;

² Tính trên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận

- Kế hoạch kinh doanh năm 2021;
- Báo cáo của Hội đồng Quản trị về hoạt động năm 2020 và định hướng hoạt động năm 2021;
- Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2020 và Kế hoạch năm 2021;
- Các Tờ trình về các nội dung: (i) Phương án phân phối lợi nhuận 2020; (ii) Phương án tăng Vốn điều lệ và phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức năm 2020; (iii) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực; (iv) Sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị của Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực; (v) Sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị nội bộ của Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực (vi) Phương án thù lao, thưởng của thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban Kiểm soát năm 2021; (vii) Ủy quyền cho Hội đồng Quản trị lựa chọn công ty Kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021; (vi) Niêm yết cổ phiếu trên Sở GDCK TP Hồ Chí Minh (HOSE); (vii) Phương án nhân sự Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2018 – 2023 (nếu được Ngân hàng nhà nước chấp thuận).

3. Đối với các cổ đông/đại diện cổ đông tham dự Đại hội, ngoài tài liệu chung nêu trên, các hồ sơ được phát thêm gồm:

- Giấy xác nhận tham dự Đại hội;
- Phiếu biểu quyết tại chỗ các vấn đề xin ý kiến tại Đại hội;
- Tài liệu khác (nếu có).

III - BIỂU QUYẾT VÀ BẦU CỬ TẠI ĐẠI HỘI

1. Các nội dung cần thông qua Đại hội đều phải được xin ý kiến bằng cách lấy biểu quyết công khai của tất cả các cổ đông/đại diện cổ đông hoặc nhóm cổ đông có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.
2. Các cổ đông/đại diện cổ đông hoặc nhóm cổ đông tham dự Đại hội có quyền và nghĩa vụ biểu quyết các vấn đề nêu trong Đại hội.
3. Trường hợp cổ đông/đại diện cổ đông hoặc nhóm cổ đông có quyền biểu quyết tham dự Đại hội sau khi cuộc họp đã khai mạc, cổ đông/đại diện cổ đông hoặc nhóm cổ đông tham dự Đại hội được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi nhận tài liệu từ Ban tổ chức Đại hội. Trong trường hợp này, hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành trước đó không bị ảnh hưởng bởi sự tham dự của các cổ đông/đại diện cổ đông hoặc nhóm cổ đông bổ sung.
4. Các cổ đông/đại diện cổ đông hoặc nhóm cổ đông có trách nhiệm tham dự Đại hội từ khi bắt đầu Đại hội cho đến khi kết thúc Đại hội. Trường hợp cổ đông/đại diện cổ đông hoặc nhóm cổ đông có quyền biểu quyết tham dự Đại hội rời cuộc họp trước khi kết thúc Đại hội thì cổ đông/đại diện cổ đông hoặc nhóm cổ đông có trách nhiệm liên hệ với Ban tổ chức để thông báo tên, số cổ phần sở hữu hoặc được ủy quyền đại diện, ý kiến của mình về những vấn đề sẽ được biểu quyết tiếp theo tại Đại hội. Trường hợp cổ đông/đại diện cổ đông

hoặc nhóm cổ đông rời cuộc họp trước khi kết thúc Đại hội mà không thông báo với Ban tổ chức như nêu trên thì cổ đông/đại diện cổ đông hoặc nhóm cổ đông đó được coi như vẫn có mặt và đồng ý với tất cả những vấn đề sẽ được biểu quyết tiếp theo tại Đại hội.

5. Các quy định về cách thức biểu quyết tại Đại hội, hình thức biểu quyết tại Đại hội:

5.1. Biểu quyết tại chỗ;

5.1.1. Cổ đông/đại diện cổ đông hoặc nhóm cổ đông có quyền biểu quyết tham dự Đại hội sẽ sử dụng Phiếu biểu quyết để cho ý kiến tại chỗ về các vấn đề nêu tại phần II trên và các vấn đề liên quan trực tiếp đến phương thức điều hành, tổ chức tại Đại hội và các nội dung liên quan đến hoạch định chính sách Công ty;

5.1.2. Khi điều hành Đại hội, Chủ tọa xin ý kiến về từng nội dung cần thông qua theo trình tự Đồng ý, Không đồng ý, Ý kiến khác. Cổ đông/đại diện cổ đông hoặc nhóm cổ đông có quyền biểu quyết cần giơ phiếu lên để thể hiện ý kiến Đồng ý hay Không đồng ý hoặc Ý kiến khác với nội dung xin ý kiến;

5.1.3. Trừ các trường hợp nêu tại điểm 5.1.4 Đối với từng nội dung xin ý kiến Đại hội, nếu có trên 51% số cổ phần biểu quyết (tính trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội) tán thành với nội dung xin ý kiến thì nội dung đó được thông qua và ngược lại;

5.1.4. Đối với nội dung ý kiến về “Sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực” và “Phương án tăng vốn điều lệ”, nếu có trên 65% cổ phần tham gia biểu quyết (tính trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội) chấp thuận với nội dung xin ý kiến thì nội dung đó được thông qua và ngược lại.

5.2. Bỏ phiếu bầu bổ sung Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2018 – 2023 (nếu được Ngân hàng nhà nước chấp thuận): Thực hiện theo phương thức Bầu dồn phiếu.

5.2.1. Quy định về việc bầu dồn phiếu:

Việc bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2018 – 2023, tại Đại hội được tiến hành theo nguyên tắc bầu dồn phiếu theo quy định của pháp luật về Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Cổ đông/đại diện cổ đông hoặc nhóm cổ đông có quyền sử dụng tổng số quyền bầu cử của mình cho một ứng cử viên hoặc một số ứng cử viên với số lượng bầu cho mỗi ứng cử viên không bắt buộc phải bằng nhau; hoặc chỉ bầu một phần tổng số quyền bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên, phần quyền bầu còn lại cho bất kỳ ứng cử viên nào. Số lượng ứng viên được bầu trong mỗi phiếu không vượt quá số lượng tối đa được phép bầu.

5.2.2. Cách thức bầu đơn phiếu:

- i. Xác định tổng số quyền bầu cử của 01 (một) cổ đông/đại diện cổ đông hoặc nhóm cổ đông; Tổng số quyền bầu cử của cổ đông/đại diện cổ đông hoặc nhóm cổ đông được xác định theo công thức sau:

Tổng số quyền bầu cử	=	Tổng số cổ phần nắm giữ hoặc đại diện	*	Số thành viên được bầu
----------------------	---	---------------------------------------	---	------------------------

- ii. Cách thức bỏ phiếu: Cổ đông/đại diện cổ đông hoặc nhóm cổ đông có quyền phân phối toàn bộ hoặc một phần tổng số quyền bầu cử của mình cho một hoặc một số ứng viên, trong đó số lượng phân phối cho mỗi ứng viên có thể khác nhau, tùy thuộc vào sự tín nhiệm đối với ứng viên đó.
- iii. Người trúng cử: Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên và phải đạt trên 51% trở lên tổng số phiếu bầu cho từng ứng cử viên trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự họp Đại hội.

Trường hợp có từ 02 (hai) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau đó.

5.2.3. Phiếu bầu không hợp lệ: Phiếu bầu không hợp lệ là phiếu bầu vi phạm một trong số các điều kiện sau:

- Không do Ban Tổ chức phát hành, không đóng dấu của Ban Tổ chức.
- Phiếu bầu có tổng số quyền bầu cử đã bầu cho các ứng viên lớn hơn tổng số quyền được bầu đã ghi sẵn trên phiếu.
- Phiếu bầu tự ý ghi thêm tên người ngoài danh sách đã in sẵn hoặc gạch xóa vào phiếu (trường hợp viết sai phải đổi lại phiếu mới).
- Không có đầy đủ thông tin trên phiếu bầu (họ tên, chữ ký rõ ràng).
- Phiếu bị tẩy xóa, rách nát.
- Không nộp lại cho Ban Bầu cử và Kiểm phiếu.
- Chi tiết được in thêm trên phiếu bầu cử.

IV - PHÁT BIỂU Ý KIẾN TẠI ĐẠI HỘI

1. Nguyên tắc: Cổ đông/đại diện cổ đông hoặc nhóm cổ đông tham dự Đại hội khi muốn phát biểu ý kiến thì giơ tay đề nghị được phát biểu. Cổ đông/đại diện cổ đông hoặc nhóm cổ đông sẽ phát biểu ý kiến theo sự điều khiển của Đoàn Chủ tịch Đại hội.

2. Cách thức phát biểu: Cổ đông/đại diện cổ đông hoặc nhóm cổ đông cần phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung Chương trình làm việc đã được Đại hội thông qua.
3. Đoàn Chủ tịch sẽ sắp xếp cho Cổ đông phát biểu theo thứ tự, đồng thời giải đáp các thắc mắc của cổ đông. Cổ đông không nhắc lại những ý kiến đã phát biểu trước, thời gian phát biểu không quá 03 (ba) phút/một lần phát biểu ý kiến.

V - TRÁCH NHIỆM CỦA ĐOÀN CHỦ TỊCH

1. Điều khiển cuộc họp theo đúng nội dung Chương trình làm việc, các Quy chế, Thẻ lệ đã được Đại hội thông qua và hướng dẫn thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong nội dung chương trình nghị sự của Đại hội và các vấn đề có liên quan. Đoàn Chủ tịch làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và quyết định theo đa số.
2. Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình họp Đại hội.

VI - TRÁCH NHIỆM CỦA BAN THƯ KÝ

1. Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến cuộc họp và những vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý tại cuộc họp.
2. Soạn thảo Biên bản cuộc họp và Nghị quyết về các vấn đề đã được thông qua tại cuộc họp Đại hội của Công ty.

VII - TRÁCH NHIỆM CỦA BAN KIỂM TRA TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG THAM DỰ ĐẠI HỘI

1. Đón tiếp và cung cấp tài liệu của Đại hội cho đại biểu tham dự.
2. Kiểm tra tư cách cổ đông/đại diện cổ đông hoặc nhóm cổ đông, lập Biên bản kiểm tra tư cách và công bố điều kiện tiến hành Đại hội khi có sự tham dự của đại biểu đại diện cho ít nhất 51% (năm mươi một phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực.

VIII - TRÁCH NHIỆM CỦA BAN KIỂM PHIẾU

1. Tổ chức thực hiện công tác kiểm phiếu một cách công khai minh bạch.
2. Phổ biến Thẻ lệ biểu quyết.
3. Xác định kết quả biểu quyết về các vấn đề thông qua tại Đại hội.
4. Nhanh chóng thông báo cho Ban Thư ký kết quả biểu quyết.
5. Phát phiếu và thu phiếu, tiến hành kiểm phiếu, lập Biên bản kiểm phiếu và công bố kết quả kiểm phiếu.
6. Xem xét và báo cáo với Đại hội quyết định những trường hợp vi phạm Thẻ lệ biểu quyết.

Trên đây là toàn bộ dự thảo Quy chế làm việc của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua./.

T/M ĐOÀN CHỦ TỊCH
ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC
(Dự kiến)

STT	Thời gian	Nội dung	Thực hiện
1	8h00 - 8h30	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp đón Đại biểu, Đăng ký, Kiểm tra tư cách Đại biểu - Phát tài liệu, Thẻ, Phiếu biểu quyết 	Ban Tổ chức
2	08h30 - 08h40	<ul style="list-style-type: none"> - Tuyên bố lý do, Giới thiệu thành phần tham dự Đại hội - Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội - Tuyên bố khai mạc Đại hội - Bầu Đoàn Chủ tịch 	Ban Tổ chức Ban KTTCCĐ Ban Tổ chức
3	08h40 - 08h55	<ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu và bầu Ban Thư ký, Ban Kiểm phiếu; Thông qua Chương trình Đại hội và Quy chế làm việc tại Đại hội 	Đoàn Chủ tịch
4	08h55 - 09h20	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020 - Kế hoạch kinh doanh năm 2021 	Ban Tổng Giám đốc
5	09h20 - 09h40	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo của Hội đồng Quản trị về hoạt động năm 2020 và định hướng hoạt động năm 2021 	Hội đồng Quản trị
6	09h40 - 09h50	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2020 và Kế hoạch năm 2021 	Ban Kiểm soát
7	09h50 - 10h40	HĐQT trình bày các tờ trình: <ul style="list-style-type: none"> - Tờ trình của HĐQT xin thông qua BCTC 2020 đã được kiểm toán; Phương án phân phối lợi nhuận 2020; Phương án tăng Vốn điều lệ và phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức năm 2020; Ủy quyền cho Hội đồng Quản trị lựa chọn công ty Kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022; Niêm yết cổ phiếu trên Sở GDCK TP Hồ Chí Minh (HOSE). - Tờ trình của HĐQT về việc Sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực; Sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị của Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực; Sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị nội bộ của Công 	Hội đồng Quản trị

STT	Thời gian	Nội dung	Thực hiện
		ty Tài chính Cổ phần Điện lực. - Tờ trình của HĐQT về Phương án thù lao, thưởng của thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban Kiểm soát năm 2021;	
8	10h40 - 10h50	Phát biểu của đại diện NHNN (nếu có)	
9	10h50 - 11h00	Phương án nhân sự Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2018 - 2023 (nếu được Ngân hàng nhà nước chấp thuận)	Chủ tọa điều hành
10	11h00 - 11h40	Giải đáp thắc mắc của cổ đông	Đoàn Chủ tịch và BTGD
11	11h40 - 12h00	<ul style="list-style-type: none"> ✓ Biểu quyết thông qua: - Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh 2020, Báo cáo tài chính năm 2020. - Kế hoạch kinh doanh năm 2021. - Báo cáo của Hội đồng Quản trị về hoạt động năm 2020 và định hướng hoạt động năm 2021. - Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2020 và Kế hoạch năm 2021. - Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020. - Phương án tăng Vốn Điều lệ, phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức năm 2020. - Sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực. - Sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị của Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực. - Sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị nội bộ của Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực. - Phương án thù lao, thưởng của thành viên Hội đồng Quản trị và thành viên Ban Kiểm soát năm 2021. - Ủy quyền cho HĐQT lựa chọn công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022. - Phương án nhân sự Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2018 - 2023 (nếu được Ngân hàng nhà nước chấp thuận) ✓ Bầu bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2018 – 2023 (nếu được Ngân hàng nhà nước chấp thuận) 	Đoàn Chủ tịch

STT	Thời gian	Nội dung	Thực hiện
12	12h00 - 12h20	Giải lao (Ban Kiểm phiếu hoàn tất kiểm phiếu)	
13	12h20 - 12h45	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo kết quả bầu bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2018-2023. - Báo cáo kết quả biểu quyết các nội dung tại Đại hội. 	Ban Kiểm phiếu
		Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021	Đoàn Chủ tịch
13	12h345	Bế mạc Đại hội	Ban Tổ chức



**CÔNG TY TÀI CHÍNH
CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC**

BAN KIỂM SOÁT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà nội, ngày 30 tháng 03 năm 2021

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2020 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2021

Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty;
Căn cứ Quy chế Tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát;
Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán độc lập;
Căn cứ hoạt động kiểm tra, giám sát trong kỳ của Ban kiểm soát;
Ban kiểm soát lập báo cáo kiểm soát hoạt động năm 2020 và kế hoạch năm 2021 như sau:

A. HOẠT ĐỘNG NĂM 2020 CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Nhân sự Ban kiểm soát

DHCD thường niên năm 2018, đã thông qua số lượng thành viên được bầu vào Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018-2023 gồm 3 thành viên gồm hai thành viên chuyên trách và một thành viên kiêm nhiệm. Trực thuộc Ban kiểm soát có phòng kiểm toán nội bộ.

2. Tổng kết các cuộc họp Ban Kiểm soát

Trong năm Ban kiểm soát thực hiện 4 cuộc họp, các cuộc họp định kỳ 1 lần /một quý, thực hiện vào tuần cuối của các Quý. Nội dung họp là trao đổi công việc, nhận định, đánh giá các hoạt động của Công ty trong Quý để thực hiện triển khai kiểm tra, kiểm soát, ban hành các Báo cáo kiểm soát Quý 1/2020, 6 tháng đầu năm 2020, Quý 3/2020 và báo cáo năm 2020 gửi Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc.

Ngoài 4 cuộc họp theo quý, Ban kiểm soát thường xuyên trao đổi qua điện thoại, email để phối hợp và nắm bắt kịp thời các thông tin liên quan đến hoạt động kiểm soát của Ban kiểm soát.

Thông qua các hoạt động kiểm soát, Ban kiểm soát đã đưa ra các ý kiến, kiến nghị với Hội đồng quản trị, BĐH về các biện pháp tăng cường kiểm soát, giảm thiểu rủi ro, tuân thủ theo quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động và hoàn thành nhiệm vụ kinh doanh của EVNFinance trong năm 2020.

3. Công tác Kiểm toán nội bộ

Năm 2020, Kiểm toán nội bộ đã thực hiện 20 cuộc kiểm toán (bao gồm 12 cuộc tại hội sở và 8 cuộc tại khối tín dụng tiêu dùng) hoàn thành 100% kế hoạch kiểm toán năm và các cuộc kiểm toán đột xuất được giao.

Các cuộc kiểm toán thực hiện kiểm toán chuyên đề về các mặt hoạt động nghiệp vụ: Tín dụng, Đầu tư, Quản lý ủy thác cho vay lại, Nguồn vốn, Kế toán, hoạt động Quản lý rủi ro, phòng chống rửa tiền, công nghệ thông tin và hai chi nhánh. Công tác kiểm toán nội bộ đã đảm bảo hoạt động kiểm tra kiểm toán thực hiện toàn diện trên toàn bộ hệ thống của EVNFinance.

Kiểm toán nội bộ đã rà soát, đánh giá độc lập, khách quan về tính thích hợp, đầy đủ hiệu lực của hệ thống kiểm soát nội bộ, chỉ ra các thay đổi cần thiết của hệ thống kiểm soát nội bộ để xử lý, khắc phục.

4. Giám sát tình hình hoạt động và tình hình tài chính.

Ban kiểm soát đã thực hiện việc giám sát Hội đồng quản trị, BDH trong việc thực hiện các mục tiêu kinh doanh của EVNFinance được ĐHĐCĐ thông qua.

Công tác lập báo cáo giám sát định kỳ của Ban kiểm soát về tình hình thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ và Hội đồng quản trị đã giúp cho Hội đồng quản trị nắm bắt được tiến độ triển khai công việc theo mục tiêu và kế hoạch đặt ra, nhằm có chỉ đạo kịp thời đối với các đơn vị và BDH. Báo cáo của Ban kiểm soát đã thực sự hỗ trợ cho việc quản trị điều hành của Hội đồng quản trị.

Thực hiện quy định của Luật các TCTD, Ban kiểm soát đã thực hiện thẩm định báo cáo tài chính giữa niên độ và báo cáo tài chính năm của EVNFinance nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của các số liệu báo cáo trình ĐHĐCĐ thường niên theo quy định của pháp luật và nội bộ EVNFinance.

Ban kiểm soát đã phối hợp cùng Văn phòng Hội đồng quản trị theo dõi danh sách cổ đông sáng lập, cổ đông lớn và người có liên quan tới Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và các thành viên khác theo quy định và thực hiện công bố thông tin mua/bán cổ phiếu EVF theo quy định trên thị trường chứng khoán.

Thông qua kết quả giám sát, Ban kiểm soát đã chỉ ra nhưng tồn tại trong quá trình hoạt động, kịp thời đưa ra những đề xuất, kiến nghị với Hội đồng quản trị, BDH các biện pháp tăng cường kiểm soát, sửa đổi/hoàn thiện quy định nội bộ nhằm hạn chế giảm thiểu rủi ro đảm bảo theo quy định pháp luật nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của EVNFinance.

5. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.

Theo quy chế quản trị nội bộ, Ban kiểm soát đã tham gia các phiên họp Hội đồng quản trị, cuộc họp giao ban tháng của BDH, Ban kiểm soát đã được cung cấp các thông tin về công tác quản lý, điều hành hoạt động của EVNFinance phục vụ cho việc kiểm soát của Ban kiểm soát. Thông qua kết quả kiểm soát, Ban kiểm soát đã kịp thời nắm bắt các thông tin và kịp thời đưa ra các đề xuất kiến nghị với Hội đồng quản trị, BDH trong việc quản lý, điều hành góp phần nâng cao hiệu quả công hoạt động điều hành của EVNFinance.

6. Việc thực hiện nhiệm vụ của thành viên Ban Kiểm soát.

Trong năm 2020, các thành viên Ban kiểm soát đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định nội bộ công ty, trong năm Ban kiểm soát có đi kiểm tra các chi nhánh theo kế hoạch 6 tháng 1 lần, kinh phí được thực hiện theo chế độ đi công tác của công ty (trong năm 2020 do ảnh hưởng của đại dịch Covid19 nên Ban kiểm soát không thực hiện được công tác kiểm tra báo cáo 6 tháng của Khối tín dụng tiêu dùng, nhưng đã thực hiện kiểm tra bổ sung vào báo cáo 9 tháng của Khối).

Thù lao năm 2020 của các thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ-TCĐL ngày 10/6/2020 của Đại hội đồng cổ đông năm 2020. Thù lao Ban kiểm soát trong năm 2020 thực hiện theo nghị quyết đại hội đồng cổ đông, tổng thù lao trước thuế là 1,163 tỷ đồng.

Trong năm 2020, Ban kiểm soát không nhận được ý kiến nào bằng văn bản của cổ đông.

B. ĐÁNH GIÁ CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Một số chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh 2020

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 đã được tổ chức thành công vào ngày 10/6/2020, thông qua Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ với một số chỉ tiêu chủ yếu 2020 như sau:

+ Tổng Tài sản:	22.050	tỷ đồng.
+ Doanh thu:	1.833	tỷ đồng.
+ Lợi nhuận trước thuế:	280.5	tỷ đồng.

2, Hoạt động của Hội đồng quản trị

- + Đã duy trì các cuộc họp và ban hành các nghị quyết, quyết định;
- + Chỉ đạo, giám sát hoạt động kinh doanh của Ban điều hành;
- + Trong năm 2020, Hội đồng quản trị đã ban hành: 88 Nghị quyết (biên bản) 49 quyết định và có 06 Nghị quyết của Hội đồng Tín dụng và 08 Nghị quyết của Hội đồng đầu tư đã và đang được triển khai thực hiện.

3. Hoạt động điều hành của Ban Tổng giám đốc

Năm 2020, Ban Tổng giám đốc đã tập trung điều hành các hoạt động kinh doanh, triển khai các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị, kết quả đạt được:

+ Tổng Tài sản:	28.804,893	tỷ đồng đạt 130,808 % so với KH
+ Doanh thu:	1.747,752	tỷ đồng đạt 95,349% so với KH
+ Lợi nhuận trước thuế:	285,720	tỷ đồng, đạt 101,861% so với KH

Chi tiết một số hoạt động chính như sau:

3.1 Công tác nguồn vốn

Số dư huy động vốn đến 31/12/2020 là 24.767.047 tỷ đồng đạt 135 % so với số dư đầu năm. Trong đó, thị trường 1 đạt 6.779,709 tỷ đồng tương đương 142 % so với số dư đầu năm. Số dư từ thị trường 2 đạt 13.427,360 tỷ đồng, tương đương 145% so với số dư đầu năm.

Bộ phận liên quan đã tích cực trong công tác huy động vốn, duy trì được hạn mức từ các TCTD, tổng hạn mức giao dịch khả dụng do các TCTD cấp cho EVNFC tại ngày 31/12/2020 là 5.360 tỷ đồng, đã đáp ứng được nhu cầu vốn cho hoạt động kinh doanh của Công ty.

3.2 Công tác tín dụng

Tổng số dư nợ cho vay đầu kỳ là: 9.874,143 tỷ đồng trong đó:

Số dư nợ cho vay trực tiếp là 4.860,821 tỷ đồng, (Số dư cho vay của Chi nhánh Đà Nẵng là 276,389 tỷ đồng, số dư cho vay của Chi nhánh TP HCM là 0,433 tỷ đồng).

Số dư nợ cho vay bằng nguồn vốn ủy thác cho vay lại của Bộ Tài chính chịu rủi ro (DPL2) là 4.020,350 tỷ đồng.

Số dư nợ cho vay của Khối tín dụng tiêu dùng là 992,972 tỷ đồng, năm 2019 tăng 928,581 tỷ đồng so với đầu năm.

Tổng số dư nợ cho vay cuối kỳ là: 12.029,785 tỷ đồng trong đó:

Số dư nợ cho vay trực tiếp là 7.499,085 tỷ đồng, bằng 154,28% so với số dư đầu năm (Số dư cho vay của Chi nhánh Đà Nẵng là 351,069 tỷ đồng, số dư cho vay của Chi nhánh TP HCM là 1.887,634 tỷ đồng).

Số dư nợ cho vay bằng nguồn vốn ủy thác cho vay lại của Bộ Tài chính chịu rủi ro (DPL2) là 3.838,158 tỷ đồng.

Số dư nợ cho vay của Khối tín dụng tiêu dùng là 691,595 tỷ đồng, giảm 301,378 tỷ đồng so với đầu năm.

***Hoạt động cấp bảo lãnh:** Trong kỳ, Công ty đã thực hiện các hình thức bảo lãnh như: Cam kết bảo lãnh dự thầu, cam kết bảo lãnh thực hiện hợp đồng, cam kết bảo lãnh thanh toán, cam kết bảo lãnh khác cho các khách hàng. Số dư bảo lãnh đầu kỳ 01/01/2020 là 26,053 tỷ đồng, số dư cấp bảo lãnh cuối kỳ tại ngày 31/12/2020 là 26,751 tỷ đồng. Tăng 0,689 tỷ đồng, bằng 103% so với đầu kỳ.

Tổng thu phí từ hoạt động thực hiện trong kỳ là 0,912 tỷ đồng.

Nhận xét:

Hồ sơ, chứng từ lưu trữ ở một số hồ sơ vẫn còn thiếu và chưa đầy đủ, cần tập trung hoàn thiện.

3.3 Công tác đầu tư:

Trong năm 2020 các hoạt động đầu tư cơ bản phát sinh như sau:

- **Trái phiếu Chính phủ phát hành:**

Số đầu kỳ 101,229 tỷ đồng, cuối kỳ là 592,277 tỷ đồng. Tăng 492,070 tỷ đồng tương ứng 591%.

Trong kỳ tăng 492,070 tỷ đồng, là do Đầu tư trái phiếu chính phủ cả năm tăng 2.379,5 tỷ đồng và bán ghi giảm 1.898,5 tỷ đồng và phần chênh lệch là do bù trừ phụ trội và chiết khấu là 11,277 tỷ đồng

Chứng khoán nợ do TCTD phát hành:

Số đầu kỳ là 1.608,542 tỷ đồng, cuối kỳ là 1.556,973 tỷ đồng, So với đầu kỳ giảm còn 97% tương ứng giảm 51,569 tỷ đồng.

Trong kỳ tăng 3.180 tỷ đồng do giải ngân trái phiếu và giảm 3.250 tỷ đồng do thu hồi trái phiếu và bù trừ chiết khấu 26,973 tỷ đồng.

- *Trái phiếu TCKT phát hành:*

Số đầu kỳ là 4.504 tỷ đồng, cuối kỳ là 3.555 tỷ đồng, giảm 949 tỷ đồng, tương đương còn 79% so với đầu kỳ.

Trong kỳ tăng 490 tỷ đồng, giảm 1.439 tỷ đồng do thu nợ gốc và tất toán trái phiếu.

- *Chứng khoán vốn đầu tư:*

Số dư đầu kỳ là 648,530 tỷ đồng, cuối kỳ là 674,263 tỷ đồng, tăng 25,734 tỷ đồng, tương đương 104% so với đầu kỳ.

Trích lập dự phòng thời điểm 31/12/2020 cho các khoản chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán là 57,306 tỷ đồng. Bao gồm: Dự phòng chung 26,663 tỷ đồng và dự phòng giảm giá là 30,643 tỷ đồng.

- *Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn- TP VAMC*

Số đầu kỳ là 315,252 tỷ đồng, cuối kỳ là 230,788 tỷ đồng, giảm 84,464 tỷ đồng, tương đương còn 73% so với đầu kỳ.

Trích lập dự phòng giảm giá thời điểm 31/12/2020 là 95,484 tỷ đồng.

- *Đầu tư góp vốn dài hạn*

Số đầu kỳ là 480,022 tỷ đồng, cuối kỳ là 447,573 tỷ đồng, giảm 32,449 tỷ đồng tương đương 93% so với đầu kỳ.

Trích lập dự phòng thời điểm 31/12/2020 là 0,579 tỷ đồng (Khoản đầu tư Cty ĐTPT Khánh Hòa Hà nội).

- *Các khoản phải thu Hợp tác kinh doanh*

Dư gốc: Số đầu kỳ là 116,505 tỷ đồng, cuối kỳ là 39,272 tỷ đồng, giảm 77,233 tỷ đồng, tương đương còn 34% so với đầu kỳ. Số lãi phải thu là 2,878 tỷ đồng.

Trích lập dự phòng thời điểm 31/12/2020 là 35,039 tỷ đồng gốc và 2,878 tỷ đồng lãi.

- *Phải thu từ các hợp đồng mua bán lại*

Trong kỳ không tăng, không giảm giữ nguyên số tiền gốc phải thu đầu kỳ là 28,348 tỷ đồng, số lãi phải thu là 13,099 tỷ đồng.

Trích lập dự phòng thời điểm 31/12/2020 là 28,148 tỷ đồng gốc và 13,099 tỷ đồng lãi.

- *Phải thu từ đối tác trả chậm UTĐT*

Số dư gốc đầu kỳ là 54,982 tỷ đồng, cuối kỳ là 2,568 tỷ đồng, giảm 52,414 tỷ đồng, tương đương còn 5% so với đầu kỳ. Số lãi phải thu là 0,282 tỷ đồng.

Trích lập dự phòng giảm giá thời điểm 31/12/2020 là 1,427 tỷ đồng gồm gốc 1,205 tỷ đồng lãi và 0,282 tỷ đồng lãi.

- *Phải thu từ các khoản mua bán CK*

Số dư gốc đầu kỳ là 323,124 tỷ đồng, cuối kỳ là 109,881 tỷ đồng, giảm 213,242 tỷ đồng, tương đương còn 34% so với đầu kỳ.

Trích lập dự phòng thời điểm 31/12/2020 là 109,881 tỷ đồng.

Nhận xét:

+ Công tác thu nợ trái phiếu doanh nghiệp trong năm 2020 thực hiện là 1.439 tỷ đồng.

+ Nhiều khoản phải thu từ đầu tư vẫn còn số dư tương đối lớn và giữ nguyên số dư đầu năm, một số khoản nợ phải thu đã kéo dài và chưa thu được.

Trong kỳ cũng đã khắc phục một số nội dung theo các kiến nghị của Ban kiểm soát và Kiểm toán nội bộ. Đề nghị công tác rà soát, lưu hồ sơ đầy đủ cần tiến hành thường xuyên, liên tục.

3.4 Công tác QLUT&CVL:

- *Hoạt động cho vay lại chịu rủi ro theo Chương trình DPL2:*

Dư nợ vay Bộ Tài chính tại thời điểm 31/12/2020 là 175.756.587,61 USD, tương đương 4.059.977.173.791 VND.

Dư nợ cho vay lại tại 31/12/2020 đạt 166.154.038,42 USD, tương đương 3.838.158.287.502 VND (trong kỳ các chủ đầu tư không rút vốn).

Số dư tiền gửi nguồn DPL2 tại Vietinbank tính đến 31/12/2020 đạt 9.608.822,65 USD, tương đương 221.963.803.215 VND.

- *Tỷ lệ nợ quá hạn tại 31/12/2020 là 0% trên dư nợ.*

- *Phí cho vay lại và chênh lệch lãi suất EVNFiance được hưởng trong năm 2020 đạt 167.158.901.119 VND (quy đổi).*

Nhận xét: Hoạt động quản lý uỷ thác và cho vay lại đã đóng góp không nhỏ vào kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

3.5 Công tác tổ chức đào tạo tiền lương:

Tổng số CBNV đến 31/12/2020 của toàn Công ty là 473 người; không bao gồm (thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát không chuyên trách)

Trong đó CBNV Khối Tín dụng tiêu dùng: 261 người;

Tiền lương được trả cho các đơn vị cá nhân theo quy định: Chi phí lương đến 31/12/2020 (Không bao gồm Khối TDTD) là 61,998 tỷ đồng; Chi phí lương Khối TDTD đến 31/12/2020: 89,467 tỷ đồng.

Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát: 3,47 tỷ đồng, trong đó thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát không chuyên trách năm 2020: 0,569 tỷ đồng, thù lao Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách và Ban kiểm soát chuyên trách năm 2020 là: 3,028 tỷ đồng.

3.6 Công tác Quản lý rủi ro & tái thẩm định:

Phòng QLRR&TTĐ thực hiện các nghiệp vụ về quản trị rủi ro tín dụng, đầu tư, nguồn vốn, theo dõi các tỷ lệ an toàn, báo cáo trích lập dự phòng rủi ro, tái thẩm định, ... Năm 2020, EVNFC đã thực hiện trích lập dự phòng rủi ro tín dụng đầy đủ theo Thông tư số 02/2013/TT-NHNN và thông tư số 48/2019/TT-BTC.

Đã thực hiện đúng, kịp thời theo yêu cầu của NHNN về quản lý, báo cáo các chỉ tiêu an toàn trong hoạt động như: tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu, khả năng chi trả, tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn, giới hạn cho vay, bảo lãnh đối với khách hàng, nhóm khách hàng của EVNFinance. Chỉ tiêu tỷ lệ khả năng thanh toán ngay hàng ngày đảm bảo tuân thủ quy định NHNN đạt lớn hơn 1% trở lên, tỷ lệ khả năng thanh toán trong 30 ngày tiếp theo đối với VNĐ và USD luôn đảm bảo. Về cơ cấu sử dụng vốn, theo quy định tại Thông tư 19/2017/TT-NHNN, EVNFinance luôn đảm bảo việc sử dụng nguồn vốn ngắn hạn cho vay trung, dài hạn. Tại thời điểm 31/12/2020 tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn sử dụng cho vay trung và dài hạn là 26,6% giảm so với năm 2019 (tỷ lệ cho phép tối đa theo quy định của NHNN là 90%).

3.7. Hoạt động của 02 Chi nhánh:

Các chi nhánh của công ty chủ yếu thực hiện nhiệm vụ kết nối các hoạt động kinh doanh tại Hội sở với địa phương và do đặc điểm hoạt động kinh doanh các chi nhánh trên hai địa bàn TP. HCM và Đà Nẵng còn nhiều khó khăn, chênh lệch thu chi năm 2020 chi nhánh Đà Nẵng có lãi là 0,206 tỷ đồng, chi nhánh Tp.HCM hoạt động huy động vốn và giải ngân điều tăng trưởng, chênh lệch thu chi năm 2020 là 3,972 tỷ đồng.

Hoạt động của Khối Tín dụng tiêu dùng: Năm 2020 do ảnh hưởng của đại dịch covid19 nên tổng thu nhập chưa bù đắp được tổng chi phí phát sinh.

3.8 Công tác hỗ trợ khác:

Các hoạt động hỗ trợ của các phòng ban khác cũng đang thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ được giao

C. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Một số chỉ tiêu về nguồn vốn, tài sản Công ty tại thời điểm 31/12/2020 và kết quả kinh doanh năm 2020 toàn Công ty như sau (số liệu đã được Công ty TNHH Deloitte Việt Nam kiểm toán):

Tổng tài sản:	28.804,893 tỷ đồng.
Tổng doanh thu:	1.747,752 tỷ đồng.
Lợi nhuận trước thuế:	285,720 tỷ đồng.
Lợi nhuận sau thuế:	228,409 tỷ đồng.

Các chỉ số an toàn đều tuân thủ theo quy định của Luật các TCTD và Ngân hàng Nhà nước, cụ thể:

Hệ số an toàn tối thiểu CAR: 11,04% (quy định 9%).

Giới hạn cấp tín dụng một KH (bao gồm cả trái phiếu): 23,39% (quy định 25%).

Giới hạn cấp tín dụng nhóm KH (bao gồm cả trái phiếu): 16,90% (quy định 50%).

Tỷ lệ góp vốn mua cổ phần của TCTD/vốn ĐL tại DN cao nhất 11% (quy định 11%).

Giới hạn vốn góp mua cổ phần/tổng vốn điều lệ dự trữ: 37,14% (quy định 60%).

D. CÔNG TÁC ĐÁNH GIÁ HỆ THỐNG KIỂM TRA KIỂM SOÁT NỘI BỘ

Hệ thống quy chế, quy trình đã và đang từng bước hoàn thiện hơn, thường xuyên được bổ sung điều chỉnh phù hợp với pháp luật và tình hình phát triển của Công ty. Các quy chế, quy định ngày càng thể hiện cơ chế phân cấp, ủy quyền rõ ràng, chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm cụ thể đối với các đơn vị, cá nhân trong hệ thống làm cơ sở để xây dựng các chốt kiểm soát hiệu quả, hạn chế rủi ro.

Công tác ISO đã được chú trọng, thực hiện thường xuyên, liên tục là cơ sở để tăng cường công tác kiểm tra giám sát việc thực hiện quy chế, quy định, quy trình của Công ty.

Báo cáo đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ Công ty năm 2020 của Kiểm toán độc lập là Công ty TNHH Deloitte Việt Nam ban hành ngày 15 tháng 03 năm 2021 đánh giá: *“Trên cơ sở các thủ tục đã thực hiện và bằng chứng đã thu thập, chúng tôi không thấy có vấn đề nào để chúng tôi cho rằng hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 không hiệu quả, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các tiêu chí được trình bày tại Phụ lục I và Phụ lục II từ trang 32 đến trang 54”*; *“Chúng tôi cũng đã kiểm toán, theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam, báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và báo cáo kiểm toán của chúng tôi đề ngày 15 tháng 3 năm 2021 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần”*

E. NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ

+ Thường xuyên rà soát để sớm ban hành đầy đủ các quy định liên quan; sửa đổi, bổ sung các quy định cho phù hợp với thực tế kinh doanh và quy định hiện hành của Nhà nước.

+ Tiếp tục thu hồi/xử lý nợ đối với các khách hàng có nợ quá hạn, nợ xấu đã được cơ cấu lại nhưng lại thiếu hợp tác trả nợ của tất cả các hoạt động kinh doanh, tích cực thu hồi các khoản nợ quá hạn, đặc biệt các khoản phải thu, tài sản có khác.

+ Rà soát, ban hành bổ sung quy định về kiểm soát giải ngân, đánh giá định kỳ khách hàng vay vốn tại công ty trên tất cả các khía cạnh và đánh giá trong mối tương quan với các khách hàng khác, các hoạt động hợp tác kinh doanh với Công ty.

+ Lên kế hoạch thu hồi khoản cho vay, các khoản hợp tác kinh doanh, các khoản phải thu khác.

+ Bổ sung và hoàn thiện các hồ sơ còn thiếu chưa được cập nhật đầy đủ, đơn đốc thu nợ gốc, lãi đến hạn, quá hạn của các khách hàng.

+ Rà soát các gói thầu mua sắm để bổ sung, lưu trữ hồ sơ đầy đủ, thực hiện quyết toán đầu tư các dự án, báo cáo Hội đồng quản trị phê duyệt theo quy định. Xây dựng và trình Hội đồng quản trị ban hành quy chế đầu tư mua sắm tài sản để quản lý hoạt động đầu tư mua sắm tài sản cố định của công ty có hiệu quả hơn.

G- KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2021 CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Kiểm tra, giám sát việc triển khai, thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

2. Kiểm tra giám sát các hoạt động kinh doanh của Công ty và các chi nhánh; Kiểm tra, giám sát việc lập và ban hành Báo cáo Tài chính quý, năm 2021 của Công ty.

3. Chỉ đạo phòng Kiểm toán nội bộ thực hiện kiểm toán các hoạt động kinh doanh và các mặt hoạt động khác của Công ty theo kế hoạch kiểm toán nội bộ năm 2021 được Ban kiểm soát phê duyệt, theo quy chế, quy trình.

4. Tham gia các buổi họp của Hội đồng quản trị, các cuộc họp, hội thảo của Công ty.

5. Thực hiện nhiệm vụ công tác theo đúng chức năng nhiệm vụ đã được quy định trong Điều lệ Công ty.

Trên đây là báo cáo kết quả hoạt động năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021 của Ban Kiểm soát.

Nơi nhận:

- HĐQT;
- TGD;
- Lưu BKS.

TM. BAN KIỂM SOÁT

Trưởng Ban

Nguyễn Quốc Tuấn

Số: 26 /BC-TCĐL

Hà Nội, ngày 06 tháng 4 năm 2021

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2020,
KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2021**

Kính gửi: Quý vị Cổ đông,

PHẦN I
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2020

Năm 2020, đại dịch Covid-19 đã gây ra cuộc khủng hoảng nghiêm trọng, ảnh hưởng sâu sắc đến tất cả các nước. Kinh tế toàn cầu trải qua đợt suy thoái tồi tệ nhất kể từ cuộc Đại suy thoái những năm 1930, suy giảm 4,3%. Trong nước, Việt Nam đã hoàn thành mục tiêu kép, vừa phòng chống dịch bệnh Covid-19 thành công, vừa giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, tăng trưởng GDP đạt 2,9%. Thanh khoản hệ thống tài chính ngân hàng khá ổn định. Các tổ chức tín dụng chịu áp lực xử lý nợ xấu thực hiện theo Đề án cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2016 - 2020 và theo Nghị quyết 42/2017/QH14 của Quốc hội.

I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2020

1. Những kết quả chính

- Tại 31/12/2020, Tổng Tài sản đạt 28.804,9 tỷ đồng, tăng 30% so với thực hiện tại 31/12/2019.
- Lợi nhuận trước thuế năm 2020 đạt 285,7 tỷ đồng, tương đương thực hiện năm 2019, hoàn thành 102% kế hoạch năm 2020 đề ra.
- Tổng nguồn vốn huy động tại 31/12/2020 đạt 24.767 tỷ đồng, tăng 35,4% so với tại 31/12/2019.
- Tổng dư nợ cho vay khách hàng tại 31/12/2020 đạt 12.029,7 tỷ đồng, tăng 21,8% so với tại 31/12/2019.
- Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu CAR tại 31/12/2020 là 11,04%, trong năm luôn duy trì ở mức cao hơn mức quy định tối thiểu 9% của Ngân hàng Nhà nước.

Đơn vị: tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2020	Thực hiện năm 2020	
			Thực hiện	%/Kế hoạch
1	Vốn điều lệ	2.649,8	2.649,8	100%
2	Tổng tài sản	22.050	28.804,9	131%
3	Doanh thu	1.833	1.747,7	95%
4	Chi phí	1.552	1.462,0	94%
5	Lợi nhuận trước thuế	280,5	285,7	102%
6	Tỷ lệ nợ xấu	< 2%	1,32%	
7	Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu (CAR)	> 9%	11,04%	

2. Kết quả tổng quan

Năm 2020, EVNFinance đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận, cụ thể:

(i) Lợi nhuận trước thuế đạt 285,7 tỷ đồng, hoàn thành 102% kế hoạch năm.

(ii) nỗ lực thực hiện kế hoạch thu/xử lý nợ. Bám sát từng khách hàng, thực hiện kế hoạch thu hồi, xử lý nợ xấu/ nợ quá hạn. Kết quả năm 2020, đã thu/xử lý nợ xấu, nợ quá hạn, nợ tiềm ẩn rủi ro theo sát kế hoạch, tỷ lệ nợ xấu tại 31/12/2020 là 1,32%, thấp hơn 0,66% so với thực hiện tại 31/12/2019, đảm bảo < 2% theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

(iii) Duy trì hoạt động Dịch vụ, trọng tâm là dịch vụ quản lý ủy thác và cho vay lại. Năm 2020, thu nhập từ các hoạt động Dịch vụ đạt 105% kế hoạch đề ra.

(iv) Vận hành triển khai hoạt động tín dụng tiêu dùng với thương hiệu Easy Credit theo hướng tập trung phát triển sản phẩm trên nền tảng di động và xu hướng kinh doanh nền tảng. Những kết quả, bước đi trong năm 2020 là những tiền đề để phát triển sản phẩm trên cơ sở ứng dụng công nghệ số trong năm 2021 và những năm tiếp theo.

(v) Tái cơ cấu tổ chức nhân sự, thành lập Khối Công nghệ số phù hợp với định hướng phát triển của Công ty.

(vi) Chú trọng công tác tạo dựng nền tảng hỗ trợ - củng cố văn hóa doanh nghiệp, tác phong làm việc chuyên nghiệp, hiệu quả; các hoạt động kinh doanh và tác nghiệp hàng ngày của Công ty phù hợp theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015.

3. Kết quả thực hiện các hoạt động kinh doanh chính

3.1. Huy động vốn

Tổng nguồn vốn huy động đến 31/12/2020 đạt 24.767 tỷ đồng, tăng 35% so với

cuối năm 2019, đảm bảo thanh khoản và an toàn hoạt động, tuân thủ nghiêm ngặt các tỷ lệ, chỉ số theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

Năm 2020 là năm đặc biệt đối với doanh nghiệp cả nước nói chung và EVNFinance nói riêng, khi phải đối mặt với dịch bệnh, thực hiện giãn cách xã hội,... 6 tháng đầu năm 2020, trong bối cảnh bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid, Công ty đã nỗ lực cân đối nguồn vốn thị trường 1 và thị trường 2 đảm bảo hoạt động kinh doanh. 6 tháng cuối năm, Công ty đã tiếp cận, mở rộng danh mục khách hàng, phát triển quan hệ giao dịch với các Tập đoàn/Công ty lớn, có tiềm lực kinh tế mạnh, tạo dựng tập khách hàng ổn định. Ngoài các đối tác trong nước, EVNFinance đã tiếp cận, làm việc với các Quỹ nước ngoài. Trong Quý II/2020, sau nhiều vòng thẩm định khắt khe theo tiêu chuẩn quốc tế, Công ty đã huy động vốn thành công từ Quỹ Hợp tác khí hậu toàn cầu (GCPF). Quý IV/2020, Công ty huy động vốn thành công từ Quỹ rA. Việc huy động vốn thành công từ các Quỹ nước ngoài đã khẳng định mức tín nhiệm của Công ty đối với các Quỹ nước ngoài, là khởi đầu để Công ty mở rộng hoạt động với các đối tác nước ngoài.

3.2. Sử dụng vốn

Công ty tiếp tục duy trì các hoạt động kinh doanh cốt lõi - Đầu tư và Tín dụng, chú trọng phát triển cho vay, đầu tư trong lĩnh vực năng lượng, đóng góp mục tiêu lợi nhuận và duy trì nền tảng hướng tới phát triển là tổ chức tài chính tổng hợp vững mạnh.

Tại 31/12/2020, tổng dư nợ cho vay đạt 12.029,7 tỷ đồng. Công ty triển khai giải ngân bù đắp thu nợ và tăng trưởng theo kế hoạch. Năm 2020, Công ty tiếp tục đa dạng hóa lĩnh vực cho vay, đặc biệt dư nợ cho vay với mục đích đầu tư các dự án năng lượng, năng lượng tái tạo tăng hơn 1.500 tỷ đồng so với cuối năm 2019.

Đối với hoạt động cho vay tiêu dùng, do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, Công ty đã chủ động điều chỉnh và thu hẹp hoạt động nhằm hạn chế rủi ro thu hồi nợ. Đồng thời, Công ty rà soát các kênh cung cấp sản phẩm, thúc đẩy phát triển các kênh sản phẩm có tiềm năng trên cơ sở hợp tác với nhiều đối tác lớn; ưu tiên triển khai các sản phẩm mới, mức độ kiểm soát rủi ro tốt hơn, triển khai các kênh ứng dụng kết nối nhằm tăng tính cạnh tranh và cung cấp sản phẩm dịch vụ nhanh chóng tới khách hàng,...

Hoạt động Đầu tư tiếp tục được triển khai, đóng góp lợi nhuận chung của toàn Công ty. Tổng dư đầu tư tại 31/12/2020 đạt 7.237 tỷ đồng.

Cùng với việc tăng trưởng tài sản, những nỗ lực xử lý nợ xấu tồn đọng trong năm 2020 đưa tỷ lệ nợ xấu của Công ty về 1,32%, giảm 0,66% so với năm 2019, đảm bảo < 2% theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.



3.3. Các hoạt động Dịch vụ

3.3.1. Hoạt động Quản lý ủy thác cho vay lại

Đến 31/12/2020, EVNFinance đang quản lý giải ngân, thực hiện cho vay lại các dự án với tổng giá trị cam kết tài trợ hơn 5 tỷ USD (quy đổi). Các hoạt động kiểm soát chi, giải ngân nhận nợ, các nghiệp vụ quản lý sau cho vay được triển khai đúng tiến độ yêu cầu. Tính đến cuối năm 2020, lũy kế giải ngân các chương trình, dự án được giao đạt 90,5% tổng giá trị cam kết tài trợ. Công tác thu, trả nợ được thực hiện theo đúng quy định tại các văn kiện tín dụng, không phát sinh nợ xấu, nợ quá hạn.

Để đảm bảo chất lượng dịch vụ triển khai các dự án đã được giao, EVNFinance đã chú trọng đầu tư nhân lực, công nghệ, nâng cao năng lực cho các đơn vị nghiệp vụ, cung cấp dịch vụ với chất lượng tốt nhất tới các khách hàng.

3.3.2. Hoạt động Tư vấn

Năm 2020, Công ty tiếp tục tiếp cận, triển khai các dịch vụ tư vấn tài chính, tư cổ phần hóa,... Hoạt động dịch vụ hướng trọng tâm vào khách hàng mục tiêu EVN và các doanh nghiệp hoạt động trong ngành điện. Năm 2020, EVNFinance triển khai công tác Tư vấn cổ phần hóa Tổng Công ty Phát điện 2 (GENCO2) theo Hợp đồng đã ký kết.

Ngoài việc tìm kiếm cơ hội, triển khai các dịch vụ tư vấn đã và đang thực hiện, Công ty thực hiện phát triển các sản phẩm dịch vụ mới, phù hợp với nhu cầu thị trường và định hướng phát triển kinh doanh của Công ty. Các sản phẩm, dịch vụ trong lĩnh vực Fintech và điện mặt trời được tập trung xem xét thực hiện.

4. Các hoạt động hỗ trợ vận hành

Các hoạt động hỗ trợ được triển khai thực hiện nhằm hỗ trợ tối đa cho hoạt động kinh doanh, tăng cường tính chuyên nghiệp, hiệu quả.

4.1. Hoạt động công nghệ số

Với quan điểm công nghệ số phải được ứng dụng vào tất cả các hoạt động cũng như con người tại Công ty, Ban Điều hành Công ty đã xây dựng và trình Hội đồng Quản trị phê duyệt Kế hoạch công nghệ thông tin năm 2020 - 2021. Ban Điều hành đã chỉ đạo quyết liệt triển khai theo Kế hoạch đề ra. Theo đó, EVNFinance triển khai nâng cấp tổng thể các hệ thống Core, thực hiện chuyển đổi số tập trung bằng việc cải tiến quy trình, những hệ thống hiện có xoay quanh 4 vấn đề: phân tích xử lý dữ liệu lớn (big Data), ứng dụng trí tuệ nhân tạo, công nghệ mobile và mở rộng dịch vụ kinh doanh nền tảng (Platform). Đến năm 2020, EVNFinance đã kết nối, hợp tác với nhiều

đối tác là tổ chức trung gian thanh toán, công nghệ tài chính (Fintech) để cùng nhau khai thác thị trường, phát triển mô hình kinh doanh nền tảng, hướng tới ứng dụng mạnh mẽ công nghệ số cung cấp các sản phẩm dịch vụ thân thiện, chi phí thấp, tiện lợi an toàn cho khách hàng. Kế hoạch chuyển đổi số của EVNFinance không chỉ dừng lại ở các ứng dụng lõi phục vụ các nghiệp vụ tài chính, mà còn ứng dụng sâu rộng vào các mặt kinh doanh, quản lý, quản trị nội bộ và đến tất cả cán bộ nhân viên của Công ty.

4.2. Hoạt động Tổ chức nhân sự và đào tạo

Tổng số cán bộ nhân viên bình quân năm 2020 của toàn Công ty là 531 người, trong đó hơn 73% cán bộ có trình độ đại học và trên đại học. Công ty luôn tập trung tuyển dụng nhân sự có kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính ngân hàng. Trình độ đào tạo có nền tảng tốt kết hợp với có kinh nghiệm công tác là một trong những cơ sở thuận lợi cho EVNFinance trong quá trình phát triển kinh doanh.

Với mục tiêu xây dựng, phát triển đội ngũ nhân sự có trình độ chuyên môn, kỹ năng tốt, đáp ứng yêu cầu hoạt động kinh doanh, EVNFinance đã thường xuyên thực hiện các chương trình đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực, kỹ năng cho CBNV. Các hoạt động tọa đàm, hội thảo, trao đổi nội bộ được tổ chức thường xuyên, tạo cơ hội chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm của cán bộ nhân viên trong nội bộ Công ty. Các khóa học đào tạo, tọa đàm nội bộ của Công ty tập trung mục tiêu trang bị kỹ năng, kiến thức cần thiết, sát với nhu cầu công việc của cán bộ nhân viên như đào tạo về Quản trị rủi ro và kiểm soát nội bộ theo tiêu chuẩn COSO, Kiểm toán nội bộ chuẩn quốc tế IIA, Kỹ thuật thực hiện Báo cáo động trên Excel và Add-in A-tools, kỹ năng lập kế hoạch tổ chức công việc, tọa đàm về Quản trị rủi ro, đào tạo về An toàn thông tin...

4.3. Hoạt động Quản trị rủi ro

Công tác quản trị rủi ro của EVNFinance trong các năm qua luôn tập trung quản trị vào các nhóm rủi ro chính gồm rủi ro tín dụng, rủi ro đầu tư, rủi ro lãi suất, rủi ro hoạt động, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Thông qua các quy định cụ thể của Ngân hàng Nhà nước đối với các nhóm rủi ro nêu trên và xuất phát từ thực tiễn quản trị rủi ro, EVNFinance đã xây dựng và áp dụng các quy chế, quy định phù hợp nhằm kiểm soát các rủi ro có thể xảy ra cũng như đưa các kịch bản phù hợp nhằm giảm thiểu các rủi ro này. Các văn bản quy định nội bộ của EVNFinance trong công tác quản trị rủi ro đã góp phần ổn định hoạt động của EVNFinance và phát huy vai trò kiểm soát, quản trị rủi ro trong hoạt động kinh doanh của EVNFinance. Năm 2020, dưới tác động của dịch bệnh Covid, Công ty đã thành lập Ban chỉ đạo Phương án ứng



phó dịch bệnh Covid-19 và tăng cường kiểm soát các rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản, rủi ro hoạt động và rủi ro thị trường, duy trì hoạt động an toàn, ổn định của Công ty. Trong thời gian tới, Công ty tiếp tục đẩy mạnh công tác Quản trị rủi ro thông qua hoạt động của Hội đồng Quản lý tài sản nợ có, đẩy mạnh các phân lớp quản trị rủi ro, đồng thời tăng cường nguồn nhân lực liên quan đến QTRR.

4.4. Các hoạt động nền tảng khác

Các hoạt động nền tảng khác gồm công tác kiểm soát nội bộ, công tác kế toán, công tác pháp chế,... tiếp tục được thực hiện, bám sát mục tiêu tập trung nâng cao hiệu quả, chất lượng và an toàn hoạt động.

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG KHÁC TẠI NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020

- 1. Thực hiện Phương án chi trả cổ tức năm 2018, 2019:** Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2020 thông qua nội dung ủy quyền cho Hội đồng Quản trị thực hiện các thủ tục cần thiết để thực hiện Phương án chi trả cổ tức năm 2018, 2019 sau khi được Ngân hàng Nhà nước phê duyệt. Sau ĐHĐCĐ, EVNFinance đã gửi công văn xin ý kiến Ngân hàng Nhà nước về Kế hoạch phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức năm 2018, 2019 và phương án tăng vốn điều lệ. Hiện, EVNFinance đang thường xuyên bám sát Ngân hàng Nhà nước liên quan đến việc xem xét đề xuất của EVNFinance. Trong năm 2021, sau khi trình ĐHĐCĐ phê duyệt kế hoạch phân phối lợi nhuận 2020, EVNFinance sẽ báo cáo, trình Ngân hàng Nhà nước Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020, song song với việc đơn đốc Ngân hàng Nhà nước phê duyệt Kế hoạch phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức năm 2018, 2019.
- 2. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực:** Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty đã được sửa đổi lần 9 và ban hành vào tháng 6 năm 2020.
- 3. Quyết định lựa chọn Công ty Kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021:** Hội đồng Quản trị Công ty đã lựa chọn Công ty TNHH Deloitte Việt Nam thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty.

PHẦN II KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2021

I. Định hướng - Mục tiêu

Năm 2021, Việt Nam vẫn phải đối mặt với những thách thức trong môi trường kinh tế thế giới chưa ổn định, khi sự tái bùng phát của dịch Covid tại nhiều nước đi kèm với các biện pháp phong tỏa, ảnh hưởng tới kỳ vọng kết nối giao thương,... Mặc dù vậy, với sự ổn định vĩ mô, kỳ vọng tăng trưởng kinh tế của Việt Nam đã được dự báo ở mức 6 - 7%. Cùng với những kết quả đạt được trong năm 2020 nêu ở phần trên, EVNFinance tự tin để xác định các mục tiêu cho năm 2021, cụ thể như sau:

1. Tăng trưởng hiệu quả hoạt động kinh doanh trên tất cả các kênh hoạt động kinh doanh. Tăng trưởng lợi nhuận 12%.
2. Tăng nhận diện quốc tế thông qua tiếp cận và giao dịch thành công với các tổ chức tài chính quốc tế.
3. Tái cấu trúc mạnh mẽ bộ máy tổ chức.
4. Xây dựng kế hoạch, từng bước thực hiện để đưa cổ phiếu EVF niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM.
5. Kiểm soát chặt chẽ, tuân thủ tuyệt đối các chỉ số an toàn theo yêu cầu của các cơ quan quản lý nhà nước - Cân đối với mục tiêu an toàn, hiệu quả của Công ty để có những điều hành linh hoạt, phân bổ hoạt động phù hợp giữa các lĩnh vực kinh doanh, giữa các đơn vị kinh doanh. Đối với tỷ lệ nợ xấu, đặt mục tiêu tỷ lệ nợ xấu nội bảng < 2%, thấp hơn mức quy định của NIINN (3%).

II. Kế hoạch kinh doanh 2021 trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021

2.1. Các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2021

Đơn vị: tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2020	Kế hoạch 2021	
			Kế hoạch	%/TH 2020
1	Vốn điều lệ (*)	2.649	3.047	115%
2	Tổng tài sản	28.804	29.020	101%
3	Doanh thu	1.747	2.264	130%
4	Chi phí	1.426	1.943	133%
5	Lợi nhuận trước thuế	285,7	320,8	112%

(*) Vốn Điều lệ dự kiến tăng 15% sau khi EVNFinance hoàn thành các thủ tục tăng Vốn Điều lệ theo phê duyệt của Ngân hàng Nhà nước và các cơ quan quản lý nhà nước.

Trân trọng báo cáo và kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021./.

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- Lưu: VT, VP HĐQT, TCKT (TCKH).



Nguyễn Hoàng Hải

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC

Kính thưa các quý vị khách quý, kính thưa quý vị cổ đông,

Được sự ủy quyền của Hội đồng quản trị, sau đây tôi xin thay mặt Hội đồng quản trị báo cáo Đại hội cổ đông về kết quả hoạt động năm 2020 và định hướng chỉ đạo của hội đồng quản trị năm 2021.

I. Kết quả hoạt động kinh doanh 2020

Năm 2020 là năm khó khăn lịch sử của toàn thế giới, trong bối cảnh đại dịch covid 19 gây nên những tác động lớn đến tình hình kinh tế vĩ mô toàn cầu; Việt Nam đã hoàn thành mục tiêu kép, vừa phát triển kinh tế, vừa đảm bảo phòng chống dịch và đạt được thành tựu là một trong số rất ít các quốc gia có nền kinh tế tăng trưởng trong bối cảnh đại dịch covid. HĐQT nhận định trong nguy luôn có cơ, Công ty đã tập trung triển khai các hoạt động kinh doanh một cách thận trọng, bám sát các diễn biến của điều kiện kinh tế vĩ mô, chỉ đạo điều hành của Chính phủ và của Ngân Hàng Nhà Nước để tận dụng tối đa các cơ hội triển khai các hoạt động kinh doanh, trong đó tập trung vào mảng tài chính tiêu dùng ứng dụng nền tảng công nghệ số, triển khai thành công thương hiệu tín dụng tiêu dùng Easy Credit, đẩy mạnh hoạt động cho vay, đầu tư cho vay trong mảng năng lượng sạch, năng lượng tái tạo; tình hình dịch bệnh cũng là điều kiện để thúc đẩy tái cấu trúc cơ cấu tổ chức, bộ máy nhân sự, thực hiện ứng dụng chuyển đổi số, tăng cường triển khai các giải pháp công nghệ và tăng cường mở rộng các đối tác, khách hàng là các định chế tài chính, các tập đoàn lớn trong và ngoài nước.

Công ty đã đạt được các kết quả kinh doanh khả quan, thể hiện ở các chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế đạt mức 285.7 tỷ đồng, đạt 102% kế hoạch, tổng tài sản đạt 28.804,9 tỷ, đạt 131% kế hoạch, doanh thu đạt 1.747,7 tỷ, đạt 95% kế hoạch. Chỉ tiêu về tỷ lệ nợ xấu ở mức 1.32%, tỷ lệ an toàn vốn đạt mức 11.04% đều đảm bảo theo quy định của Ngân hàng Nhà Nước.

Có thể nói đây là những kết quả khả quan, thể hiện được sự nỗ lực rất lớn của Ban Điều hành và tập thể CBNV toàn công ty; HĐQT đánh giá năm 2020 là năm Công ty đã có những bước chuyển mình mạnh mẽ, từ cấu trúc hệ thống, thay đổi Ban điều hành, thay đổi cơ cấu tổ chức, **thay đổi chất lượng tài sản và hoạt động xử lý nợ xấu đều có những diễn biến rất tích cực; tỷ lệ nợ xấu đạt mức 1.32% là mức rất thấp so với mặt bằng Các Công ty Tài chính**, chúng ta đã nhận được sự tin nhiệm từ các tổ chức tài chính quốc tế sau nhiều vòng thẩm định khắt khe để nhận vốn huy động (từ

Quỹ Hợp tác Khí Hậu Toàn Cầu – GCPF và Quỹ giải ngân, tài trợ cho các dự án năng lượng xanh; thể hiện một bước chuyển mình mạnh mẽ trong chất lượng tài sản và tiềm năng tăng trưởng của hoạt động kinh doanh.

II. Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020

2.1. Công tác chỉ đạo điều hành của HĐQT

Quá trình chỉ đạo định hướng các hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2020, trong kỳ, HĐQT đã ban hành 89 Nghị quyết, 51 quyết định để kịp thời xử lý và điều hành các công việc của Công ty; thực hiện họp giao ban hằng tháng, họp HĐQT hằng quý để kịp thời xử lý triển khai các công việc điều hành. trong đó, Hội đồng quản trị tập trung chỉ đạo với các nhiệm vụ cho Ban Điều hành như sau:

- Tập trung công tác kiện toàn nhân sự, đặc biệt nhân sự cấp cao; từ cuối năm 2019, đầu năm 2020; HĐQT đã thực hiện kiện toàn nhân sự Ban Điều hành, ...trong năm 2021; HĐQT đã phê duyệt đề án để tổ chức thành lập khối công nghệ số; khối Tài chính kế hoạch phù hợp với định hướng đưa công ty trở thành một Công ty tài chính công nghệ trên nền tảng ứng dụng công nghệ số.
- Kiện toàn hoạt động tín dụng, đầu tư, đảm bảo chất lượng tài sản tín dụng, đầu tư duy trì ở mức tốt, tỷ lệ nợ xấu ở mức thấp so với trung bình ngành, trong đó tận dụng tối đa các lợi thế cạnh tranh của Công ty ở các lĩnh vực như cấp tín dụng trong hoạt động năng lượng, quan hệ với các định chế tài chính quốc tế để tài trợ vốn các dự án năng lượng sạch như điện gió, điện mặt trời; nghiên cứu và thúc đẩy các hoạt động đầu tư, đặc biệt là các hoạt động đầu tư góp vốn và mua cổ phần để đem lại giá trị gia tăng cao cho Công ty.
- Trong năm 2020 đã cơ bản xử lý triệt để các tồn tại, các khoản nợ xấu, nợ phải thu, nợ khó thu hồi được tập trung xử lý triệt để. Chỉ tiêu nợ xấu và nợ tiềm ẩn nợ xấu ở mức đảm bảo tích cực. Theo đó, tỷ lệ nợ xấu tại thời điểm 31/12/2021 đạt mức 1.32%, là điều kiện cực kỳ tích cực để thực hiện các công tác huy động vốn và mở rộng phát triển kinh doanh trong giai đoạn tới.
- Xây dựng văn hóa doanh nghiệp, tác phong làm việc chuyên nghiệp, năng động, trách nhiệm và kỉ cương, chỉ đạo và triển khai kiện toàn tổng thể từ cơ cấu tổ chức cho đến văn hóa doanh nghiệp, một không gian mới, không khí mới được cảm nhận bởi từng CBNV cho tiềm năng tăng trưởng của Công ty trong tương lai rất gần.

2.2. Hoạt động của các Ủy ban Quản lý Rủi ro, Ủy ban Nhân sự

Các hoạt động về chính sách quản lý rủi ro, quản lý tài sản nợ và có, chính sách nhân sự được các Ủy ban chuyên trách của HĐQT thực hiện theo dõi và có các chỉ đạo kịp thời về các chính sách phù hợp với diễn biến tình hình thực tế theo từng thời kỳ.

- ✓ Ủy ban Quản lý Rủi ro theo dõi sát các diễn biến về tình hình thị trường tài chính, lãi suất, ngành nghề kinh doanh để tham mưu có các khẩu vị rủi ro về định hướng đầu tư, mặt bằng lãi suất, khuyến nghị tập trung dòng tiền theo từng thời kỳ.

- ✓ Ủy ban nhân sự thực hiện tham mưu cho HĐQT về quy mô, cơ cấu nhân sự, bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm các thành viên HĐQT, BKS, người điều hành, tham mưu, đề xuất mức lương, thưởng, chế độ thu hút nhân sự cho các mảng nhân sự theo từng thời kỳ.

Về công tác chi trả cổ tức,. Trong thời gian qua, Công ty đã hoàn thành công tác chi trả cổ tức năm 2017 với mức chi trả là 6 % bằng hình thức chi trả bằng cổ phiếu. HĐQT tiếp tục xin ý kiến chi trả cổ tức năm 2018 và kết hợp xin ý kiến chi trả cổ tức của năm 2019 với tổng mức chi trả là 15%. Cổ tức dự kiến năm 2020 dự kiến xin phê duyệt là 7% bằng hình thức chi trả bằng cổ phiếu.

(chi tiết theo nội dung Tờ trình về phương án phân phối lợi nhuận năm 2020)

Với những kết quả đạt được nêu trên, . Hội đồng quản trị ghi nhận các thành quả đã đạt được của tập thể Ban Điều Hành, cán bộ nhân viên toàn công ty trong năm 2020 đã đồng sức đồng lòng, vượt qua khó khăn thử thách đại dịch covid 19, để hoàn thành nhiệm vụ kinh doanh đã đặt ra. Kính đề nghị Đại hội cổ đông thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020 do Ban Điều hành đã trình bày tại phần báo cáo của Tổng Giám đốc.

III. Định hướng hoạt động kinh doanh năm 2021

Trong bối cảnh diễn biến dịch bệnh covid 19 còn phức tạp, chưa thể mở cửa hoàn toàn nền kinh tế, các rủi ro dịch bệnh bùng phát trở lại vẫn còn hiện hữu, các ngành kinh tế đặc biệt là du lịch, hàng không, dịch vụ...sẽ tiếp tục gặp khó khăn; Tuy nhiên, với những thành tựu đã đạt được trong công tác chống dịch và đảm bảo tăng trưởng kinh tế, nền tảng sản xuất của các doanh nghiệp đã có sự phục hồi, đặc biệt là các ngành xuất khẩu đã có sự khởi sắc, các dòng vốn dịch chuyển sản xuất đang tập trung về Việt Nam trong thời gian gần đây, cộng hưởng với việc Chính Phủ đang thúc đẩy đầu tư công một cách mạnh mẽ, NHNN sẽ tiếp tục duy trì một chính sách tiền tệ hợp lý đảm bảo duy trì mặt bằng lãi suất thấp nhằm hỗ trợ sản xuất kinh doanh cho các doanh nghiệp, HĐQT xác định một số nhiệm vụ trọng tâm như sau:

1. Định hướng công ty trở thành Công ty tài chính công nghệ, xây dựng hệ thống platform, AI, Bigdata, kết hợp với các Công ty, Tập đoàn lớn (Viettel, Vingroup, EVN, Zalo...) và các nền tảng bán hàng trực tuyến nhằm xây dựng triển khai các sản phẩm tài chính công nghệ, xây dựng và kết hợp với các hệ sinh thái có số lượng người dùng lớn. Tập trung đầu tư thực hiện chuyển đổi số, số hóa quy trình, tối ưu hệ thống, nghiên cứu chuyển đổi mô hình kinh doanh, tài chính bán lẻ ứng dụng công nghệ, (cho vay chủ hộ kinh doanh – tiệm tạp hóa, hộ kinh doanh cá thể)...

2. Tập trung chiến lược đầu tư vào lĩnh vực năng lượng, đặc biệt là các dự án năng lượng tái tạo. Đây là chiến lược đã được thực hiện và đẩy mạnh trong năm 2020, dự kiến trong năm 2021; Công ty sẽ tiếp tục thực hiện giải pháp tìm kiếm nguồn lực từ các quỹ, tổ chức đầu tư nước ngoài có tiềm lực để huy động vốn cho tín dụng và đầu tư vào các dự án năng lượng xanh (điện gió, mặt trời...)
3. Kiến tạo đội ngũ nhân sự, quy chế quy trình nội bộ, tăng cường đầu tư vào hệ thống công nghệ, quản lý rủi ro, pháp chế, tăng cường ứng dụng công nghệ trong chỉ đạo điều hành nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động và đảm bảo an toàn hoạt động.
4. Xác định việc tăng trưởng kinh doanh của Công ty phải phù hợp với tiềm năng tăng trưởng tài sản, HĐQT nhận định việc tăng trưởng lợi nhuận trước thuế năm 2021 ở mức đạt 112% so với thực hiện năm 2020, tương đương mức 320.8 tỷ đồng. Các chỉ tiêu kết quả kinh doanh năm 2021 như đã nêu tại báo cáo của Tổng Giám đốc.
5. Xây dựng kế hoạch, lộ trình thực hiện để đưa cổ phiếu EVF niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM.

Trên đây là nội dung báo cáo của HĐQT tại Đại hội đồng cổ đông năm 2020; một lần nữa thay mặt HĐQT, tôi xin trân trọng cảm ơn sự quan tâm chỉ đạo của lãnh đạo NHNN, sự hỗ trợ và phối hợp của các khách hàng lớn, đối tác của Công ty; xin dành sự cảm ơn và chúc sức khỏe, bình an tới tất các vị khách quý, các quý vị cổ đông của Công ty.



Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Hoàng Văn Ninh

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC

(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 56



CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC

Tầng 14, 15 và 16 tháp B, Tòa nhà EVN

Số 11 Cửa Bắc, Ba Đình

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Hoàng Văn Ninh	Chủ tịch
Ông Bùi Xuân Dũng	Phó Chủ tịch (Miễn nhiệm từ ngày 10 tháng 6 năm 2020)
Bà Cao Thị Thu Hà	Thành viên
Ông Nguyễn Hoàng Hải	Thành viên
Ông Lê Mạnh Linh	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 10 tháng 6 năm 2020)
Ông Hoàng Mạnh Hải	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 10 tháng 6 năm 2020)
Bà Nguyễn Thúy Trang	Thành viên độc lập

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Hoàng Hải	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 06 tháng 01 năm 2020)
Ông Lê Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đào Lê Huy	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 15 tháng 4 năm 2020)
Ông Hoàng Thế Hưng	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 15 tháng 6 năm 2020)
Ông Lý Mạnh Hà	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 15 tháng 01 năm 2020)
Ông Hoàng Mạnh Hải	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 01 tháng 10 năm 2020)
Ông Mai Danh Hiền	Giám đốc Tài chính (Bổ nhiệm từ ngày 15 tháng 6 năm 2020)

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC

Tầng 14, 15 và 16 tháp B, Tòa nhà EVN

Số 11 Cửa Bắc, Ba Đình

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ Kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Hoàng Hải

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2021

Số: 0701 /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 15 tháng 3 năm 2021, từ trang 5 đến trang 56, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Trần Huy Công

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0891-2018-001-1

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 15 tháng 3 năm 2021

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam



Mai Thị Thúy Loan

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 3837-2021-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: Triệu VND

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN			
I.	Tiền mặt	5	1.977	3.872
II.	Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước (NHNN)	6	100.855	5.398
III.	Tiền gửi và cho vay các TCTD khác	7	8.255.119	3.209.032
1.	Tiền gửi tại các TCTD khác		5.457.019	1.471.594
2.	Cho vay các TCTD khác		2.798.100	1.737.438
IV.	Cho vay khách hàng		11.883.573	9.719.246
1.	Cho vay khách hàng	8	12.029.785	9.874.143
2.	Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	9	(146.212)	(154.897)
V.	Chứng khoán đầu tư	10	6.456.403	6.982.557
1.	Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		6.378.484	6.861.279
2.	Chứng khoán đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		230.788	315.252
3.	Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư		(152.869)	(193.974)
VI.	Góp vốn, đầu tư dài hạn	11	446.784	479.443
1.	Đầu tư dài hạn khác		447.573	480.022
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(789)	(579)
VII.	Tài sản cố định		77.900	91.410
1.	Tài sản cố định hữu hình	12	35.021	43.104
a.	Nguyên giá TSCĐ		99.097	99.671
b.	Hao mòn TSCĐ		(64.076)	(56.567)
2.	Tài sản cố định vô hình	13	42.879	48.306
a.	Nguyên giá TSCĐ		72.377	71.453
b.	Hao mòn TSCĐ		(29.498)	(23.147)
VIII.	Tài sản Có khác	14	1.582.282	1.632.854
1.	Các khoản phải thu		1.065.806	1.117.376
2.	Các khoản lãi, phí phải thu		658.740	826.096
3.	Tài sản Có khác		52.890	60.689
4.	Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác		(195.154)	(371.307)
TỔNG TÀI SẢN CÓ			28.804.893	22.123.812

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: Triệu VND

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B.	NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU			
I.	Tiền gửi và vay các TCTD khác	15	12.965.360	9.277.288
1.	Tiền gửi của các TCTD khác		4.648.860	3.225.000
2.	Vay các TCTD khác		8.316.500	6.052.288
II.	Tiền gửi của khách hàng	16	6.773.022	4.642.451
III.	Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	17	4.528.715	4.358.543
IV.	Phát hành giấy tờ có giá	18	500.000	10.000
V.	Các khoản nợ khác	19	371.911	384.979
1.	Các khoản lãi, phí phải trả		226.078	250.132
2.	Các khoản phải trả và công nợ khác		145.833	134.847
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		25.139.008	18.673.261
VI.	Vốn chủ sở hữu	20	3.665.885	3.450.551
1.	Vốn của TCTD		2.652.141	2.502.328
a.	Vốn điều lệ		2.649.813	2.500.000
b.	Vốn đầu tư XDCB, mua sắm tài sản cố định		2.328	2.328
2.	Quỹ của TCTD		370.987	336.569
3.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		642.757	611.654
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		28.804.893	22.123.812

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị: Triệu VND

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1.	Cam kết giao dịch hối đoái	35	-	5.219
	Cam kết mua ngoại tệ	35	-	2.598
	Cam kết bán ngoại tệ	35	-	2.621
2.	Bảo lãnh khác	35	26.751	26.053

Nguyễn Thị Quỳnh
Người lập biểu

Mai Danh Hiền
Kế toán trưởng



Nguyễn Hoàng Hải
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: Triệu VND

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	21	1.473.666	1.361.597
2.	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	22	(760.455)	(808.491)
I.	Thu nhập lãi thuần		713.211	553.106
3.	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		146.060	186.601
4.	Chi phí hoạt động dịch vụ		(69.492)	(128.596)
II.	Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	23	76.568	58.005
III.	Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	24	2.672	4.336
IV.	Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	25	17.434	51.410
5.	Thu nhập từ hoạt động khác		93.350	74.561
6.	Chi phí hoạt động khác		(1.253)	(519)
V.	Lãi thuần từ hoạt động khác	26	92.097	74.042
VI.	Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	27	4.620	7.180
VII.	Chi phí hoạt động	28	(303.212)	(361.262)
VIII.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		603.390	386.817
IX.	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	29	(317.670)	(101.351)
X.	Tổng lợi nhuận trước thuế		285.720	285.466
7.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	30	(57.311)	(56.014)
XI.	Chi phí thuế TNDN	30	(57.311)	(56.014)
XII.	Lợi nhuận sau thuế		228.409	229.452
XIII.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	20	813	817

Nguyễn Thị Quỳnh
Người lập biểu

Mai Danh Hiền
Kế toán trưởng



Nguyễn Hoàng Hải
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 3 năm 2021

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: Triệu VND

STT	CHỈ TIÊU	Năm nay	Năm trước
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01.	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được	1.636.089	1.143.340
02.	Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả	(784.509)	(773.466)
03.	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được	81.501	61.602
04.	Chênh lệch số tiền thực thu/thực chi từ hoạt động kinh doanh (ngoại tệ, chứng khoán)	16.261	15.845
05.	Thu nhập/(Chi phí) khác	5.219	(426)
06.	Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xoá, bù đắp bằng nguồn rủi ro	86.217	74.467
07.	Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ	(271.502)	(298.422)
08.	Tiền thuế thu nhập thực nộp trong năm	(54.288)	(45.012)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và vốn lưu động	714.988	177.928
	Những thay đổi về tài sản hoạt động	(1.147.623)	(769.574)
09.	Giảm các khoản tiền gửi và cho vay các TCTD khác	918.365	419.914
10.	Giảm các khoản về kinh doanh chứng khoán	567.259	131.875
11.	(Tăng) các khoản cho vay khách hàng	(2.155.642)	(1.024.522)
12.	(Giảm) nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản	(539.843)	(159.002)
13.	Giảm/(Tăng) khác về tài sản hoạt động	62.238	(137.839)
	Những thay đổi về công nợ hoạt động	6.459.812	1.792.405
14.	Tăng các khoản tiền gửi, tiền vay các TCTD	3.688.072	2.386.908
15.	Tăng tiền gửi của khách hàng	2.130.571	1.318.123
16.	Tăng phát hành giấy tờ có giá (ngoại trừ giấy tờ có giá phát hành được tính vào hoạt động tài chính)	490.000	10.000
17.	Tăng/(Giảm) vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro	170.172	(1.928.333)
18.	(Giảm)/Tăng khác về công nợ hoạt động	(8.177)	12.889
19.	Chi từ các quỹ của tổ chức tín dụng	(10.826)	(7.182)
I.	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	6.027.177	1.200.759
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
01.	Mua sắm tài sản cố định	(5.557)	(26.344)
02.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	660	-
03.	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác	(42.121)	(369.070)
04.	Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác	74.955	-
05.	Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn	4.235	7.180
II.	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	32.172	(388.234)

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: Triệu VND

STT	CHỈ TIÊU	Năm nay	Năm trước
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
01.	Cổ tức trả cho cổ đông, lợi nhuận đã chia	(1.335)	(2.478)
III.	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(1.335)	(2.478)
IV.	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	6.058.014	810.047
V.	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	2.092.036	1.281.989
VI.	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (Xem Thuyết minh số 31)	8.150.050	2.092.036

Nguyễn Thị Quỳnh
Người lập biểu

Mai Danh Hiền
Kế toán trưởng



Nguyễn Hoàng Hải
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 3 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực (gọi tắt là “Công ty”) là một Công ty cổ phần được thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam theo Giấy phép hoạt động số 187/GP-NHNN ngày 07 tháng 7 năm 2008 do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (“NHNNVN”) cấp, sửa đổi bổ sung theo Quyết định số 298/QĐ-NHNN ngày 26 tháng 02 năm 2018. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0102806367 ngày 08 tháng 7 năm 2008 và được sửa đổi lần thứ mười một ngày 26 tháng 6 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, vốn điều lệ của Công ty là 2.649.813 triệu VND.

Mạng lưới và hoạt động

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại tầng 14, 15 và 16 tháp B, Tòa nhà EVN, số 11 Cửa Bắc, Quận Ba Đình, Hà Nội. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có một (01) Hội sở chính và hai (02) chi nhánh tại Đà Nẵng và thành phố Hồ Chí Minh.

Các hoạt động chính của Công ty là huy động vốn ngắn, trung và dài hạn; cho vay ngắn, trung và dài hạn; kinh doanh chứng khoán, đầu tư góp vốn, mua cổ phần; kinh doanh ngoại hối và dịch vụ ủy thác cho vay, ủy thác quản lý.

Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, tổng số nhân viên của Công ty là 531 người (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 524 người).

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Sự lây lan của dịch bệnh do chủng virus Corona mới gây ra (“Covid-19”) đã và đang tác động đến nền kinh tế thế giới và trong nước. Hoạt động kinh doanh của Công ty cũng chịu ảnh hưởng gián tiếp từ diễn biến không chắc chắn của đại dịch Covid-19 ở Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá ảnh hưởng của Covid-19 với tình hình tài chính và hoạt động sản xuất kinh doanh đồng thời theo dõi các chính sách hỗ trợ của Chính phủ để thực hiện tất cả các biện pháp thích hợp nhằm hạn chế tác động tiêu cực của dịch bệnh tới hoạt động của Công ty trong năm tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng tin tưởng rằng Covid-19 không ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Tuy nhiên, do quy mô hoạt động của

Công ty lớn, cho mục đích lập báo cáo tài chính này, các số liệu được làm tròn đến hàng triệu và trình bày theo đơn vị triệu VND. Việc trình bày này không ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty. Riêng đối với chỉ tiêu về số lượng cổ phiếu, Công ty thực hiện trình bày số liệu đến hàng đơn vị như trong Thuyết minh số 20.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN MỚI

Ngày 13 tháng 3 năm 2020, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư số 01/2020/TT-NHNN (“Thông tư 01”) quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng do dịch Covid-19. Theo đó, đối với khách hàng có khoản vay phát sinh nghĩa vụ trả nợ gốc và/hoặc lãi theo hợp đồng, thỏa thuận cho vay đã ký do doanh thu, thu nhập sụt giảm bởi ảnh hưởng của dịch Covid-19, thì Công ty được phép cơ cấu lại thời gian trả nợ cho các khoản cho vay này mà vẫn giữ nguyên nhóm nợ như đã được phân loại tại thời điểm gần nhất trước ngày 23 tháng 01 năm 2020. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 13 tháng 3 năm 2020 và Công ty đã áp dụng Thông tư 01 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước, tiền gửi thanh toán tại các TCTD khác, và tiền gửi và cho vay các TCTD khác có kỳ hạn gốc không quá ba (03) tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản cho vay khách hàng

Các khoản cho vay khách hàng được trình bày theo số dư nợ gốc tại ngày kết thúc năm tài chính ngoại trừ các khoản cho vay không có khả năng thu hồi đã được xử lý rủi ro. Theo Thông tư 02/2013/TT-NHNN ngày 21 tháng 01 năm 2013 (“Thông tư 02”), Công ty phải thành lập Hội đồng Xử lý rủi ro để quyết định việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong các trường hợp:

- Khách hàng là tổ chức kinh tế bị giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật, cá nhân bị chết, mất tích;
- Các khoản nợ được phân loại vào nhóm 5.

Dự phòng rủi ro tín dụng

Phân loại nợ

Theo Thông tư số 02/2013/TT-NHNN (“Thông tư 02”) quy định về phân loại tài sản Có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và Thông tư số 09/2014/TT-NHNN ngày 18 tháng 3 năm 2014 (“Thông tư 09”) về việc sửa đổi Thông tư 02 về phân loại tài sản Có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tín dụng phải thực hiện phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng. Việc phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng theo quy định của Thông tư 02 và Thông tư 09 được áp dụng với các tài sản Có bao gồm:

- Cho vay;
- Cho thuê tài chính;
- Chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác;
- Bao thanh toán;
- Các khoản cấp tín dụng dưới hình thức phát hành thẻ tín dụng;
- Các khoản trả thay theo cam kết ngoại bảng;
- Ủy thác cấp tín dụng;
- Số tiền mua và ủy thác mua trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (Upcom) (sau đây gọi tắt là trái phiếu chưa niêm yết), không bao gồm mua trái phiếu chưa niêm yết bằng nguồn vốn ủy thác mà bên ủy thác chịu rủi ro;
- Tiền gửi (trừ tiền gửi thanh toán) tại tổ chức tín dụng trong nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam theo quy định của pháp luật và tiền gửi tại tổ chức tín dụng nước ngoài.

Theo đó, nhóm nợ của khách hàng là nhóm nợ có rủi ro cao hơn khi thực hiện phân loại nợ theo điều 10 của Thông tư 02 và nhóm nợ của khách hàng do Trung tâm Thông tin tín dụng Quốc gia Việt Nam (“CIC”) của Ngân hàng Nhà nước cung cấp tại thời điểm phân loại nợ.

Công ty thực hiện giữ nguyên nhóm nợ đối với một số khoản cho vay theo quy định tại Thông tư 09, Thông tư 01 và các văn bản của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro.

Các khoản nợ được phân loại theo các mức độ rủi ro như sau: Nợ đủ tiêu chuẩn, Nợ cần chú ý, Nợ dưới tiêu chuẩn, Nợ nghi ngờ và Nợ có khả năng mất vốn. Các khoản nợ được phân loại và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng theo tháng và được ghi nhận hạch toán vào tháng tiếp theo. Dự phòng rủi ro tín dụng tại tháng 12 được ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm đó trên cơ sở phân loại nợ của CIC.

Dự phòng cụ thể

Dự phòng cụ thể được trích lập cho những tổn thất có thể xảy ra đối với từng khoản nợ cụ thể, số tiền phải trích được tính trên rủi ro tín dụng thuần của các khoản cho vay theo các tỷ lệ tương ứng với từng nhóm như sau:

Nhóm	Nhóm dư Nợ	Tỷ lệ dự phòng cụ thể
1	Nợ đủ tiêu chuẩn	0%
2	Nợ cần chú ý	5%
3	Nợ dưới tiêu chuẩn	20%
4	Nợ nghi ngờ	50%
5	Nợ có khả năng mất vốn	100%

Rủi ro tín dụng thuần của các khoản cho vay khách hàng được tính bằng giá trị còn lại của khoản nợ trừ giá trị của tài sản bảo đảm đã được khấu trừ theo các tỷ lệ được khấu trừ theo các tỷ lệ được quy định trong Thông tư 02.

Dự phòng chung

Theo Thông tư 02, dự phòng chung được trích lập để dự phòng cho những tổn thất chưa được xác định trong quá trình phân loại nợ và trích lập dự phòng cụ thể trong các trường hợp khó khăn về tài chính của các tổ chức tín dụng khi chất lượng các khoản nợ bị suy giảm. Dự phòng tín dụng chung trình bày trên báo cáo tài chính được xác định bằng 0,75% trên toàn bộ dư nợ tín dụng từ nhóm 1 tới nhóm 4, ngoại trừ các khoản tiền gửi tại tổ chức tín dụng trong nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam theo quy định của pháp luật và tiền gửi tại tổ chức tín dụng nước ngoài và các khoản cho vay, mua có kỳ hạn giấy tờ có giá đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác tại Việt Nam.

Dự phòng được ghi nhận như một khoản chi phí trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và được sử dụng để xử lý các khoản nợ xấu. Theo quy định tại Thông tư 02, Công ty thành lập Hội đồng Xử lý Rủi ro để xử lý các khoản nợ xấu nếu như chúng được phân loại vào nhóm 5, hoặc nếu khách hàng vay là pháp nhân giải thể, phá sản, hoặc là cá nhân bị chết hoặc mất tích.

Các cam kết ngoại bảng và dự phòng

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, tại bất kỳ thời điểm nào Công ty luôn có các khoản cam kết tín dụng chưa thực hiện. Các khoản cam kết này ở dưới dạng các khoản cho vay và thấu chi đã được phê duyệt. Công ty cũng cung cấp các khoản bảo lãnh tài chính để bảo lãnh việc thực hiện hợp đồng của khách hàng đối với bên thứ ba. Các giao dịch này được ghi nhận vào báo cáo tài chính khi được thực hiện hay các khoản phí liên quan phát sinh hoặc thu được.

Theo quy định tại Thông tư 02 và Thông tư 09 của Ngân hàng Nhà nước, tổ chức tín dụng phải thực hiện phân loại đối với các khoản bảo lãnh, chấp nhận thanh toán và cam kết cho vay không hủy ngang vô điều kiện và có thời điểm thực hiện cụ thể (gọi chung là các khoản cam kết ngoại bảng) vào các nhóm theo quy định tại Điều 10 của Thông tư 02. Theo đó, các khoản cam kết ngoại bảng được phân loại từ nhóm 1 đến nhóm 5 theo các mức độ rủi ro như sau: *Nợ đủ tiêu chuẩn*, *Nợ cần chú ý*, *Nợ dưới tiêu chuẩn*, *Nợ nghi ngờ* và *Nợ có khả năng mất vốn* dựa vào tình trạng quá hạn và các yếu tố định tính khác của khoản cam kết. Tuy nhiên, tổ chức tín dụng không phải trích lập dự phòng rủi ro cho các cam kết ngoại bảng nêu trên.

Các khoản đầu tư

Chứng khoán đầu tư

Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn

Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn là các chứng khoán nợ được Công ty mua hẳn với mục đích đầu tư để hưởng lãi suất và Công ty có ý định và có khả năng giữ các chứng khoán này đến ngày đáo hạn. Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn có giá trị được xác định và có ngày đáo hạn cụ thể. Trong trường hợp chứng khoán được bán hẳn trước thời điểm đáo hạn, các chứng khoán này sẽ được phân loại sang chứng khoán kinh doanh hay chứng khoán sẵn sàng để bán.

Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo mệnh giá vào ngày giao dịch, lãi dự thu của chứng khoán trước khi mua (đối với chứng khoán nợ trả lãi sau) hoặc lãi nhận trước chờ phân bổ (đối với chứng khoán nợ trả lãi trước) được phản ánh trên một tài khoản riêng. Phần chiết khấu/phụ trội là chênh lệch âm/dương giữa giá gốc với giá trị của khoản tiền gồm mệnh giá cộng (+) lãi dồn tích trước khi mua (nếu có) hoặc trừ (-) lãi nhận trước chờ phân bổ (nếu có), cũng được phản ánh trên một tài khoản riêng.

Trong khoảng thời gian nắm giữ chứng khoán tiếp theo, các chứng khoán này được ghi nhận theo mệnh giá, chiết khấu/phụ trội (nếu có) của chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian còn lại ước tính của chứng khoán.

Số tiền lãi trả sau được ghi nhận theo nguyên tắc: Số tiền lãi dồn tích trước khi mua được ghi giảm giá trị của chính chứng khoán đó, đối ứng với tài khoản lãi dự thu; và số tiền lãi dồn tích sau thời điểm mua được ghi nhận vào thu nhập của Công ty theo phương pháp cộng dồn. Số tiền lãi nhận trước được hạch toán phân bổ vào thu lãi đầu tư chứng khoán theo phương pháp đường thẳng cho quãng thời gian đầu tư chứng khoán.

Nghiệp vụ mua bán nợ giữa Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam ("VAMC") và các tổ chức tín dụng

Căn cứ vào Công văn số 8499/NHNN-TCKT ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn hạch toán nghiệp vụ mua bán nợ giữa VAMC với các tổ chức tín dụng, khi tổ chức tín dụng thực hiện nghiệp vụ bán nợ nhận trái phiếu đặc biệt từ VAMC và khi hoàn thành thủ tục bán nợ cho VAMC, tổ chức tín dụng sẽ theo dõi số trái phiếu đặc biệt nhận được từ VAMC qua nghiệp vụ bán nợ trên tài khoản chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn.

Định kỳ, Công ty sẽ tính toán và trích lập dự phòng rủi ro phải trích cho số trái phiếu đặc biệt này theo quy định tại Nghị định số 53/2013/NĐ-CP ("Nghị định 53") ngày 18 tháng 5 năm 2013 và Nghị định số 18/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 3 năm 2016 ("Nghị định 18") của Chính phủ, Thông tư số 19/2013/TT-NHNN ngày 06 tháng 9 năm 2013 ("Thông tư 19") và Thông tư số 14/2015/TT-NHNN ngày 28 tháng 8 năm 2015 ("Thông tư 14") của Ngân hàng Nhà nước về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 53, Nghị định 18 và Thông tư 19. Theo đó, trong thời hạn của trái phiếu đặc biệt, Công ty sẽ trích lập dự phòng rủi ro đối với trái phiếu đặc biệt vào chi phí hoạt động. Hàng năm, trong thời hạn 05 ngày làm việc liền kề trước ngày tương ứng với ngày trái phiếu đặc biệt đến hạn, Công ty phải trích lập số tiền dự phòng cụ thể tối thiểu đối với từng trái phiếu đặc biệt được tính theo công thức sau:

Số tiền trích lập dự phòng cụ thể tối thiểu trong năm = (Mệnh giá của trái phiếu đặc biệt x Thời gian kể từ thời điểm phát hành trái phiếu đặc biệt)/Thời hạn của trái phiếu đặc biệt – Số tiền thu hồi của khoản nợ xấu lũy kế đến thời điểm trích lập - Số tiền trích lập dự phòng cụ thể đã trích lũy kế đến thời điểm trích lập.

Công ty không phải thực hiện trích lập dự phòng chung đối với trái phiếu đặc biệt.

Trái phiếu đặc biệt được thanh toán trong các trường hợp sau đây:

- a) Số tiền dự phòng rủi ro đã trích lập cho trái phiếu đặc biệt không thấp hơn giá trị ghi sổ số dư nợ gốc của khoản nợ xấu có liên quan đang theo dõi trên sổ sách của VAMC, trong đó bao gồm các trường hợp sau đây:
 - (i) VAMC bán khoản nợ xấu cho tổ chức, cá nhân, kể cả trường hợp bán lại khoản nợ xấu đã mua bằng trái phiếu đặc biệt cho tổ chức tín dụng bán nợ theo giá trị thị trường hoặc giá thỏa thuận;
 - (ii) VAMC chuyển toàn bộ khoản nợ xấu đã mua thành vốn điều lệ, vốn cổ phần của khách hàng vay là doanh nghiệp.
- b) Trái phiếu đặc biệt đến hạn thanh toán: Khi thanh toán trái phiếu đặc biệt, nhận lại khoản nợ đã bán cho VAMC, Công ty sử dụng nguồn dự phòng đã trích hàng năm cho trái phiếu đặc biệt để xử lý nợ xấu. Phần chênh lệch giữa số dự phòng đã trích lập cho trái phiếu đặc biệt và giá trị khoản nợ chưa thu hồi được ghi nhận vào khoản mục “Thu nhập từ hoạt động khác” trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán bao gồm các chứng khoán nợ và chứng khoán vốn được Công ty nắm giữ với mục đích đầu tư và sẵn sàng để bán, không thuộc loại chứng khoán mua vào bán ra thường xuyên nhưng có thể bán bất cứ lúc nào xét thấy có lợi.

Chứng khoán vốn được ghi nhận theo giá gốc vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian nắm giữ tiếp theo.

Chứng khoán nợ được ghi nhận theo mệnh giá vào ngày giao dịch, lãi dự thu của chứng khoán trước khi mua (đối với chứng khoán nợ trả lãi sau) hoặc lãi nhận trước chờ phân bổ (đối với chứng khoán nợ trả lãi trước) được phản ánh trên một tài khoản riêng. Phần chiết khấu/phụ trội là chênh lệch âm/dương giữa giá gốc với giá trị của khoản tiền gồm mệnh giá cộng (+) lãi dồn tích trước khi mua hoặc (-) lãi nhận trước chờ phân bổ, cũng được phản ánh trên tài khoản riêng.

Trong thời gian nắm giữ chứng khoán nợ, chứng khoán được ghi nhận theo mệnh giá trừ/cộng giá trị chiết khấu/phụ trội còn lại của chứng khoán nợ sẵn sàng để bán sau khi được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian còn lại ước tính của chứng khoán. Số tiền lãi trả sau được ghi nhận theo nguyên tắc: số tiền lãi dồn tích trước khi mua được ghi giảm vào giá trị của chính chứng khoán đó đối ứng với tài khoản lãi dự thu; số tiền lãi dồn tích sau khi mua được ghi nhận vào thu nhập của Công ty theo phương pháp cộng dồn. Số tiền lãi nhận trước được hạch toán phân bổ vào thu lãi đầu tư chứng khoán theo phương pháp đường thẳng cho quãng thời gian đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư

Đối với trái phiếu đặc biệt do Công ty quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam phát hành để mua nợ xấu của tổ chức tín dụng, việc trích lập và sử dụng dự phòng rủi ro được thực hiện theo quy định tại Thông tư 19, Thông tư 14 và các văn bản khác có liên quan.

Các khoản đầu tư khác vào trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết được thực hiện phân loại nợ và trích lập dự phòng theo các quy định của Thông tư 02 và Thông tư 09 (tương tự như đối với các khoản cho vay được trình bày tại phần **Dự phòng rủi ro tín dụng**).

Ngoại trừ các trường hợp đã trình bày ở trên, dự phòng giảm giá cho các chứng khoán này được trích lập theo quy định tại Công văn số 2601/NHNN-TCKT ngày 14 tháng 4 năm 2009 và các quy định khác hiện hành. Đối với chứng khoán đã niêm yết, Công ty sẽ đánh giá giá trị khoản đầu tư theo giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính; đối với chứng khoán vốn chưa niêm yết hoặc chứng khoán đã niêm yết trên thị trường mà không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước ngày trích lập dự phòng, chứng khoán bị hủy niêm yết hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch, Công ty thực hiện thu thập báo cáo tài chính riêng tại thời điểm kết thúc năm tài chính để làm cơ sở đánh giá giá trị khoản đầu tư. Khi giá thị trường tăng lên, lợi nhuận sẽ được bù trừ nhưng không được vượt quá khoản dự phòng đã được trích lập trước đó. Phần chênh lệch sẽ không được ghi nhận như là thu nhập cho tới khi chứng khoán được bán.

Đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác thể hiện các khoản đầu tư vào chứng khoán vốn chưa niêm yết và các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác mà Công ty có dưới 11% quyền biểu quyết trong đó Công ty không có ảnh hưởng đáng kể, không kiểm soát hoặc không đồng kiểm soát đơn vị nhận đầu tư. Các khoản đầu tư dài hạn được phản ánh theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá (nếu có).

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn được trích lập nếu tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh ban đầu) theo quy định kế toán hiện hành. Theo đó, mức trích lập dự phòng là chênh lệch giữa phần vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ vốn đầu tư của doanh nghiệp so với tổng vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn được ghi nhận như một khoản chi phí hoạt động trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Ghi nhận khoản đầu tư

Công ty ghi nhận chứng khoán đầu tư và các khoản đầu tư khác tại ngày Công ty ký kết và thực hiện theo điều khoản hợp đồng có hiệu lực (kể toán theo ngày giao dịch).

Chứng khoán đầu tư và các khoản đầu tư khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, chứng khoán đầu tư và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo các chính sách kế toán trình bày ở phần trên. Việc phân loại lại sau khi mua chỉ được thực hiện tối đa 01 lần đối với mỗi khoản mục chứng khoán đã đầu tư (theo hướng dẫn tại Công văn số 2601/NHNN-TCKT ngày 14 tháng 4 năm 2009 của NHNN về việc hướng dẫn rà soát phân loại và cơ sở trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính).

Dừng ghi nhận khoản đầu tư

Các khoản đầu tư chứng khoán bị dừng ghi nhận khi quyền nhận được các luồng tiền từ các khoản đầu tư bị chấm dứt hoặc khi Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của các khoản đầu tư.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm chi phí phát sinh. Trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, chi tiết như sau:

Loại tài sản	Năm nay (Số năm)
Nhà cửa và vật kiến trúc	25
Máy móc thiết bị	03 - 08
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05
Tài sản cố định hữu hình khác	04 - 25

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy tính và tài sản cố định vô hình khác được ghi nhận theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, chi tiết như sau:

Loại tài sản	Năm nay (Số năm)
Phần mềm máy tính	03 - 08
Tài sản cố định vô hình khác	02 - 20

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty không trích khấu hao đối với tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất vô thời hạn.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê văn phòng và các khoản chi phí trả trước khác.

Tiền thuê văn phòng thể hiện số tiền thuê văn phòng đã được trả trước. Tiền thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản, giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong thời hạn từ một năm trở lên và không quá ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khác ngoài các khoản phải thu từ hoạt động tín dụng trong hoạt động của Công ty được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản phải thu khác được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào “Chi phí hoạt động” trong năm.

Dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi đã quá hạn thanh toán được thực hiện theo ước tính của Ban Tổng Giám đốc về giá trị có thể thu hồi của các khoản phải thu này.

Theo đó, dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán được xác định dựa trên việc sử dụng các tỷ lệ dự phòng sau đây đối với các khoản phải thu tại ngày kết thúc niên độ sau khi đã trừ đi giá trị tài sản thế chấp đã được định giá.

Thời gian quá hạn	Tỷ lệ dự phòng
Từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm	30%
Từ 1 năm đến dưới 2 năm	50%
Từ 2 năm đến dưới 3 năm	70%
Từ 3 năm trở lên	100%

Thời gian quá hạn được tính từ ngày quá hạn ghi trên hợp đồng kinh tế đến thời điểm trích lập.

Vốn và các quỹ

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Các chi phí phát sinh trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là một khoản giảm trừ vào vốn chủ sở hữu.

Các quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ được sử dụng cho các mục đích cụ thể và được trích từ lợi nhuận sau thuế của Công ty dựa trên các tỷ lệ quy định theo trình tự sau:

- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ: 5% lợi nhuận sau thuế, tối đa không vượt quá vốn điều lệ Công ty;
- Quỹ dự phòng tài chính: 10% lợi nhuận sau thuế;
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Doanh thu và chi phí

Thu nhập lãi

Thu từ lãi được ghi nhận dựa trên phương pháp dự thu đối với các khoản nợ xác định là có khả năng thu hồi cả gốc, lãi đúng thời hạn và không phải trích dự phòng rủi ro cụ thể theo quy định hiện hành. Số lãi phải thu đã hạch toán thu nhập nhưng đến kỳ hạn trả nợ (gốc, lãi) khách hàng không trả được đúng hạn, tổ chức tín dụng sẽ thoái thu và theo dõi ngoại bảng để đôn đốc thu. Khi thu được thì hạch toán vào thu hoạt động kinh doanh.

Số lãi phải thu phát sinh trong năm của các khoản cho vay phân loại từ nhóm 2 đến nhóm 5 theo quy định tại Thông tư 02 và Thông tư 09, lãi phải thu của số dư nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ đủ tiêu chuẩn (Nhóm 1) theo quy định tại Thông tư 01 sẽ không được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Lãi dự thu của các khoản nợ này được chuyển ra theo dõi ở tài khoản ngoại bảng và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi Công ty thực nhận.

Chi phí lãi

Chi phí lãi được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

Thu nhập từ dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Ghi nhận cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức nhận được bằng tiền và lợi nhuận được chia từ hoạt động đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi quyền nhận cổ tức hay lợi nhuận được chia của Công ty được xác định. Cổ tức nhận dưới dạng cổ phiếu là các khoản được chia bằng cổ phiếu từ lợi nhuận của các công ty cổ phần không được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Ngoại tệ

Tất cả các nghiệp vụ phát sinh của Công ty được hạch toán theo nguyên tệ. Tài sản và nợ phải trả có nguồn gốc ngoại tệ được quy đổi sang VND theo tỷ giá bình quân mua và bán chuyển khoản giao ngay tại thời điểm cuối ngày làm việc của ngày lập bảng cân đối kế toán nếu tỷ giá này chênh lệch nhỏ hơn 1% so với tỷ giá bình quân gia quyền mua và bán của ngày hôm đó (xem chi tiết tỷ giá các loại ngoại tệ áp dụng vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 tại Thuyết minh số 39).

Trường hợp tỷ giá bình quân mua và bán chuyển khoản giao ngay tại thời điểm cuối ngày làm việc của ngày lập bảng cân đối kế toán chênh lệch lớn hơn hoặc bằng 1% so với tỷ giá bình quân gia quyền mua và bán của ngày hôm đó thì Công ty sử dụng tỷ giá bình quân gia quyền mua và bán của ngày lập bảng cân đối kế toán để quy đổi. Các khoản thu nhập và chi phí bằng ngoại tệ của Công ty được quy đổi ra VND theo tỷ giá bình quân mua và bán chuyển khoản giao ngay tại thời điểm nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh hoặc tỷ giá giao ngay bình quân của tất cả các lần thay đổi tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Tại thời điểm cuối năm tài chính, chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các tài sản và nợ phải trả bằng ngoại tệ sang VND được ghi nhận vào khoản mục "Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối" trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản dự phòng phải trả khác

Các khoản dự phòng khác được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng khác được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, trừ khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lợi ích của nhân viên

Trợ cấp nghỉ hưu

Người lao động tại Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp từ quỹ Bảo hiểm Xã hội. Công ty phải đóng góp bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 17.5% lương đóng bảo hiểm hàng tháng cho thời gian làm việc tại Công ty.

Trợ cấp thôi việc

Người lao động làm việc tại Công ty khi chấm dứt hợp đồng lao động được chi trả trợ cấp thôi việc bằng một nửa tháng lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi năm làm việc (mười hai tháng) tại Công ty tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008.

Bảo hiểm thất nghiệp

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, Công ty đã thực hiện đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người lao động vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp theo quy định của pháp luật.

Ủy thác và nguồn vốn ủy thác

Các khoản ủy thác được ghi nhận khi hợp đồng ủy thác đã được các bên ký kết và vốn ủy thác đã được thực hiện. Các quyền lợi và nghĩa vụ của bên ủy thác và bên nhận ủy thác đối với lợi nhuận và phân chia lợi nhuận, phí ủy thác và các quyền lợi và nghĩa vụ khác được thực hiện theo điều khoản ghi trong hợp đồng ủy thác đã ký kết. Các tài sản giữ cho mục đích ủy thác quản lý giữ hộ không được xem là tài sản của Công ty và vì thế không được bao gồm trong bảng cân đối kế toán của Công ty nhưng được theo dõi tại tài khoản ngoài bảng cân đối kế toán của Công ty.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Một bên được coi là bên có liên quan với Công ty nếu:

- (a) Trực tiếp hoặc gián tiếp qua một hay nhiều bên trung gian, bên này:
 - Kiểm soát hoặc bị kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát chung bởi Công ty (bao gồm các công ty mẹ, công ty con);
 - Có góp vốn vào Công ty và do đó có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty;
 - Có quyền đồng kiểm soát Công ty.
- (b) Bên liên quan là công ty liên doanh, liên kết mà Công ty là một bên liên doanh, liên kết;
- (c) Bên liên quan có thành viên là nhân sự chính trong Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát của Công ty;
- (d) Bên liên quan là thành viên mật thiết trong gia đình của bất kỳ cá nhân nào đã nêu trong điểm (a) hoặc (c);

- (e) Bên liên quan là một bên mà Công ty trực tiếp hoặc gián tiếp chịu sự kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc chịu ảnh hưởng đáng kể, hoặc có quyền biểu quyết bởi bất kỳ cá nhân nào được đề cập đến trong điểm (c) hoặc (d).

Cần trừ

Tài sản và công nợ tài chính được cần trừ và thể hiện giá trị ròng trên bảng cân đối kế toán trong năm chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để thực hiện việc cần trừ và Công ty dự định thanh toán tài sản và công nợ theo giá trị ròng, hoặc việc tất toán tài sản và công nợ xảy ra đồng thời.

5. TIỀN MẶT

	Số cuối năm Triệu VND	Số đầu năm Triệu VND
Tiền mặt bằng VND	1.731	3.640
Tiền mặt bằng ngoại tệ	246	232
	1.977	3.872

6. TIỀN GỬI TẠI NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC ("NHNN")

	Số cuối năm Triệu VND	Số đầu năm Triệu VND
Tiền gửi thanh toán tại NHNN		
- Bằng VND	100.832	5.375
- Bằng ngoại tệ	23	23
	100.855	5.398

Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước (NHNN) gồm tiền gửi dự trữ bắt buộc và tài khoản thanh toán. Trong năm, công ty đã duy trì tỷ lệ bắt buộc theo quy định của NHNN.

7. TIỀN GỬI VÀ CHO VAY CÁC TCTD KHÁC

	Số cuối năm Triệu VND	Số đầu năm Triệu VND
Tiền gửi tại các TCTD khác		
Tiền gửi không kỳ hạn	1.768.159	1.471.594
- Bằng VND	1.531.283	1.239.369
- Bằng ngoại tệ	236.876	232.225
Tiền gửi có kỳ hạn	3.688.860	-
- Bằng VND	2.741.760	-
- Bằng ngoại tệ	947.100	-
	5.457.019	1.471.594
Cho vay các TCTD khác		
- Bằng VND	1.620.000	242.973
- Bằng ngoại tệ	1.178.100	1.494.465
	2.798.100	1.737.438
Tổng tiền gửi và cho vay các TCTD khác	8.255.119	3.209.032

Phân tích chất lượng dư nợ cho vay, tiền gửi có kỳ hạn tại các TCTD khác:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>Triệu VND</u>	<u>Triệu VND</u>
Nợ đủ tiêu chuẩn	6.486.960	1.737.438
	6.486.960	1.737.438

8. CHO VAY KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>Triệu VND</u>	<u>Triệu VND</u>
Cho vay các tổ chức kinh tế, cá nhân trong nước	8.083.304	5.853.793
Cho vay bằng vốn tài trợ, ủy thác đầu tư	3.946.481	4.020.350
	12.029.785	9.874.143

Phân tích chất lượng Nợ cho vay

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>Triệu VND</u>	<u>Triệu VND</u>
Nợ đủ tiêu chuẩn	11.528.583	9.326.472
Nợ cần chú ý	204.689	198.416
Nợ dưới tiêu chuẩn	71.250	63.014
Nợ nghi ngờ	4.074	29.738
Nợ có khả năng mất vốn	221.189	256.503
	12.029.785	9.874.143

Phân tích dư nợ theo thời gian

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>Triệu VND</u>	<u>Triệu VND</u>
Nợ ngắn hạn	2.310.812	2.333.282
Nợ trung hạn	3.618.306	2.803.396
Nợ dài hạn	6.100.667	4.737.465
	12.029.785	9.874.143

Các khoản cho vay ngắn hạn có kỳ hạn ban đầu dưới 1 năm. Các khoản cho vay trung hạn có kỳ hạn ban đầu từ 1 đến 5 năm. Các khoản cho vay dài hạn có kỳ hạn ban đầu trên 5 năm.

Phân tích dư nợ theo đối tượng khách hàng và loại hình doanh nghiệp

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Triệu VND	Triệu VND
Cho vay các TCKT	11.129.399	8.687.118
- Công ty TNHH Nhà nước	3.664.468	4.408.238
- Công ty TNHH khác	3.329.305	1.519.466
- Công ty Cổ phần Nhà nước	329.831	34.942
- Công ty cổ phần khác	3.805.795	2.701.397
- Doanh nghiệp tư nhân	-	23.075
Cho vay cá nhân	900.386	1.187.025
	12.029.785	9.874.143

Phân tích dư nợ theo ngành nghề

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Triệu VND	Triệu VND
Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	32.220	15.220
Công nghiệp chế biến, chế tạo	98.987	32.993
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	5.230.779	4.476.914
Xây dựng	860.752	256.526
Bán buôn và bán lẻ, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	1.007.091	1.602.355
Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	375.807	73.113
Hoạt động kinh doanh bất động sản	2.563.456	2.225.028
Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ	78.000	5.194
Hoạt động làm thuê trong hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	691.595	992.972
Dịch vụ lưu trú và ăn uống	512.500	-
Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	242.747	-
Giáo dục và đào tạo	49.500	-
Hoạt động dịch vụ khác	207.985	124.841
Ngành khác	78.366	68.987
	12.029.785	9.874.143

9. DỰ PHÒNG RỦI RO CHO VAY KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Triệu VND	Triệu VND
Dự phòng cụ thể	(57.647)	(82.764)
Dự phòng chung	(88.565)	(72.133)
	(146.212)	(154.897)

Biến động số dư dự phòng rủi ro cho vay khách hàng trong năm như sau:

	Dự phòng chung	Dự phòng cụ thể	Tổng cộng
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Số dư đầu năm nay	(72.133)	(82.764)	(154.897)
Dự phòng (trích lập) trong năm (Thuyết minh số 29)	(16.432)	(263.479)	(279.911)
Sử dụng dự phòng trong năm	-	288.596	288.596
Số dư cuối năm nay	(88.565)	(57.647)	(146.212)

Dự phòng rủi ro tín dụng tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020 được trích lập dựa trên kết quả phân loại tổng dư nợ tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020.

	Dự phòng chung	Dự phòng cụ thể	Tổng cộng
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Số dư đầu năm trước	(64.085)	(128.873)	(192.958)
Dự phòng (trích lập) trong năm (Thuyết minh số 29)	(8.048)	(28.931)	(36.979)
Sử dụng dự phòng trong năm	-	75.040	75.040
Số dư cuối năm trước	(72.133)	(82.764)	(154.897)

10. CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Triệu VND	Triệu VND
Chứng khoán sẵn sàng để bán	6.378.484	6.861.279
Chứng khoán Nợ	5.704.224	6.212.749
- Chứng khoán Chính phủ	592.250	100.207
- Chứng khoán Nợ do các TCTD trong nước phát hành	475.903	1.608.542
- Chứng khoán Nợ do các TCKT trong nước phát hành	3.555.000	4.504.000
- Chứng chỉ tiền gửi	1.081.071	-
Chứng khoán Vốn	674.260	648.530
- Chứng khoán Vốn do các TCKT trong nước phát hành	674.260	648.530
	6.378.484	6.861.279
Dự phòng rủi ro chứng khoán sẵn sàng để bán	(57.385)	(61.230)
- Dự phòng giảm giá	(30.722)	(27.450)
- Dự phòng chung	(26.663)	(33.780)
	6.321.099	6.800.049
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	230.788	315.252
- Chứng khoán Nợ do các TCKT trong nước phát hành	230.788	315.252
Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	(95.484)	(132.744)
	135.304	182.508
Tổng	6.456.403	6.982.557

Phân tích chất lượng chứng khoán được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Triệu VND	Triệu VND
Nợ đủ tiêu chuẩn	3.958.251	6.062.542
	3.958.251	6.062.542

Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Triệu VND	Triệu VND
Mệnh giá trái phiếu đặc biệt	230.788	315.252
Dự phòng trái phiếu đặc biệt	(95.484)	(132.744)
	135.304	182.508

Biến động số dư dự phòng rủi ro chứng khoán sẵn sàng để bán trong năm như sau:

	Dự phòng giảm giá	Dự phòng chung	Dự phòng cụ thể	Tổng cộng
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Số dư đầu năm nay	(27.450)	(33.780)	-	(61.230)
(Trích lập)/Hoàn nhập dự phòng trong năm (Thuyết minh số 25)	(3.272)	7.117	-	3.845
Số dư cuối năm nay	(30.722)	(26.663)	-	(57.385)
	Dự phòng giảm giá	Dự phòng chung	Dự phòng cụ thể	Tổng cộng
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Số dư đầu năm trước	(62.206)	(38.925)	-	(101.131)
Hoàn nhập dự phòng trong năm (Thuyết minh số 25)	34.756	5.145	-	39.901
Số dư cuối năm trước	(27.450)	(33.780)	-	(61.230)

Biến động số dư dự phòng trái phiếu đặc biệt trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
	Triệu VND	Triệu VND
Số dư đầu năm	(132.744)	(152.334)
(Trích lập) trong năm (Thuyết minh số 29)	(37.759)	(64.372)
Sử dụng dự phòng trong năm	75.019	83.962
Số dư cuối năm	(95.484)	(132.744)

11. GÓP VỐN, ĐẦU TƯ DÀI HẠN

	Số cuối năm Triệu VND	Số đầu năm Triệu VND
Các khoản đầu tư dài hạn khác	447.573	480.022
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(789)	(579)
	446.784	479.443

Chi tiết các khoản đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị dự phòng	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc	Giá trị dự phòng	Tỷ lệ sở hữu
	Triệu VND	Triệu VND	%	Triệu VND	Triệu VND	%
Các khoản đầu tư dài hạn khác						
- Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực Hà Nội	48.300	-	10,00	48.300	-	10,00
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Khánh Hòa - Hà Nội	13.677	(789)	11,00	13.677	(579)	11,00
- Công ty Cổ phần Seoul Metal Việt Nam	43.475	-	6,69	43.475	-	6,30
- Công ty Cổ phần Helio Power	300.000	-	7,50	300.000	-	9,09
- Công ty Cổ phần Intersolar	5.500	-	11,00	-	-	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Tái tạo Cà Mau	36.622	-	10,02	-	-	-
- Công ty Cổ phần Giải pháp Thanh toán Điện lực và Viễn thông	-	-	-	5.500	-	0,60
- Công ty Cổ phần Amber Capital	-	-	-	39.200	-	4,90
- Công ty Cổ phần Bất động sản Quang Anh	-	-	-	29.870	-	4,98
	447.573	(789)		480.022	(579)	

Biến động số dư dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn trong năm

	Năm nay Triệu VND	Năm trước Triệu VND
Số dư đầu năm	(579)	-
(Trích lập) trong năm (Thuyết minh số 28)	(210)	(579)
Số dư cuối năm	(789)	(579)

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cổ định hữu hình khác	Tổng
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Nguyên giá						
Tại ngày đầu năm	8.280	41.730	23.891	24.094	1.676	99.671
Mua sắm trong năm	-	609	237	921	-	1.767
Thanh lý, nhượng bán	-	(99)	(253)	(1.989)	-	(2.341)
Tại ngày cuối năm	8.280	42.240	23.875	23.026	1.676	99.097
Giá trị hao mòn lũy kế						
Tại ngày đầu năm	(1.131)	(18.724)	(21.141)	(14.321)	(1.250)	(56.567)
Khấu hao trong năm	(331)	(4.845)	(1.415)	(2.402)	(25)	(9.018)
Thanh lý, nhượng bán	-	99	253	1.157	-	1.509
Tại ngày cuối năm	(1.462)	(23.470)	(22.303)	(15.566)	(1.275)	(64.076)
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	7.149	23.006	2.750	9.773	426	43.104
Tại ngày cuối năm	6.818	18.770	1.572	7.460	401	35.021

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, nguyên giá tài sản cổ định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn đang sử dụng là 37.031 triệu VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 27.507 triệu VND).

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỔ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất vô thời hạn	Phần mềm máy tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Nguyên giá				
Tại ngày đầu năm	18.244	52.959	250	71.453
Mua sắm trong năm	-	291	633	924
Tại ngày cuối năm	18.244	53.250	883	72.377
Giá trị hao mòn lũy kế				
Tại ngày đầu năm	-	(23.030)	(117)	(23.147)
Khấu hao trong năm	-	(6.330)	(21)	(6.351)
Tại ngày cuối năm	-	(29.360)	(138)	(29.498)
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	18.244	29.929	133	48.306
Tại ngày cuối năm	18.244	23.890	745	42.879

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, nguyên giá tài sản cổ định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn đang sử dụng là 3.430 triệu VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 3.430 triệu VND).

14. TÀI SẢN CÓ KHÁC

	Số cuối năm Triệu VND	Số đầu năm Triệu VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	150	235
Các khoản phải thu (i)	1.065.656	1.117.141
Các khoản lãi, phí phải thu	658.740	826.096
Tài sản Có khác (ii)	52.890	60.689
Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác (iii)	(195.154)	(371.307)
	1.582.282	1.632.854

i) Các khoản phải thu

	Số cuối năm Triệu VND	Số đầu năm Triệu VND
Ký quỹ, thế chấp, cầm cố	3.679	396.166
- Đặt cọc mua chứng khoán (*)	-	392.824
- Ký quỹ, thế chấp, cầm cố khác	3.679	3.342
Thanh toán với Ngân sách Nhà nước	561	560
Mua sắm tài sản cố định	2.676	-
Các khoản phải thu nội bộ	1.367	6.631
Các khoản phải thu bên ngoài	1.057.373	713.784
- Phải thu từ các hợp đồng mua và bán lại	28.348	28.348
- Phải thu lãi từ các hợp đồng mua và bán lại	12.599	13.099
- Phải thu từ các hợp đồng hợp tác đầu tư	39.272	116.505
- Phải thu lãi từ các hợp đồng hợp tác đầu tư	2.878	4.241
- Phải thu đối tác trả chậm ủy thác đầu tư	2.568	54.982
- Phải thu lãi từ khoản trả chậm ủy thác đầu tư	282	282
- Phải thu từ các khoản mua bán chứng khoán	109.881	323.124
- Phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư ATS (**)	-	147.744
- Phải thu tiền bán nợ cho Công ty TNHH Aeolus Power (***)	516.849	-
- Phải thu tiền bán nợ cho Công ty Cổ phần Mua bán Nợ Việt Nam Thịnh Vượng (****)	171.459	-
- Phải thu tiền bán nợ cho Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư TC An Bình (*****)	145.048	-
- Phải thu khác	28.189	25.459
	1.065.656	1.117.141

(*) Số dư đầu năm bao gồm các khoản đặt cọc mua trái phiếu Chính phủ của Công ty thông qua các đối tác. Trong năm 2020, các đối tác không mua được trái phiếu theo yêu cầu của Công ty nên các khoản đặt cọc này đã được hoàn trả lại.

(**) Số dư đầu năm thể hiện gốc khoản cho vay Công ty Cổ phần Đầu tư ATS được Công ty phân loại lại sang phải thu khác do hai bên đã thống nhất sử dụng tài sản đảm bảo để cản trở nghĩa vụ nợ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty đã thực hiện bán khoản phải thu trên cho Công ty TNHH Aeolus Power (Chi tiết ở mục (***)).

(***) Thể hiện khoản phải thu từ hợp đồng bán nợ cho Công ty TNHH Aeolus Power bao gồm số tiền phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư ATS và số tiền gốc, lãi phải thu từ cho vay Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Tài chính Miền Bắc. Tại ngày lập báo cáo tài chính này, Công ty đã thu được toàn bộ số tiền phải thu này từ Công ty TNHH Aeolus Power.

(****) Thể hiện khoản phải thu từ tiền bán trả chậm các khoản nợ tài chính tiêu dùng cho Công ty Cổ phần Mua bán Nợ Việt Nam Thịnh Vượng.

(*****) Thể hiện khoản phải thu từ hợp đồng bán nợ cho Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư TC An Bình bao gồm số tiền gốc và lãi khoản cho vay Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Du lịch Biển đảo Trí Nguyên, khoản trái phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Môi trường tỉnh Điện Biên và Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Tài Nguyên. Tại ngày lập báo cáo tài chính này, Công ty đã thu được toàn bộ số tiền phải thu này từ Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư TC An Bình.

ii) Tài sản Có khác

	<u>Số cuối năm</u> <u>Triệu VND</u>	<u>Số đầu năm</u> <u>Triệu VND</u>
Công cụ, dụng cụ, vật liệu	226	1.320
Chi phí chờ phân bổ	52.664	59.369
	<u>52.890</u>	<u>60.689</u>

iii) Dự phòng rủi ro tài sản Có nội bảng khác

	<u>Số cuối năm</u> <u>Triệu VND</u>	<u>Số đầu năm</u> <u>Triệu VND</u>
Dự phòng rủi ro khác		
- Phải thu từ các hợp đồng mua và bán lại	(27.848)	(28.148)
- Lãi phải thu từ các hợp đồng mua và bán lại	(13.099)	(13.099)
- Các khoản hợp tác đầu tư	(35.039)	(111.326)
- Lãi phải thu từ các khoản hợp tác đầu tư	(2.878)	(4.241)
- Khoản trả chậm ủy thác đầu tư	(1.205)	(52.014)
- Lãi phải thu từ khoản trả chậm ủy thác đầu tư	(282)	(282)
- Phải thu từ các khoản mua bán chứng khoán	(109.881)	(159.029)
- Khoản khác	(4.922)	(3.168)
	<u>(195.154)</u>	<u>(371.307)</u>

Biến động số dư dự phòng rủi ro tài sản Có nội bảng khác trong năm

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>Triệu VND</u>	<u>Triệu VND</u>
Số dư đầu năm	(371.307)	(326.958)
(Trích lập) dự phòng trong năm (Thuyết minh số 28)	(75)	(44.349)
Sử dụng dự phòng trong năm	176.228	-
Số dư cuối năm	(195.154)	(371.307)

15. TIỀN GỬI VÀ VAY CÁC TCTD KHÁC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>Triệu VND</u>	<u>Triệu VND</u>
Tiền gửi của các TCTD khác	4.648.860	3.225.000
Tiền gửi có kỳ hạn	4.648.860	3.225.000
- Bằng VND	3.909.660	3.225.000
- Bằng ngoại tệ	739.200	-
Vay các TCTD khác	8.316.500	6.052.288
- Bằng VND	7.415.600	4.557.823
- Bằng ngoại tệ	900.900	1.494.465
	12.965.360	9.277.288

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty không phát sinh các khoản vay mất khả năng thanh toán và vi phạm hợp đồng.

16. TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG

Thuyết minh theo loại hình tiền gửi

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>Triệu VND</u>	<u>Triệu VND</u>
Tiền gửi không kỳ hạn	57.113	45.019
- Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	57.113	45.019
Tiền gửi có kỳ hạn	6.714.176	4.595.729
- Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	6.714.176	4.595.729
Tiền gửi ký quỹ	1.733	1.703
	6.773.022	4.642.451

Thuyết minh theo đối tượng khách hàng, loại hình doanh nghiệp

	Số cuối năm Triệu VND	Số đầu năm Triệu VND
Tiền gửi của tổ chức kinh tế	6.768.120	4.634.668
- Công ty TNHH MTV Vốn Nhà nước 100%	2.091.062	3.602.519
- Công ty TNHH khác	1.306	42.107
- Công ty Cổ phần Vốn Nhà nước trên 50%	389.465	370.991
- Công ty Cổ phần khác	4.286.287	619.051
Tiền gửi của các đối tượng khác	4.902	7.783
	6.773.022	4.642.451
17. VỐN TÀI TRỢ, ỦY THÁC, CHO VAY TCTD CHỊU RỦI RO		
	Số cuối năm Triệu VND	Số đầu năm Triệu VND
Bằng VND	6.738	115.660
Bằng ngoại tệ	4.521.977	4.242.883
	4.528.715	4.358.543
18. PHÁT HÀNH GIẤY TỜ CÓ GIÁ		
	Số cuối năm Triệu VND	Số đầu năm Triệu VND
Chứng chỉ tiền gửi		
Dưới 12 tháng	-	10.000
- Chứng chỉ tiền gửi bằng VND	-	10.000
Từ 12 tháng đến 05 năm	500.000	-
- Chứng chỉ tiền gửi bằng VND	500.000	-
	500.000	10.000
19. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VÀ CÔNG NỢ KHÁC		
	Số cuối năm Triệu VND	Số đầu năm Triệu VND
Các khoản lãi, phí phải trả	226.078	250.132
Các khoản phải trả và công nợ khác	145.833	134.847
Các khoản phải trả cho cán bộ, nhân viên	30.356	15.130
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	33.849	32.652
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	13.133	10.884
Các khoản phải trả bên ngoài	68.495	76.181
- Cổ tức phải trả	28.680	30.015
- Các khoản chờ thanh toán - nghiệp vụ tín dụng	19.357	15.120
- Các khoản chờ thanh toán - nghiệp vụ đầu tư	12.731	14.226
- Các khoản chờ thanh toán khác	7.727	16.820
	371.911	384.979

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Báo cáo tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ	Quỹ Đầu tư phát triển	Quỹ Dự phòng tài chính	Quỹ dự trữ bổ sung Vốn điều lệ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Vốn đầu tư XDCB, mua sắm TSCĐ	Tổng cộng
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Số dư đầu năm	2.500.000	30.770	203.866	101.933	611.654	2.328	3.450.551
Tăng trong năm							
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	228.409	-	228.409
Chia cổ tức bằng phát hành cổ phiếu	149.813	-	-	-	-	-	149.813
Trích bổ sung các quỹ từ lợi nhuận năm trước	-	-	22.945	11.473	-	-	34.418
Giảm trong năm							
Trích bổ sung các quỹ từ lợi nhuận năm trước	-	-	-	-	(47.493)	-	(47.493)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(149.813)	-	(149.813)
Số dư cuối năm	2.649.813	30.770	226.811	113.406	642.757	2.328	3.665.885

Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2019 theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ-TCDL ngày 10 tháng 6 năm 2020 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 như sau:

	Tỷ lệ %	Số tiền Triệu VND
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến ngày 01/01/2020		611.654
Trích các Quỹ		
- Quỹ dự trữ bổ sung Vốn điều lệ	5,0	11.473
- Quỹ dự phòng tài chính	10,0	22.945
- Quỹ khen thưởng	3,1	7.111
- Quỹ phúc lợi	2,6	5.964
Lợi nhuận để lại		564.161

Tại ngày 10 tháng 3 năm 2020, Công ty đã thực hiện phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức theo tỷ lệ 6%/cổ phiếu tương đương số lượng cổ phiếu phát hành thêm là 14.981.265 cổ phiếu với giá trị tương đương 149.812.650.000 VND.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận sau thuế (triệu VND)	228.409	229.452
Trích lập các Quỹ khen thưởng, phúc lợi (triệu VND) (*)	13.019	13.075
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (triệu VND)	215.390	216.377
Số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản (Triệu cổ phiếu)	265	265
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	813	817

(*) Số tiền trích vào Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm nay là số liệu tạm tính theo tỷ lệ 5,7% của lợi nhuận sau thuế năm 2020. Tỷ lệ tạm trích được lấy theo tỷ lệ phân phối lợi nhuận năm 2019 theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ-TCĐL ngày 10 tháng 6 năm 2020 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.

Mệnh giá của mỗi cổ phiếu phổ thông của Công ty là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu tương ứng với một quyền biểu quyết trong Đại hội Cổ đông của Công ty. Các cổ phiếu phổ thông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm.

Điều chỉnh hồi tố

Ngày 10 tháng 3 năm 2020, Công ty thực hiện chia cổ tức bằng phát hành cổ phiếu, số cổ phiếu phát hành tăng thêm 14.981.265 cổ phiếu nên lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 được điều chỉnh hồi tố như sau:

	Trước điều chỉnh	Sau điều chỉnh
Lợi nhuận sau thuế (triệu VND)	229.452	229.452
Trích lập các Quỹ khen thưởng, phúc lợi (triệu VND)	-	13.075
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (triệu VND)	229.452	216.377
Số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản (Triệu cổ phiếu)	250	265
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	918	817

Chi tiết vốn đầu tư của Công ty:

	Cuối năm			Đầu năm		
	Tổng số	Vốn CP thường	Tỷ lệ	Tổng số	Vốn CP thường	Tỷ lệ
	Triệu VND	Triệu VND	%	Triệu VND	Triệu VND	%
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	-	-	0,00%	25.000	25.000	1,00%
Ngân hàng TMCP An Bình	131.600	131.600	4,97%	210.000	210.000	8,40%
Công ty TNHH Đầu tư và Tư vấn Thiên Triều Aria	132.489	132.489	4,99%	124.990	124.990	4,99%
Các cổ đông khác	2.385.724	2.385.724	90,04%	2.140.010	2.140.010	85,61%
	2.649.813	2.649.813	100%	2.500.000	2.500.000	100%

21. THU NHẬP LÃI VÀ CÁC KHOẢN THU NHẬP TƯƠNG TỰ

	Năm nay Triệu VND	Năm trước Triệu VND
Thu nhập lãi tiền gửi	13.158	9.246
Thu nhập lãi cho vay khách hàng	1.003.870	890.944
Thu lãi từ kinh doanh, đầu tư chứng khoán Nợ	454.433	456.379
- Thu lãi từ chứng khoán đầu tư	454.433	456.379
Thu từ nghiệp vụ bảo lãnh	912	2.100
Thu nhập khác từ hoạt động tín dụng	1.293	2.928
	1.473.666	1.361.597

22. CHI PHÍ LÃI VÀ CÁC CHI PHÍ TƯƠNG TỰ

	Năm nay Triệu VND	Năm trước Triệu VND
Chi phí lãi tiền gửi	330.801	265.207
Chi phí lãi tiền vay	403.849	461.845
Chi phí lãi phát hành giấy tờ có giá	18.883	12
Chi phí hoạt động tín dụng khác	6.922	81.427
	760.455	808.491

23. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ

	Năm nay Triệu VND	Năm trước Triệu VND
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	146.061	186.601
- Dịch vụ ủy thác và đại lý	60	82
- Dịch vụ môi giới bảo hiểm	19.458	47.923
- Dịch vụ khác	126.543	138.596
Chi phí cho hoạt động dịch vụ	(69.493)	(128.596)
- Dịch vụ ủy thác và đại lý	(199)	-
- Dịch vụ thanh toán	(5.953)	(4.394)
- Dịch vụ môi giới bảo hiểm	(33.079)	(12.235)
- Dịch vụ khác	(30.262)	(111.967)
	76.568	58.005

24. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NGOẠI HỐI

	Năm nay Triệu VND	Năm trước Triệu VND
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	6.555	4.812
- Thu từ kinh doanh ngoại tệ giao ngay	6.213	4.812
- Thu từ các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	342	-
Chi phí cho hoạt động kinh doanh ngoại hối	(3.883)	(476)
- Chi về kinh doanh ngoại tệ giao ngay	(736)	(476)
- Chi về các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	(3.147)	-
	2.672	4.336

25. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG MUA BÁN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ

	Năm nay Triệu VND	Năm trước Triệu VND
Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	19.655	29.063
Chi phí về mua bán chứng khoán đầu tư	(6.066)	(17.554)
Hoàn nhập dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư (Thuyết minh số 10)	3.845	39.901
	17.434	51.410

26. LÃI THUẦN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>Triệu VND</u>	<u>Triệu VND</u>
Thu nhập từ hoạt động khác	93.350	74.561
- Thu từ các khoản nợ đã xử lý bằng nguồn dự phòng rủi ro	86.217	74.467
- Thu nhập từ mua bán nợ	1.656	-
- Thu nhập khác	5.477	94
Chi phí hoạt động khác	(1.253)	(519)
- Chi phí về mua bán nợ	(58)	-
- Chi phí khác	(1.195)	(519)
	92.097	74.042

27. THU NHẬP TỪ GÓP VỐN, MUA CỔ PHẦN

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>Triệu VND</u>	<u>Triệu VND</u>
Cổ tức được nhận trong năm từ góp vốn, mua cổ phần	4.235	7.180
- Từ chứng khoán đầu tư	3.167	5.247
- Từ đầu tư dài hạn	1.068	1.933
Thu nhập từ thanh lý các khoản đầu tư, góp vốn mua cổ phần	385	-
	4.620	7.180

28. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG

	<u>Năm nay</u> <u>Triệu VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>Triệu VND</u>
Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí	924	681
Chi phí cho nhân viên	181.583	174.228
- Chi lương và phụ cấp	158.912	151.799
- Các khoản chi đóng góp theo lương	14.176	13.781
- Chi trợ cấp	16	21
- Các khoản chi khác	8.479	8.627
Chi về tài sản	65.920	62.928
- Chi khấu hao tài sản cố định	15.369	16.722
- Chi khác về tài sản	50.551	46.206
Chi cho hoạt động quản lý công vụ	54.500	78.497
- Công tác phí	5.407	5.961
- Chi về các hoạt động đoàn thể của TCTD	2.069	2.207
- Chi phí khác	47.024	70.329
Trích lập dự phòng rủi ro	285	44.928
- Trích lập dự phòng rủi ro đầu tư dài hạn (Thuyết minh số 11)	210	579
- Trích lập dự phòng rủi ro Tài sản Có khác (Thuyết minh số 14)	75	44.349
	303.212	361.262

29. CHI PHÍ DỰ PHÒNG RỦI RO TÍN DỤNG

	<u>Năm nay</u> <u>Triệu VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>Triệu VND</u>
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng (Thuyết minh số 9)	(279.911)	(36.979)
Dự phòng trái phiếu đặc biệt VAMC (Thuyết minh số 10)	(37.759)	(64.372)
	(317.670)	(101.351)

30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay Triệu VND	Năm trước Triệu VND
Lợi nhuận trước thuế TNDN	285.720	285.466
Các khoản điều chỉnh:		
Trừ:	(4.235)	(7.631)
- Thu nhập từ cổ tức và lợi nhuận được chia không chịu thuế	(4.235)	(7.180)
- Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện cuối năm trước thực hiện trong năm nay	-	(175)
- Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm	-	(276)
Cộng:	3.698	2.237
- Chi phí không được khấu trừ	2.245	2.237
- Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, có nguồn gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm	1.177	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện cuối năm trước thực hiện trong năm nay	276	-
Thu nhập chịu thuế năm hiện hành	285.183	280.072
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế	57.037	56.014
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào năm nay	274	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	57.311	56.014
- Thuế TNDN phải nộp đầu năm	29.014	18.012
- Thuế TNDN đã nộp trong năm	(54.288)	(45.012)
Thuế TNDN còn phải nộp cuối năm	32.037	29.014

31. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm Triệu VND	Số đầu năm Triệu VND
Tiền mặt tại quỹ (*)	1.977	3.872
Tiền gửi tại NHNN (*)	100.855	5.398
Tiền gửi thanh toán tại các TCTD khác (*)	1.768.159	1.471.594
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác có kỳ hạn không quá ba (03) tháng	6.279.059	611.172
	8.150.050	2.092.036

(*) Số dư tiền mặt, tiền gửi tại NHNN và tiền gửi thanh toán tại các TCTD khác được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 5, số 6 và số 7.

32. TÌNH HÌNH THU NHẬP CỦA CÁN BỘ, CÔNG NHÂN VIÊN

	Năm nay	Năm trước
I. Tổng số cán bộ, công nhân viên (người)	531	524
II. Thu nhập của cán bộ, công nhân viên (triệu VND)		
1. Tổng quỹ lương	155.484	148.702
2. Tiền thưởng	3.679	4.041
3. Thu nhập khác	7.022	6.821
4. Tổng thu nhập (1+2+3)	166.185	159.564
5. Tiền lương bình quân tháng (triệu VND/ người/ tháng)	24,40	23,65
6. Thu nhập bình quân tháng	26,08	25,38

33. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

	Số dư đầu năm Triệu VND	Phát sinh trong năm		Số dư cuối năm Triệu VND
		Số phải nộp Triệu VND	Số đã nộp Triệu VND	
Thuế giá trị gia tăng	170	1.394	(1.052)	512
Thuế thu nhập doanh nghiệp	29.014	57.311	(54.288)	32.037
Các loại thuế khác	3.468	14.016	(16.184)	1.300
	32.652	72.721	(71.524)	33.849

34. TÀI SẢN, GIẤY TỜ CÓ GIÁ (GTCC) THẾ CHẤP, CẦM CỔ VÀ CHIẾT KHẤU, TÁI CHIẾT KHẤU

Tài sản, GTCC nhận thế chấp, cầm cổ và chiết khấu, tái chiết khấu

	Số cuối năm Triệu VND	Số đầu năm Triệu VND
Giấy tờ có giá	14.324.353	14.562.545
Bất động sản	78.189.357	68.341.929
Các loại tài sản đảm bảo khác	21.717.660	19.023.280
	114.231.370	101.927.754

35. NGHĨA VỤ NỢ TIỀM ẨN VÀ CÁC CAM KẾT ĐƯA RA

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty sử dụng các công cụ tài chính liên quan đến các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán. Các công cụ tài chính này chủ yếu bao gồm các cam kết bảo lãnh và thư tín dụng. Các công cụ này cũng tạo ra những rủi ro tín dụng cho Công ty ngoài các rủi ro tín dụng đã được ghi nhận trong nội bảng.

Rủi ro tín dụng của các công cụ tài chính ngoại bảng được định nghĩa là khả năng Công ty phải trả thay do khách hàng không thực hiện hoặc thực hiện không đúng các nghĩa vụ đã cam kết.

Cam kết bảo lãnh là các cam kết mà Công ty cấp cho khách hàng để giao dịch với một bên thứ ba, bao gồm nhiều loại như bảo lãnh vay vốn, bảo lãnh thanh toán, bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh dự thầu... Rủi ro tín dụng đối với bảo lãnh vay vốn, bảo lãnh thanh toán về cơ bản giống với rủi ro cho vay khách hàng; các loại bảo lãnh khác có mức độ rủi ro thấp hơn.

Chi tiết các khoản công nợ tiềm ẩn và cam kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2020:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Triệu VND	Triệu VND
Cam kết giao dịch hối đoái	-	5.219
Cam kết mua ngoại tệ	-	2.598
Cam kết bán ngoại tệ	-	2.621
Cam kết bảo lãnh	26.751	26.053
Bảo lãnh thanh toán	6.214	-
Bảo lãnh thực hiện hợp đồng	34	6.675
Bảo lãnh dự thầu	-	235
Bảo lãnh khác	20.503	19.143

36. MỨC ĐỘ TẬP TRUNG THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ CỦA CÁC TÀI SẢN, CÔNG NỢ VÀ CÁC KHOẢN MỤC NGOẠI BẢNG

	Tổng dư nợ cho vay	Tổng tiền gửi tại các TCTD	Các cam kết tín dụng	Kinh doanh và đầu tư chứng khoán
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Trong nước	14.827.885	5.557.874	26.751	6.609.272
	14.827.885	5.557.874	26.751	6.609.272

37. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty có các khoản tiền gửi, tiền vay và các giao dịch khác với các bên liên quan.

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và/hoặc số dư chủ yếu với Công ty trong năm như sau:

Bên liên quan	Quan hệ
Ngân hàng TMCP An Bình (*)	Cổ đông sáng lập Công ty
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Amber (**)	Có ảnh hưởng
Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà (**)	Có ảnh hưởng
Ban Tổng Giám đốc	Có ảnh hưởng đáng kể
Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát	Có ảnh hưởng đáng kể

(*) Ngân hàng TMCP An Bình không còn là cổ đông lớn của Công ty từ ngày 24 tháng 9 năm 2020.

(**) Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Amber và Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà được xem là bên liên quan do Thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty là ông Lê Mạnh Linh kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2020 là Chủ tịch Hội đồng Quản trị tại hai công ty này.

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại thời điểm cuối năm:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Triệu VND	Triệu VND
Trái phiếu tại các bên liên quan		
- Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà	150.000	200.000
Cổ phiếu tại các bên liên quan		
- Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà	75.789	75.789
Tiền gửi của các bên liên quan		
- Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Amber	18.500	18.500
Lãi phải thu từ trái phiếu của các bên liên		
- Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà	3.117	4.578
Lãi phải trả tiền gửi của các bên liên quan		
- Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Amber	5	4

Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong năm

	Năm nay	Năm trước
	Triệu VND	Triệu VND
Thu nhập lãi từ trái phiếu tại các bên liên quan		
- Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà	21.311	21.148
Chi phí lãi tiền gửi từ các bên liên quan		
- Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Amber	1.297	10

Tổng thu nhập Ban Tổng Giám đốc và thù lao của Hội đồng Quản trị được hưởng trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
	Triệu VND	Triệu VND
Hội đồng Quản trị	2.308	1.946
Ông Hoàng Văn Ninh	900	900
Bà Cao Thị Thu Hà	648	648
Ông Lê Mạnh Linh	163	-
Bà Nguyễn Thúy Trang	300	300
Ông Bùi Xuân Dũng	297	98
Ban Tổng Giám đốc	5.716	5.386
Ông Nguyễn Hoàng Hải	1.513	1.285
Ông Lê Anh Tuấn	1.266	1.302
Ông Hoàng Thế Hưng	649	-
Ông Đào Lê Huy	625	-
Ông Mai Danh Hiền	466	-
Ông Hoàng Mạnh Hải	1.137	1.503
Ông Lý Mạnh Hà	60	1.296
	8.024	7.332

38. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2011. Thông tư 210 đã đưa ra các định nghĩa về công cụ tài chính, bao gồm tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, công cụ tài chính phái sinh và công cụ vốn cũng như quy định cách thức phân loại, trình bày và thuyết minh các loại công cụ này.

Do Thông tư 210 chỉ quy định việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính, các khái niệm dưới đây theo Thông tư 210 chỉ áp dụng đối với việc lập Thuyết minh này. Các khoản mục tài sản và nợ của Công ty vẫn được ghi nhận và hạch toán theo các quy định hiện hành của các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tài sản tài chính

Các tài sản tài chính của Công ty theo phạm vi của Thông tư 210 bao gồm tiền mặt, vàng bạc, đá quý, các khoản tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước, tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác và cho vay các tổ chức tín dụng khác, các khoản cho vay khách hàng, chứng khoán đầu tư, đầu tư dài hạn khác, các khoản lãi và phí phải thu, và các khoản phải thu.

Theo Thông tư 210, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, thành một trong các loại sau:

- *Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:*

Là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- a) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- ✓ Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
- ✓ Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi trong ngắn hạn; hoặc
- ✓ Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

- b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

- *Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn:*

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ hạn đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- a) Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- b) Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- c) Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

- *Các khoản cho vay và phải thu:*

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- a) Các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ cho mục đích kinh doanh, và các loại tài sản mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- b) Các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- c) Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

- *Tài sản sẵn sàng để bán:*

Là các loại tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- a) Các khoản cho vay và các khoản phải thu;
- b) Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn;
- c) Các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công nợ tài chính

Công nợ tài chính của Công ty theo phạm vi của Thông tư 210 bao gồm các khoản tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác, tiền gửi của khách hàng, vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro, các giấy tờ có giá phát hành, các khoản lãi, phí phải trả và các khoản phải trả khác, các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác.

Theo Thông tư 210, nợ phải trả tài chính, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành:

- *Các khoản công nợ tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:*

- a) Một khoản công nợ tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
 - ✓ Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
 - ✓ Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - ✓ Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty phân loại công nợ tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

- *Các khoản công nợ tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:*

Các khoản công nợ tài chính không được phân loại vào nhóm được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại vào nhóm các khoản công nợ tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Bù trừ các tài sản và công nợ tài chính

Các tài sản tài chính và công nợ tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán nếu, và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

Các công cụ tài chính của Công ty được trình bày chi tiết theo bảng dưới đây:

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	(Không bao gồm dự phòng)			
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Tài sản tài chính				
Tiền mặt	1.977	3.872	1.977	3.872
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước (NHNN)	100.855	5.398	100.855	5.398
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác	8.255.119	3.209.032	(*)	(*)
Cho vay khách hàng	12.029.785	9.874.143	(*)	(*)
Chứng khoán đầu tư - Chứng khoán nợ	6.609.272	7.176.531	(*)	(*)
Đầu tư dài hạn khác	447.573	480.022	(*)	(*)
Các khoản phải thu	1.065.806	1.117.376	(*)	(*)
Các khoản lãi, phí phải thu	658.740	826.096	(*)	(*)
	29.169.127	22.692.470		
Công nợ tài chính				
Tiền gửi và vay các TCTD khác	12.965.360	9.277.288	(*)	(*)
Tiền gửi của khách hàng	6.773.022	4.642.451	(*)	(*)
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	4.528.715	4.358.543	(*)	(*)
Phát hành giấy tờ có giá	500.000	10.000	(*)	(*)
Các khoản lãi, phí phải trả	226.078	250.132	(*)	(*)
Các khoản phải trả và công nợ khác	98.850	91.311	(*)	(*)
	25.092.025	18.629.725		

(*) Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

Phân loại tài sản tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2020:

	Tài sản tài chính				
	Kinh doanh Triệu VND	Giữ đến ngày đáo hạn Triệu VND	Cho vay và các khoản phải thu Triệu VND	Sẵn sàng để bán Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Tiền mặt	1.977	-	-	-	1.977
Tiền gửi tại NHNN	-	-	100.855	-	100.855
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác	-	-	8.255.119	-	8.255.119
Cho vay khách hàng	-	-	12.029.785	-	12.029.785
Chứng khoán đầu tư - Chứng khoán nợ	-	230.788	-	6.378.484	6.609.272
Đầu tư dài hạn khác	-	-	-	447.573	447.573
Các khoản phải thu	-	-	1.065.806	-	1.065.806
Các khoản lãi, phí phải thu	-	-	658.740	-	658.740
	1.977	230.788	22.110.305	6.826.057	29.169.127

Phân loại công nợ tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2020:

Toàn bộ công nợ tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 được phân loại là các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

39. QUẢN LÝ RỦI RO

Phần này cung cấp chi tiết về các rủi ro mà Công ty có thể gặp phải và mô tả chi tiết các phương pháp mà Ban Tổng Giám đốc Công ty sử dụng để kiểm soát rủi ro. Các loại rủi ro quan trọng nhất mà Công ty dễ gặp phải là rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Rủi ro tiền tệ

Công ty chịu rủi ro tiền tệ trong những giao dịch bằng ngoại tệ.

Công ty chủ yếu sử dụng Đô la Mỹ và Đồng Việt Nam để hạch toán các hoạt động của mình. Do báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng Đồng Việt Nam nên bị ảnh hưởng bởi những biến động tỷ giá giữa Đô la Mỹ và Đồng Việt Nam.

Rủi ro trong các giao dịch bằng ngoại tệ của Công ty sẽ làm phát sinh lãi hoặc lỗ ngoại tệ và các khoản lãi hay lỗ ngoại tệ này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Rủi ro này bao gồm cả các tài sản và công nợ bằng tiền của Công ty có nguồn gốc không phải bằng đồng tiền hạch toán của Công ty. Công ty cũng duy trì trạng thái mở để có thể thu lãi từ biến động tỷ giá.

Bảng dưới đây liệt kê trạng thái tiền tệ của các loại tài sản, công nợ của Công ty tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2020:

CHỈ TIÊU	EUR	USD	Các loại	Tổng
	quy đổi	quy đổi	tiền tệ khác được quy đổi	
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Tài sản				
Tiền mặt	113	133	-	246
Tiền gửi tại NHNN	-	23	-	23
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác (*)	3.189	2.358.488	399	2.362.076
Cho vay khách hàng (*)	-	3.838.158	-	3.838.158
Tài sản Có khác (*)	29	96.907	2.581	99.517
Tổng tài sản	3.331	6.293.709	2.980	6.300.020
Nợ phải trả				
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	1.640.100	-	1.640.100
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	-	4.521.977	-	4.521.977
Các khoản nợ khác (*)	-	59.726	-	59.726
Tổng Nợ phải trả	-	6.221.803	-	6.221.803
Trạng thái tiền tệ nội bảng	3.331	71.906	2.980	78.217

(*) Không bao gồm dự phòng rủi ro.

Tỷ giá một số loại ngoại tệ vào thời điểm cuối năm tài chính:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	23.100	23.170
Nhân dân tệ Trung Quốc (CNY)	3.542	3.317
Euro (EUR)	28.494	26.206
Yên Nhật (JPY)	223	213
Đô la Úc (AUD)	17.648	16.219
Bảng Anh (GBP)	31.267	30.376

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro gây ra các tác động tiêu cực đến thu nhập, vốn của Công ty do những biến động bất lợi của lãi suất.

Rủi ro lãi suất của Công ty có thể xuất phát từ hoạt động đầu tư, hoạt động huy động vốn và cho vay.

Thời hạn định lại lãi suất thực tế là thời hạn còn lại tính từ thời điểm lập báo cáo tài chính cho tới kỳ định lại lãi suất gần nhất của các khoản mục tài sản và nguồn vốn. Các giả định và điều kiện sau được áp dụng trong phân tích thời hạn xác định lại lãi suất thực tế của các tài sản và công nợ của Công ty:

- Tiền mặt, vàng bạc, đá quý; trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành; góp vốn đầu tư dài hạn và các tài sản có khác (bao gồm tài sản cố định và tài sản có khác) được xếp loại là khoản mục không chịu lãi;

- Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam được xếp loại là tiền gửi thanh toán, do đó kỳ hạn định lại lãi suất thực tế được xếp loại đến một tháng;

- Thời hạn định lại lãi suất thực tế của chứng khoán đầu tư (trừ trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành) được xác định như sau:

- Các khoản mục có lãi suất cố định trong suốt thời gian của hợp đồng: Thời hạn định lại lãi suất thực tế được xác định dựa trên thời gian đáo hạn thực tế tính từ thời điểm lập báo cáo tài chính;
- Các khoản mục có lãi suất thả nổi: Thời hạn định lại lãi suất thực tế được xác định dựa trên kỳ định lại lãi suất gần nhất tính từ thời điểm lập báo cáo tài chính;
- Các khoản chứng khoán đầu tư là chứng khoán vốn được xếp loại là khoản mục không chịu lãi.

- Thời hạn định lại lãi suất thực tế của các khoản tiền gửi và cho vay các TCTD khác; các khoản cho vay khách hàng; các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; các khoản tiền gửi và vay các TCTD và khoản mục tiền gửi của khách hàng, các khoản mục nguồn vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro được xác định như sau:

- Các khoản mục có lãi suất cố định trong suốt thời gian của hợp đồng: Thời hạn định lại lãi suất thực tế được xác định dựa trên thời gian đáo hạn thực tế tính từ thời điểm lập báo cáo tài chính;
- Các khoản mục có lãi suất thả nổi: Thời hạn định lại lãi suất thực tế dựa trên kỳ định lại lãi suất gần nhất tính từ thời điểm lập báo cáo tài chính.

Các hoạt động của Công ty chịu rủi ro về biến động lãi suất khi các tài sản thu lãi và nợ phải trả chịu lãi đáo hạn tại những thời điểm khác nhau hoặc với những giá trị khác nhau. Một số tài sản không có kỳ hạn cụ thể hoặc rất nhạy cảm với lãi suất và không tương ứng với từng khoản công nợ cụ thể.

Bảng dưới đây trình bày các tài sản và công nợ của Công ty được phân loại theo thời hạn định giá lại theo hợp đồng hoặc theo ngày đáo hạn và lãi suất thực tế tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Ngày định giá lại tài sản và ngày đáo hạn dự kiến có thể khác nhiều so với ngày quy định trong hợp đồng, đặc biệt với ngày đáo hạn tiền gửi của khách hàng.

Độ nhạy đối với lãi suất

Do Thông tư 210 không hướng dẫn cụ thể về cách thức thực hiện phân tích độ nhạy lãi suất nên Công ty chưa trình bày các thông tin này.

Chi tiết về rủi ro lãi suất với từng loại tài sản, công nợ mà Công ty nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 như sau:

	Không chịu lãi	Quá hạn	Trong hạn					Tổng
			Đến 01 tháng	Từ 01-03 tháng	Từ 03-06 tháng	Từ 06-12 tháng	Từ 01-05 năm	
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Tài sản								
Tiền mặt	1.977	-	-	-	-	-	-	1.977
Tiền gửi tại NHNN	-	-	100.855	-	-	-	-	100.855
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác (*)	-	-	7.165.619	881.600	207.900	-	-	8.255.119
Cho vay khách hàng (*)	-	310.041	452.892	3.211.761	1.098.677	1.674.800	1.652.622	12.029.785
Chứng khoán đầu tư (*)	905.051	-	142.649	755.000	630.000	3.180.000	796.572	6.609.272
Góp vốn, đầu tư dài hạn (*)	447.573	-	-	-	-	-	-	447.573
Tài sản Có khác (*)	1.574.100	203.336	-	-	-	-	-	1.777.436
Tổng tài sản	2.928.701	513.377	7.862.015	4.848.361	1.936.577	4.854.800	3.828.992	29.222.017

Nợ phải trả

Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	5.815.960	2.801.600	3.199.900	940.000	207.900	-	12.965.360
Tiền gửi của khách hàng	-	-	809.358	163.589	-	351.925	4.306.200	1.141.950	6.773.022
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	-	-	3.203	85.043	-	2.018.052	768.892	1.653.525	4.528.715
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	-	-	500.000	-	-	500.000
Các khoản nợ khác (*)	145.909	-	15.263	210.739	-	-	-	-	371.911
Tổng nợ phải trả	145.909	-	6.643.784	3.260.971	3.199.900	3.809.977	5.282.992	2.795.475	25.139.008

Mức chênh lệch cầm với lãi suất nội bảng	2.782.792	513.377	1.218.231	1.587.390	(1.263.323)	1.044.823	(1.454.000)	(346.281)	4.083.009
--	-----------	---------	-----------	-----------	-------------	-----------	-------------	-----------	-----------

(*) Không bao gồm dự phòng rủi ro.

Rủi ro tín dụng

Công ty chịu rủi ro tín dụng trong quá trình cho vay và đầu tư cũng như khi Công ty đóng vai trò trung gian thay mặt khách hàng hay các bên thứ ba hay khi Công ty cấp bảo lãnh.

Rủi ro khi các bên đối tác không có khả năng thanh toán nợ được giám sát một cách liên tục. Để quản lý được mức độ rủi ro tín dụng, Công ty chỉ giao dịch với các đối tác có uy tín tín dụng cao và khi thích hợp, sẽ yêu cầu có tài sản đảm bảo.

Rủi ro tín dụng mà Công ty gặp phải phát sinh từ các khoản cho vay và ứng trước của Công ty. Mức độ rủi ro tín dụng này được phản ánh theo giá trị ghi sổ của các tài sản trên bảng cân đối kế toán. Ngoài ra, Công ty còn phải gặp rủi ro tín dụng ngoại bảng dưới dạng các cam kết cấp tín dụng và cấp bảo lãnh.

Mức độ tập trung của rủi ro tín dụng (cho dù là nội hay ngoại bảng) phát sinh từ các công cụ tài chính tồn tại theo từng nhóm đối tác khi các nhóm này có các đặc điểm kinh tế tương tự nhau mà có thể khiến khả năng trả nợ của các nhóm đối tác này sẽ bị ảnh hưởng tương tự như nhau khi có các biến động về điều kiện kinh tế hay những điều kiện khác.

Mức độ tập trung chủ yếu của rủi ro tín dụng phát sinh theo khu vực và theo loại khách hàng liên quan đến các hoạt động đầu tư, cho vay và ứng trước, cam kết cấp tín dụng và cấp bảo lãnh của Công ty. Công ty có rủi ro tín dụng tập trung chủ yếu vào một số ngành kinh tế nhất định.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc thực hiện những nghĩa vụ thanh toán cho các công nợ tài chính. Rủi ro thanh khoản phát sinh khi Công ty có thể không đủ khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi những khoản công nợ này đến hạn ở những thời điểm bình thường hoặc khó khăn.

Để giảm thiểu rủi ro thanh khoản, Công ty duy trì cơ cấu tài sản Có và tài sản nợ phù hợp, đồng thời tăng cường huy động từ nhiều nguồn đa dạng khác ngoài nguồn vốn cơ bản của Công ty. Công ty có chính sách quản lý tài sản có tính thanh khoản cao, linh hoạt, theo dõi dòng tiền tương lai và tính thanh khoản hàng ngày. Công ty cũng đánh giá dòng tiền dự kiến và khả năng sẵn có của tài sản đảm bảo hiện tại trong trường hợp cần huy động thêm nguồn vốn.

Các giả định và điều kiện sau được áp dụng trong phân tích thời gian đáo hạn của các tài sản và công nợ của Công ty:

- Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước được xếp loại là tiền gửi thanh toán, trong đó bao gồm tiền gửi dự trữ bắt buộc. Số dư của tiền gửi dự trữ bắt buộc phụ thuộc vào thành phần và kỳ hạn của các khoản tiền gửi của khách hàng tại Công ty;
- Thời gian đến hạn của chứng khoán đầu tư (chứng khoán nợ) được tính dựa trên ngày đáo hạn trên hợp đồng;
- Thời gian đến hạn của các khoản tiền gửi và cho vay các TCTD khác và các khoản cho vay khách hàng được xác định dựa vào ngày đến hạn của hợp đồng quy định. Thời gian đến hạn thực tế có thể thay đổi do các kế ước cho vay được gia hạn;
- Thời gian đến hạn của các khoản đầu tư góp vốn mua cổ phần được coi là hơn 5 năm do các khoản đầu tư này không có thời gian đáo hạn xác định;

- Thời gian đến hạn của các khoản tiền gửi, tiền vay của các tổ chức tín dụng và các khoản tiền gửi của khách hàng được xác định dựa vào tính chất hoặc theo thời gian đáo hạn trên hợp đồng. Trong thực tế, các khoản này có thể được quay vòng và do đó duy trì trong thời gian dài hơn thời gian đáo hạn ban đầu;
- Thời gian đến hạn của tài sản cố định được xác định dựa vào thời gian sử dụng hữu ích còn lại;
- Thời gian đáo hạn của khoản mục nguồn vốn tài trợ ủy thác đầu tư, cho vay mà Công ty chịu rủi ro được tính dựa trên thời gian đáo hạn thực tế tại thời điểm lập báo cáo tài chính của từng khoản vốn tài trợ ủy thác đầu tư;
- Thời gian đến hạn của các tài sản Có và các khoản nợ khác được tính từ ngày lập báo cáo tài chính đến khi thanh toán theo quy định trong hợp đồng.

Bảng dưới đây phân tích tài sản và công nợ tài chính của Công ty theo các nhóm kỳ đáo hạn tương ứng tính theo thời gian còn lại từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phải thanh toán. Trong thực tế, kỳ đáo hạn thực tế của tài sản và công nợ tài chính có thể khác thời hạn theo hợp đồng và theo phụ lục hợp đồng.

Chi tiết về rủi ro thanh khoản với từng loại tài sản, công nợ tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 như sau:

	Quá hạn		Trong hạn					Tổng
	Trên 03 tháng		Đến 03 tháng	Đến 01 tháng	Từ 01-03 tháng	Từ 03-12 tháng	Từ 01-05 năm	
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Tài sản								
Tiền mặt	-	-	-	1.977	-	-	-	1.977
Tiền gửi tại NHNN	-	-	-	100.855	-	-	-	100.855
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác (*)	-	-	-	7.165.619	881.600	207.900	-	8.255.119
Cho vay khách hàng (*)	236.613	73.428	86.908	891.929	2.143.503	4.269.934	4.327.470	12.029.785
Chứng khoán đầu tư (*)	-	-	967.156	754.933	2.185.720	2.501.454	200.009	6.609.272
Góp vốn, đầu tư dài hạn (*)	-	-	-	-	-	-	447.573	447.573
Tài sản Có khác (*)	201.798	1.538	831.617	704.873	37.610	-	-	1.777.436
Tổng tài sản	438.411	74.966	9.154.132	3.233.335	4.574.733	6.771.388	4.975.052	29.222.017
Nợ phải trả								
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	5.815.960	2.801.600	4.139.900	207.900	-	12.965.360
Tiền gửi của khách hàng	-	-	809.358	163.589	351.925	4.306.200	1.141.950	6.773.022
Vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	-	-	1.440	86.806	85.044	1.145.884	3.209.541	4.528.715
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	-	500.000	-	-	500.000
Các khoản nợ khác (*)	-	-	161.173	210.738	-	-	-	371.911
Tổng nợ phải trả	-	-	6.787.931	3.262.733	5.076.869	5.659.984	4.351.491	25.139.008
438.411	74.966	2.366.201	(29.398)	(502.136)	1.111.404	623.561	4.083.009	

(*) Không bao gồm dự phòng rủi ro.

40. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cần phải điều chỉnh hoặc thuyết minh trên báo cáo tài chính.

Nguyễn Thị Quỳnh
Người lập biểu

Mai Danh Hiền
Kế toán trưởng



Nguyễn Hoàng Hải
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 3 năm 2021

TỜ TRÌNH

*(V/v xin thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán;
Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020; Phương án tăng Vốn Điều lệ và Ủy quyền cho
Hội đồng Quản trị lựa chọn đơn vị kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm
2022)*

Trên cơ sở kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020 đã được kiểm toán, căn cứ Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 38/NQ-HĐQT-TCĐL ngày 06 tháng 04 năm 2021 về việc thông qua các nội dung trình Đại Hội Cổ đông và Nghị quyết số 37/QĐ-HĐQT-TCĐL ngày 06 tháng 04 năm 2021 về việc tổ chức đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực. Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các nội dung như sau:

I. Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty. Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty được công bố trên website của Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực, phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của pháp luật và trích đính kèm tài liệu cung cấp tại Đại hội.

II. Phương án trích lập các quỹ theo quy định; các quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi và quỹ khen thưởng HĐQT, BKS, BDH

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua Phương án trích lập các quỹ theo quy định; các quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi và quỹ khen thưởng HĐQT, BKS, BDH

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Số tiền	Thuyết minh
I	Lợi nhuận phân phối năm 2020	228.410.276.780	
II	Trích lập các Quỹ	46.549.180.859	
2.1	Quỹ dự trữ bổ sung Vốn điều lệ (Bắt buộc)	11.420.513.839	

STT	Nội dung	Số tiền	Thuyết minh
2.2	Quỹ dự phòng tài chính (Bắt buộc)	22.841.027.678	
2.3	Quỹ khen thưởng	7.034.202.976	3,08%/LNST
2.4	Khen thưởng HĐQT, Ban Điều hành	1.142.051.384	0,5%/LNST theo mức ĐHĐCĐ 2020 phê duyệt
2.5	Quỹ phúc lợi	4.111.384.982	1,8%/LNST

Lợi nhuận năm 2020 sau khi trích lập các Quỹ: 181.861.095.921 đồng (1).

Lợi nhuận còn lại từ các năm trước sau khi chi trả cổ tức năm 2018, 2019 theo phê duyệt của Ngân hàng Nhà nước: 16.874.852.829 đồng (2).

Tổng Lợi nhuận chi trả cổ tức năm 2020 là (1) + (2): 198.735.948.750 đồng

(Hiện Công ty vẫn đang tiếp tục các thủ tục xin Ngân hàng Nhà nước cho phép để chia cổ tức năm 2018, 2019 mức 15%, tương đương 397.471.897.500 đồng theo Nghị quyết ĐHĐCĐ 2020).

III. Phương án chi trả cổ tức từ nguồn lợi nhuận để chia cổ tức năm 2020 và các năm trước

Tuân thủ Chỉ thị 01/CT-NHNN ngày 07/01/2021 và các văn bản liên quan của NHNN, các Tổ chức Tín dụng được chi trả cổ tức cho các cổ đông bằng cổ phiếu; Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021: Thông qua phương án tăng vốn điều lệ để chi trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu với mức chi trả xác định trong các trường hợp như sau:

- Mức cổ tức chi trả 7,5% xác định trên Vốn Điều lệ hiện hành là 2.649.812.650.000 đồng.
- Trường hợp việc chi trả thực hiện sau khi Công ty đã hoàn thành tăng Vốn Điều lệ để chi trả cổ tức 15%, Vốn Điều lệ đạt 3.047.284.547.500 đồng, mức cổ tức chi trả sẽ là 6,5%.

(Chi tiết theo Phương án tăng vốn điều lệ để chi trả cổ tức đính kèm theo Phụ Lục 1 của Tờ trình).

Trình ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT thực hiện các thủ tục tăng vốn điều lệ từ nguồn lợi nhuận năm 2020 và lợi nhuận để lại từ các năm trước nêu trên bằng cổ phiếu khi nhận được sự phê duyệt của Ngân hàng Nhà nước và các cơ quan liên quan, đồng thời thực hiện chi trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty.

IV. Niêm yết cổ phiếu EVF trên Sở Giao dịch chứng khoán TP.Hồ Chí Minh (HOSE)

Hội đồng Quản trị kính trình ĐHĐCĐ thường niên 2021 thông qua lộ trình niêm yết cổ phiếu EVF trên Sở Giao dịch chứng khoán TP.Hồ Chí Minh (HOSE), mục tiêu chậm nhất năm 2022. Giao Hội đồng Quản trị xây dựng lộ trình cụ thể và triển khai thực hiện các công việc, thủ tục cần thiết theo quy định của pháp luật.

V. Ủy quyền Hội đồng Quản trị căn cứ tình hình thực tế, đánh giá năng lực đối tác, lựa chọn Công ty Kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo Tài chính năm 2022 của Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực.

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- HĐQT, Ban TGD
- Ban Kiểm soát;
- Lưu: VP.HĐQT.

CHỦ TỊCH HĐQT



HOÀNG VĂN NINH

PHỤ LỤC 01: PHƯƠNG ÁN TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC

(Đính kèm Tờ trình số 12/TTr-HĐQT-TCĐL về việc xin thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán; Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020; Phương án tăng Vốn Điều lệ và Ủy quyền cho Hội đồng Quản trị lựa chọn đơn vị kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022)

I. Lý do và sự cần thiết tăng vốn điều lệ

Vốn điều lệ của EVNFinance tính đến 27/4/2021 là: 2.649.812.650.000 đồng. Với định hướng phát triển, cung cấp các sản phẩm, dịch vụ trên nền tảng công nghệ số, trong điều kiện kinh doanh hiện nay, dự báo các xu hướng phát triển trong tương lai, tăng vốn điều lệ của EVNFinance có ý nghĩa rất quan trọng trong quá trình nâng cao năng lực tài chính, phát triển các sản phẩm dịch vụ mới trên nền tảng công nghệ số song song duy trì các hoạt động kinh doanh truyền thống, hướng tới tăng trưởng quy mô, phát triển đa dạng các sản phẩm dịch vụ. Tăng vốn điều lệ nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh trong xu thế phát triển của thị trường, sẽ tăng niềm tin trong giao dịch tài chính, góp phần gia tăng lợi ích cổ đông và phát triển kinh tế xã hội.

Thực hiện phương án tăng vốn điều lệ bằng hình thức chi trả cổ tức bằng cổ phiếu theo quy định của Ngân hàng Nhà nước đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật.

Với định hướng trở thành một định chế tài chính tổng hợp cung cấp các sản phẩm dịch vụ trên nền tảng công nghệ số hiện đại, tiếp tục giữ vai trò chủ đạo về cung cấp các sản phẩm tài chính hữu ích cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam và đối tác, khách hàng trong lĩnh vực điện năng; Cung cấp đa dạng các sản phẩm dịch vụ cho mọi thành phần kinh tế phù hợp với mô hình công ty tài chính, EVNFinance cần có lượng vốn đủ để đáp ứng yêu cầu nghiên cứu, phát triển yêu cầu kinh doanh trong thời gian tới.

Nâng cao năng lực tài chính thông qua việc mở rộng quy mô vốn điều lệ sẽ giúp EVNFinance nâng cao hiệu quả hoạt động trong quá trình phát triển hoạt động như:

- Hạn chế các rủi ro trong hoạt động, đáp ứng tốt các chỉ tiêu đảm bảo an toàn trong hoạt động tài chính ngân hàng, đặc biệt khi mở rộng cung cấp các sản phẩm dịch vụ bán lẻ; nâng cao khả năng huy động vốn, cho vay đối với khách hàng;
- Thông qua tăng vốn điều lệ, có điều kiện nhanh chóng mở rộng quy mô hoạt động, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi để xây dựng vị thế, thương hiệu của

EVNFinance, tạo cơ sở để EVNFinance hội nhập và hợp tác hiệu quả với các tổ chức tín dụng trong nước và quốc tế.

II. Vốn điều lệ:

- Mức vốn điều lệ hiện tại: 2.649.812.650.000 đồng (*Hai nghìn sáu trăm bốn chín tỷ tám trăm mười hai triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng*)
- Mức vốn điều lệ dự kiến tăng thêm:
 - (i) 198.735.948.750 đồng (*Một trăm chín tám tỷ bảy trăm ba lăm triệu chín trăm bốn tám nghìn bảy trăm năm mươi đồng*) xác định theo mức trả cổ tức 7,5% trên Vốn Điều lệ hiện tại.
 - (ii) 198.073.495.588 đồng (*Một trăm chín tám tỷ không trăm bảy ba triệu bốn trăm chín lăm nghìn năm trăm tám mươi tám đồng*) xác định theo mức trả cổ tức 6,5% trên Vốn Điều lệ 3.047.284.547.500 đồng sau khi đã tăng 15% để chi trả cổ tức năm 2018, 2019.

III. Phương án tăng vốn điều lệ và phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2020

- Loại cổ phần: cổ phần phổ thông.
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần.
- Số lượng cổ phần phát hành:
 - (i) 19.873.595 (*Mười chín triệu tám trăm bảy ba nghìn năm trăm chín lăm*) cổ phần - trường hợp xác định theo mức trả cổ tức 7,5% trên Vốn Điều lệ hiện tại.
 - (ii) 19.807.350 (*Mười chín triệu tám trăm linh bảy nghìn ba trăm năm mươi*) cổ phần - trường hợp xác định theo mức trả cổ tức 6,5% trên Vốn Điều lệ 3.047.284.547.500 đồng sau khi đã tăng 15% để chi trả cổ tức năm 2018, 2019.
- Tổng giá trị phát hành:
 - (i) 198.735.950.000 (*Một trăm chín tám tỷ bảy trăm ba lăm triệu chín trăm năm mươi nghìn*) đồng - trường hợp xác định theo mức trả cổ tức 7,5% trên Vốn Điều lệ hiện tại.
 - (ii) 198.073.500.000 (*Một trăm chín tám tỷ không trăm bảy ba triệu năm trăm nghìn*) đồng - trường hợp xác định theo mức trả cổ tức 6,5% trên Vốn Điều lệ 3.047.284.547.500 đồng sau khi đã tăng 15% để chi trả cổ tức năm 2018, 2019.
- Tỷ lệ thực hiện quyền:
 - (i) 100 : 7,5 (cổ đông sở hữu 100 cổ phần sẽ được nhận thêm 7,5 cổ phần phát hành thêm), tương ứng với tỷ lệ cổ tức là 7,5% trên mệnh giá - trường hợp xác định theo mức trả cổ tức 7,5% trên Vốn Điều lệ hiện tại.

- (ii) 100 : 6,5 (cổ đông sở hữu 100 cổ phần sẽ được nhận thêm 7,5 cổ phần phát hành thêm), tương ứng với tỷ lệ cổ tức là 6,5% trên mệnh giá - trường hợp xác định theo mức trả cổ tức 6,5% trên Vốn Điều lệ 3.047.284.547.500 đồng sau khi đã tăng 15% để chi trả cổ tức năm 2018, 2019.
- Nguồn vốn được sử dụng để phát hành cổ phiếu trả cổ tức: từ nguồn lợi nhuận sau thuế của Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực năm 2020 và lợi nhuận để lại từ các năm trước và đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật.
 - Số lượng cổ phần Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực (EVF) trước khi phát hành: 264.981.265 CP tính đến 31/3/2021 theo Giấy đăng ký chứng nhận chứng khoán (*Hai trăm sáu tư triệu chín trăm tám một nghìn hai trăm sáu lăm*) cổ phần.
 - Đối tượng phát hành: cổ đông có tên trong danh sách cổ đông tại ngày chốt danh sách thực hiện quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu.
 - Phương thức phát hành: cổ tức bằng cổ phiếu được phát hành cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền.
 - Quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu không được phép chuyển nhượng. Cổ phần trả cổ tức không bị hạn chế chuyển nhượng.
 - Phương án xử lý số cổ phần lẻ: Số lượng cổ phần phát hành thêm để trả cổ tức bằng cổ phiếu khi chia cho các cổ đông sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị.
 - Thời gian thực hiện dự kiến: Sau khi được Ngân hàng Nhà Nước và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận và dự kiến trong năm 2021 - 2022 đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành về chào bán cổ phần riêng lẻ.

IV. Thời gian dự kiến hoàn thành việc tăng vốn điều lệ:

Thời gian hoàn thành dự kiến trong gian đoạn 2021-2022.

V. Dự kiến các chỉ tiêu tài chính và phương án sử dụng vốn

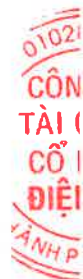
1. Dự kiến Bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả kinh doanh

Năm 2020, EVNFinance hoàn thành kế hoạch lợi nhuận mà Đại hội đồng cổ đông thường niên đã giao phó. Tăng vốn điều lệ là một trong những giải pháp góp phần hoàn thành kế hoạch, định hướng kinh doanh của EVNFinance trong giai đoạn năm đến năm 2022, phần đầu đem lại mức lợi nhuận kỳ vọng cho cổ đông EVNFinance, đặc biệt trong bối cảnh dự báo diễn biến dịch bệnh trên thế giới, tại Việt Nam sẽ có những tác động khá sâu, lâu dài hơn, tăng mức độ thách thức của nền kinh tế nói chung, các doanh nghiệp nói riêng sẽ phải đối mặt trong năm 2021. EVNFinance dự kế hoạch năm 2021 như sau:

- Bảng cân đối kế toán

Đơn vị: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	KH 31/12/2021	KH 31/12/2022
A	TÀI SẢN		
I	Tiền mặt, tài sản, đá quý	4	4
II	Tiền gửi tại Ngân hàng nhà nước	5	5
III	Tiền gửi, cho vay các tổ chức tín dụng khác	7.200	7.550
IV	Cho vay khách hàng	14.660	17.474
1	Cho vay khách hàng	14.900	17.829
2	Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	(240)	(355)
V	Chứng khoán đầu tư	5.050	4.923
1	Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	5.040	4.930
2	Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	66	66
3	Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư	(56)	(74)
VI	Góp vốn, đầu tư dài hạn	469	570
1	Đầu tư dài hạn khác	470	570
2	Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(1)	(1)
VII	Tài sản khác	1.630	1.600
	TỔNG TÀI SẢN CÓ	29.020	32.125
B	NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		
I	Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	9.510	10.150
II	Tiền gửi của khách hàng	7.300	8.770
III	Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	5.487	5.734
IV	Phát hành GTCG	2.200	2.640
V	Các khoản nợ khác	600	600
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ	25.097	27.894
V	Vốn chủ sở hữu	3.923	4.231
1	Vốn và các Quỹ	3.421	3.619
2	Lợi nhuận chưa phân phối	502	613
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	29.020	32.125



➤ Báo cáo kết quả kinh doanh

Đơn vị: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	KH 2021	KH 2022
1	Thu nhập từ lãi và các khoản thu nhập tương tự	1.840	2.297
2	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	(1.045)	(1.240)
I	Thu nhập lãi thuần	795	1.057
3	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	183	201
4	Chi phí hoạt động dịch vụ	(149)	(163)
II	Lãi/lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ	34	38
III	Lãi/lỗ thuần từ hoạt động khác	87	18
IV	Chi phí hoạt động	(370)	(462)
V	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	545	651
VI	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(224)	(265)
VII	Tổng lợi nhuận trước thuế	320,8	386,2
XII	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	(64,2)	(77)
XIII	Lợi nhuận sau thuế	256,6	308,9

2. Dự kiến kế hoạch sử dụng vốn điều lệ tăng thêm trong hoạt động kinh doanh

Công ty chủ trương phát triển mạnh các sản phẩm có ứng dụng công nghệ số, phát triển các hoạt động kinh doanh nền tảng, song song việc duy trì thực hiện hiệu quả các hoạt động kinh doanh truyền thống. Theo đó, các mục tiêu, giải pháp được cụ thể hóa như sau:

- Hoạt động kinh doanh nền tảng, các sản phẩm dịch vụ ứng dụng công nghệ số là những lĩnh vực hoàn toàn mới so với các sản phẩm truyền thống của Công ty, đòi hỏi sự linh hoạt, nhạy bén và năng động, nên Công ty ưu tiên tập trung nguồn lực để phát triển các hoạt động này khai thác các cơ hội của thời đại công nghệ số, nắm bắt biến động nhu cầu thị trường để cung cấp sản phẩm dịch vụ phù hợp, đảm bảo đủ năng lực cạnh tranh trong giai đoạn mới. Đồng thời, đối với các sản phẩm dịch vụ mới, Công ty cần đầu tư, xây dựng phương án kiểm soát rủi ro ngay từ khâu thẩm định để kiểm soát, giảm thiểu tối đa việc phát sinh chi phí liên quan, đảm bảo an toàn hoạt động.

- Về hoạt động công nghệ số: Trong năm 2020, HĐQT đã ban hành Quyết định số 51/QĐ-HĐQT-TCĐL ngày 15/10/2020 về việc thành lập Khối Công nghệ số Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực. Công ty sẽ thường xuyên cập nhật công nghệ mới, khai thác phát triển công nghệ mới ứng dụng vào việc cung cấp các sản phẩm dịch vụ mới. Đặc thù của các sản phẩm dịch vụ trong thời đại công nghệ số là

đáp ứng nhu cầu của khách hàng nhanh chóng, thuận tiện, thủ tục đơn giản. Với xu hướng phát triển của công nghệ thông tin và các ứng dụng thiết bị di động, cùng với sự gia nhập thị trường của đối tượng khách hàng trẻ, việc tiếp cận các sản phẩm dịch vụ dễ dàng, nhanh chóng trở thành một trong những yếu tố then chốt trong cạnh tranh. Công ty đã và sẽ tiếp tục đầu tư, ứng dụng công nghệ hiện đại vào việc cung cấp sản phẩm, đảm bảo yếu tố cạnh tranh khi cung cấp sản phẩm ra thị trường và thường xuyên cập nhật, nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới, nắm bắt cơ hội trên thị trường để cung cấp sản phẩm dịch vụ mới, có tính cạnh tranh cao.

Tăng vốn điều lệ tạo cơ sở để Công ty tăng trưởng vững chắc về quy mô hoạt động trong điều kiện nền kinh tế Việt Nam đang có bước phát triển mới. Với bộ máy và nhân sự hiện nay, với kinh nghiệm và hiệu quả tốt trong hơn 12 năm hoạt động, Công ty hoàn toàn đủ điều kiện để tăng quy mô, quản lý rủi ro một cách hữu hiệu, đạt hiệu quả kinh doanh theo kỳ vọng; xây dựng Công ty trở thành định chế tài chính hiện đại, chuyên nghiệp, hội nhập và phát triển bền vững.

3. Khả năng quản trị, điều hành và kiểm soát rủi ro đối với quy mô vốn điều lệ mới

Kế hoạch tăng trưởng quy mô nguồn vốn chủ sở hữu đã được đưa ra trong định hướng phát triển của Công ty, cùng với việc củng cố phát triển đồng bộ các nguồn lực khác. Theo đó, khả năng quản trị, điều hành và kiểm soát rủi ro của Công ty luôn đảm bảo đáp ứng yêu cầu, phù hợp với tốc độ tăng của quy mô vốn điều lệ, cụ thể:

- Hội đồng Quản trị Công ty bao gồm các thành viên có trình độ chuyên môn cao, có kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính ngân hàng. Việc điều hành quản trị được thực hiện theo nguyên tắc cùng thảo luận để đạt được sự đồng thuận. Các thành viên Hội đồng Quản trị được phân công phụ trách theo nhóm lĩnh vực với sự hỗ trợ của các Ủy ban chuyên trách, đảm bảo điều hành quản trị kịp thời, hiệu quả.
- Ban Kiểm soát có 03 thành viên, thực hiện kiểm soát chặt chẽ tất cả các hoạt động của Công ty thông qua hệ thống các văn bản quy định nội bộ. Bên cạnh đó, tính tuân thủ được kiểm tra định kỳ, khách quan bởi Phòng Kiểm toán nội trực thuộc Ban Kiểm soát và được các đơn vị chuyên môn kiểm tra chéo lẫn nhau trong quá trình tác nghiệp.
- Ban Điều hành Công ty bao gồm 7 thành viên (Tổng Giám đốc, 03 Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Tài chính và 02 Giám đốc Chi nhánh) có kinh nghiệm và chuyên môn cao trong lĩnh vực phụ trách, chỉ đạo triển khai hiệu quả các định hướng chiến lược, kế hoạch của Hội đồng Quản trị, Đại hội đồng cổ đông giao.



- Công ty đã ban hành Quy chế Quản trị nội bộ, triển khai điều hành Công ty công khai, minh bạch, hiệu quả, tuân thủ quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam từng thời kỳ và hướng tới thông lệ, chuẩn mực quốc tế.
- Công ty luôn chú trọng đầu tư phát triển hệ thống công nghệ thông tin, tăng cường đổi mới công nghệ, nghiên cứu phát triển các sản phẩm dịch vụ tài chính có ứng dụng nền tảng công nghệ số để cung cấp đa dạng các sản phẩm dịch vụ nhanh chóng, ưu việt hơn cho khách hàng.
- Công ty duy trì triển khai công tác quản trị rủi ro theo 3 tuyến phòng thủ: (1) Tuyến phòng thủ thứ nhất là Khối Kinh doanh, các đơn vị vận hành... Nhiệm vụ chính của các đơn vị này là xác định, đánh giá, ngăn ngừa, báo cáo và theo dõi các rủi ro phát sinh trong hoạt động kinh doanh và các quy trình vận hành khác; tự đánh giá rủi ro và kiểm soát tính hiệu quả của từng đơn vị. (2) Tuyến phòng thủ thứ hai là Khối Quản trị rủi ro, khối tuân thủ, quản trị rủi ro hoạt động và pháp chế. Tuyến này có nhiệm vụ quan trọng là độc lập đánh giá và kiểm soát (kiểm tra và cân đối) tính hiệu quả của hệ thống ở tuyến phòng thủ thứ nhất; quản lý rủi ro thông qua việc thiết lập khẩu vị rủi ro/chính sách cho vay, xây dựng quy trình/hướng dẫn nghiệp vụ, theo dõi và cảnh báo sớm,...(3) Tuyến phòng thủ thứ ba là Phòng Kiểm toán nội bộ. Đây là bộ phận trực thuộc Ban Kiểm soát, thực hiện kiểm soát, đánh giá độc lập và khách quan. Trong quá trình hoạt động và phát triển, Công ty chủ trương xây dựng hệ thống quản trị rủi ro tiệm cận với hệ thống tiêu chuẩn quốc tế.

C.P.

Số: 15 /TTr-TCĐL-HĐQT

Hà Nội ngày 6 tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc: Thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010 và Luật số 17/2017/QH14 ngày 20/11/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực;

Hội đồng quản trị Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực kính báo cáo tình hình thực hiện thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2020; mức tiền thưởng Hội đồng Quản trị (HĐQT), Ban Kiểm soát (Ban KS), Ban Điều hành (Ban ĐH) trích lập năm 2020 và kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua kế hoạch thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát năm 2021; kế hoạch tiền thưởng HĐQT, Ban KS, Ban ĐH năm 2021 của Công ty như sau:

I- Thù lao, tiền thưởng năm 2020

1. Thù lao HĐQT, Ban KS thực hiện năm 2020

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 10/06/2020, Tổng thù lao năm 2020 của thành viên HĐQT, BKS đã được phê duyệt trong trường hợp Công ty có lợi nhuận thực hiện đạt hoặc vượt mức 280,5 tỷ đồng: Tổng thù lao HĐQT, Ban kiểm soát là: **3.470.166.656 VND** (Ba tỷ, bốn trăm bảy mươi triệu, một trăm sáu mươi sáu nghìn, sáu trăm năm mươi sáu đồng). Thực tế thù lao đã thực hiện chi trả là **3.470.166.656** (Ba tỷ, bốn trăm bảy mươi triệu, một trăm sáu mươi sáu nghìn, sáu trăm năm mươi sáu đồng), bằng mức phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông.

2. Thưởng HĐQT, Ban KS, Ban ĐH năm 2020

Theo Nghị quyết Đại hội cổ đông ngày 10/06/2020, mức tiền thưởng HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành trong trường hợp Công ty có lợi nhuận thực hiện đạt hoặc vượt mức lợi nhuận kế hoạch được giao là 0,5% lợi nhuận sau thuế, đảm bảo mức thưởng không vượt quá 50% phần lợi nhuận tăng thêm so với lợi nhuận 280,5 tỷ đồng.

Trên cơ sở đó, căn cứ kết quả kinh doanh năm 2020 của Công ty, HĐQT thống nhất đề xuất trích thưởng HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành theo mức đã được Đại hội đồng Cổ đông năm 2020 thông qua, cụ thể số tiền **1.142.051.384 VND**.

II- Thù lao, tiền thưởng năm 2021



1. Thù lao HĐQT, Ban KS năm 2021:

Dự kiến từ Đại hội cổ đông năm 2021, số lượng Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát sẽ có sự thay đổi, theo đó, thành viên Hội đồng quản trị tăng từ 05 lên 06 người (bổ sung 01 thành viên độc lập), thành viên Ban Kiểm soát tăng từ 03 người lên 04 người (bổ sung 01 thành viên không chuyên trách). Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt thù lao năm 2021 của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát là: **4.568.000.000 VND** (Bốn tỷ, năm trăm sáu mươi tám triệu).

Đối với các trường hợp Thành viên HĐQT kiêm nhiệm chức danh trong Ban Điều hành, các chức danh khác trong Công ty thì chỉ hưởng lương Ban Điều hành, lương chức danh trong Công ty, không hưởng thù lao HĐQT.

2. Thưởng HĐQT, Ban kiểm soát, Ban điều hành:

Trong trường hợp kết quả lợi nhuận trước thuế thực hiện đạt hoặc vượt mức lợi nhuận 320,8 tỷ đồng, trích thưởng cho HĐQT, Ban kiểm soát, Ban điều hành mức 1% lợi nhuận sau thuế, đảm bảo số tiền thưởng không vượt quá phần lợi nhuận sau thuế tăng thêm.

Trường hợp kết quả lợi nhuận trước thuế thực hiện không đạt mức lợi nhuận 320,8 tỷ đồng, Công ty sẽ không trích thưởng cho HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban điều hành.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Hội đồng quản trị;
- Ban kiểm soát;
- Tổng giám đốc;
- Lưu VP HĐQT, TCNS.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch



Hoàng Văn Ninh

TỜ TRÌNH

Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ, Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế Quản trị nội bộ Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Luật các Tổ chức Tín dụng số 47/2010/QH12 được Quốc hội nước Cộng Hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 16/06/2010; Luật sửa đổi, bổ sung Luật các tổ chức tín dụng số 17/2017/QH14 ngày 20/11/2017 và các văn bản hướng dẫn thi hành
- Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính Phủ hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty Đại chúng;
- Căn cứ Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn liên quan.

Từ ngày 01/01/2021, một số văn bản pháp luật mới liên quan đến hoạt động của Công ty có hiệu lực thi hành, bao gồm: Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Nghị định 155/2020/NĐ-CP, Thông tư 96/2020/TT-BTC, Thông tư 116/2020/TT-BTC. Các văn bản pháp luật này có nhiều thay đổi, tác động đến hoạt động quản lý, điều hành của doanh nghiệp nói chung và công ty đại chúng nói riêng. Theo đó, một số văn bản pháp lý quan trọng của Công ty cần được cập nhật và bổ sung bao gồm:

- Điều lệ hiện hành của Công ty tài chính cổ phần Điện lực được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 thông qua ngày 10/06/2020.
- Quy chế quản trị nội bộ của Công ty tài chính cổ phần Điện lực được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 thông qua ngày 26/04/2018.



- Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty tài chính cổ phần Điện lực được HĐQT ban hành theo Quyết định số 20A/QĐ-HĐQT-TCĐL ngày 26/06/2018.

Do vậy, việc sửa đổi Điều lệ Công ty, Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế Quản trị nội bộ Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực là cần thiết để kịp thời cập nhật, sửa đổi các điểm mới của văn bản quy phạm pháp luật.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt các nội dung sửa đổi, bổ sung sau và ủy quyền cho HĐQT thực hiện các thủ tục sửa đổi theo nội dung đã được phê duyệt sau khi nhận được sự phê duyệt của các cơ quan chức năng liên quan.

1. Dự thảo Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty tài chính cổ phần Điện lực;
2. Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị;
3. Quy chế Quản trị nội bộ Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực

(Chi tiết giải trình của từng điều khoản, từng mục được nêu tại Bảng giải trình kèm theo tờ trình này: - Phụ lục 01: Bảng giải trình sửa đổi bổ sung Điều lệ

- Phụ lục 02: Bảng giải trình sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT
- Phụ lục 03: Bảng giải trình sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị nội bộ).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Hội đồng quản trị;
- Ban kiểm soát;
- Tổng giám đốc;
- Lưu VP HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Chủ tịch

Hoàng Văn Ninh

63
G
CH
P
IÊN
NH

Điều khoản cụ thể như sau:

STT	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH EVNFINANCE	ĐIỀU LỆ SAU KHI SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ PHÁP LÝ/LÝ DO SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ
1	Điều 1. Định nghĩa		
1.1	<p>Điểm c khoản 1 Điều 1:</p> <p>Luật Doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 do Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014.</p>	<p>Điểm c khoản 1 Điều 1:</p> <p>Luật Doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020.</p>	<p>Sửa đổi do Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 đã thay thế cho Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 kể từ ngày 01/01/2021.</p>
1.2	<p>Điểm p Khoản 1 Điều 1</p> <p><u>Sổ đăng ký cổ đông là một tài liệu bằng văn bản, tệp dữ liệu điện tử hoặc cả hai. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu theo quy định của Luật doanh nghiệp.</u></p>	<p>Điểm p Khoản 1 Điều 1</p> <p>Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản giấy, tệp dữ liệu điện tử ghi nhận thông tin về sở hữu cổ phần của các cổ đông EVN Finance. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ</p>	<p>Sửa đổi định nghĩa sổ đăng ký cổ đông theo quy định tại Khoản 1 Điều 122 Luật Doanh nghiệp 2020.</p>

		yếu theo quy định của Luật doanh nghiệp.	
	Điểm x Khoản 1 Điều 1	Điểm x Khoản 1 Điều 1	
1.3	<p>“Đơn vị sự nghiệp” của EVN Finance là đơn vị phụ thuộc của EVN Finance, có <u>con dấu</u>, thực hiện một hoặc một số hoạt động hỗ trợ hoạt động kinh doanh của EVN Finance, bao gồm:</p>	<p>“Đơn vị sự nghiệp” của EVN Finance là đơn vị phụ thuộc của EVN Finance, có <u>dấu</u>, thực hiện một hoặc một số hoạt động hỗ trợ hoạt động kinh doanh của EVN Finance, bao gồm:</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Luật Doanh nghiệp 2020. Không sử dụng thuật ngữ “con dấu”, mà sử dụng thuật ngữ “dấu”.</p>
	Điểm u Khoản 1 Điều 1	“Người có liên quan” được định nghĩa theo khoản 28 Điều 4 Luật các tổ chức tín dụng cho các vấn đề về tổ chức, hoạt động của EVN Finance mà được quy định bởi pháp luật về các tổ chức tín dụng. Đối với việc công bố thông tin và các vấn đề khác mà pháp luật về các tổ chức tín dụng không quy định, người có liên quan được xác định tương ứng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán.	Người có liên quan hiện đang được quy định tại nhiều văn bản pháp luật khác nhau. Do vậy sửa đổi định nghĩa cho thống nhất và phù hợp với cách áp dụng và quy định của Luật các Tổ chức tín dụng, Luật Doanh Nghiệp và Luật Chứng khoán
1.4	<p>“Người có liên quan” của một tổ chức, cá nhân là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với tổ chức, cá nhân đó.</p> <p>* Người có liên quan của một tổ chức (bao gồm cả tổ chức tín dụng) gồm các trường hợp sau đây:</p> <p>i. Công ty mẹ hoặc tổ chức tín dụng là công ty mẹ (sau đây gọi là tổ chức tín dụng mẹ) của tổ chức đó;</p> <p>ii. Công ty con của tổ chức đó;</p>		

	<p>iii. Công ty có cùng công ty mẹ hoặc cùng tổ chức tin dụng mẹ của tổ chức đó;</p> <p>iv. Người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của công ty mẹ hoặc của tổ chức tin dụng mẹ của tổ chức đó;</p> <p>v. Cả nhân hoặc tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của công ty mẹ hoặc tổ chức tin dụng mẹ của tổ chức đó;</p> <p>vi. Người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức đó;</p> <p>vii. Công ty, tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức đó;</p> <p>viii. Vợ, chồng, cha, mẹ, con (bao gồm cả cha nuôi, mẹ nuôi, con nuôi, bố chồng (bố vợ), mẹ chồng (mẹ vợ), con dâu (con rể), bố dượng, mẹ kế, con riêng của vợ hoặc chồng), anh ruột, chị ruột, em ruột (bao</p>		
--	--	--	--

<p>gồm cả anh, chị, em cùng mẹ khác cha hoặc cùng cha khác mẹ), anh rể, chị dâu, em dâu, em rể của người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát, thành viên góp vốn hoặc cổ đông sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của tổ chức đó;</p> <p>ix. Tổ chức, cá nhân sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên tại tổ chức đó;</p> <p>x. Cá nhân được ủy quyền đại diện phần vốn góp, cổ phần cho tổ chức đó.</p> <p>* Người có liên quan của một cá nhân gồm các trường hợp sau đây:</p> <p>i. Vợ, chồng, cha, mẹ, con (bao gồm cả cha nuôi, mẹ nuôi, con nuôi, bố chồng (bố vợ), mẹ chồng (mẹ vợ), con dâu (con rể); bố dượng, mẹ kế, con riêng của vợ hoặc chồng), anh ruột, chị ruột, em ruột (bao</p>		
---	--	--

<p>gồm cả anh, chị, em cùng mẹ khác cha hoặc cùng cha khác mẹ), anh rể, chị dâu, em dâu, em rể của cả nhân đó;</p> <p>ii. Công ty hoặc tổ chức tín dụng mà cả nhân đó sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên;</p> <p>iii. Công ty con mà cả nhân đó là người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của công ty mẹ hoặc tổ chức tín dụng mẹ;</p> <p>iv. Công ty con mà cả nhân đó có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của công ty mẹ hoặc tổ chức tín dụng mẹ;</p> <p>v. Công ty hoặc tổ chức tín dụng mà cả nhân đó là người quản lý, thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>vi. Công ty hoặc tổ chức tín dụng mà cả nhân đó là vợ, chồng, cha, mẹ, con (bao gồm cả cha nuôi, mẹ nuôi, con nuôi, bố</p>		
---	--	--

	<p>chồng (bố vợ), mẹ chồng (mẹ vợ), con dâu (con rể), bố dượng, mẹ kế, con riêng của vợ hoặc chồng), anh ruột, chị ruột, em ruột (bao gồm cả anh, chị, em cùng mẹ khác cha hoặc cùng cha khác mẹ), anh rể, chị dâu, em dâu, em rể của người quản lý, thành viên Ban kiểm soát, thành viên góp vốn hoặc cổ đông sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của công ty hoặc tổ chức tín dụng đó;</p> <p>vii. Tổ chức, cá nhân ủy quyền đại diện phần vốn góp, cổ phần cho cá nhân đó;</p> <p>viii. Cá nhân cùng với cá nhân đó được một tổ chức ủy quyền đại diện phần vốn góp, cổ phần tại một tổ chức khác;</p> <p>ix. Cá nhân được cá nhân đó ủy quyền đại diện phần vốn góp, cổ phần.</p> <p>* Pháp nhân, cá nhân khác có mối quan hệ</p>		
--	---	--	--

	tiềm ẩn rủi ro cho hoạt động của EVN Finance được xác định theo quy định nội bộ của EVN Finance hoặc theo yêu cầu bằng văn bản của Ngân hàng Nhà nước thông qua hoạt động thanh tra, giám sát đối với từng trường hợp cụ thể và các trường hợp người có liên quan khác theo quy định của Ngân Hàng Nhà Nước.		
1.5	Bổ sung điểm y Khoản 1 Điều 1	Bổ sung điểm y Khoản 1 Điều 1 Người có quan hệ gia đình bao gồm: vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng	Bổ sung theo quy định tại khoản 22 Điều 4 Luật Doanh nghiệp
2	Điều 2. Tên, địa chỉ và thời gian hoạt động của EVN Finance		
2.1	Khoản 4 Điều 2	Khoản 4 Điều 2	Điều chỉnh, bổ sung theo quy định

	EVN Finance có <u>con dấu riêng</u> . Hội đồng quản trị quyết định số lượng, hình thức, nội dung và mẫu con dấu, việc quản lý và sử dụng con dấu.	EVN Finance có <u>dấu riêng</u> . Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử. Hội đồng quản trị quyết định số lượng, hình thức, nội dung và mẫu dấu, việc quản lý và sử dụng dấu .	tại Khoản 1 Điều 43 Luật Doanh nghiệp 2020.
2.2	Khoản 6 Điều 2 EVN Finance có thể thành lập công ty con theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện theo nghị quyết của Hội đồng quản trị, sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận, để hỗ trợ các mục tiêu hoạt động của EVN Finance.	Khoản 6 Điều 2 EVN Finance có thể thành lập công ty con theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện và đơn vị sự nghiệp theo nghị quyết của Hội đồng quản trị, sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận, để hỗ trợ các mục tiêu hoạt động của EVN Finance.	Bổ sung quy định về việc thành lập đơn vị sự nghiệp nhằm phù hợp với quy định tại Điều 17 Điều lệ này về việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp.
3	Điều 12. Cổ phần, cổ đông		
3.1	Khoản 5 Điều 12 Trường hợp góp vốn bằng giá trị quyền sử dụng đất và các tài sản khác không phải là	Khoản 5 Điều 12. Trường hợp góp vốn bằng giá trị quyền sử dụng đất và các tài sản khác không phải là	Sửa đổi dẫn chiếu căn cứ pháp lý từ Điều 36, Điều 37 Luật Doanh nghiệp sang Điều 35, Điều 36 Luật

	<p>Đồng Việt Nam, vàng thì phải là những tài sản cần thiết phục vụ trực tiếp cho hoạt động của EVN Finance và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Việc định giá và chuyển quyền sở hữu tài sản góp vốn được thực hiện theo quy định tại <u>Điều 36, Điều 37 Luật</u> Doanh nghiệp và các quy định của pháp luật có liên quan.</p>	<p>Đồng Việt Nam, vàng thì phải là những tài sản cần thiết phục vụ trực tiếp cho hoạt động của EVN Finance và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Việc định giá và chuyển quyền sở hữu tài sản góp vốn được thực hiện theo quy định tại <u>Điều 35, Điều 36 Luật</u> Doanh nghiệp và các quy định của pháp luật có liên quan.</p>	<p>Doanh nghiệp do các quy định về định giá và chuyển quyền sở hữu tài sản góp vốn được quy định tại Điều 35, Điều 36 Luật Doanh nghiệp 2020, thay vì được quy định tại Điều 36, 37 như tại Luật Doanh nghiệp năm 2014.</p>
4	Điều 14. Cổ phiếu của EVN Finance		
	<p>Điểm d Khoản 1 Điều 14</p> <p>Họ, tên, địa chỉ <u>thường trú</u>, quốc tịch, <u>Thẻ căn cước công dân</u>, <u>Giấy chứng minh nhân dân</u>, <u>Hộ chiếu</u> hoặc <u>chứng thực cá nhân hợp pháp</u> khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc <u>số quyết định thành lập</u>, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức</p>	<p>Điểm d Khoản 1 Điều 14</p> <p>Họ, tên, địa chỉ <u>liên lạc</u>, quốc tịch, <u>số giấy tờ pháp lý của cá nhân</u> đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc <u>số giấy tờ pháp lý của tổ chức</u>, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 121 Luật Doanh nghiệp 2020.</p>
4.1			
4.2	<p>Điểm e Khoản 1 Điều 14:</p> <p>Tóm tắt về thủ tục chuyển nhượng cổ phần</p>	Bỏ nội dung này	<p>Nội dung này được quy định tại điểm đ Khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp 2014, tuy nhiên Luật</p>

			Doanh nghiệp 2020 đã bỏ nội dung này.
5	Điều 15. Chào bán, chuyển nhượng và mua lại cổ phần		
	Khoản 3 Điều 15 Việc chuyển nhượng cổ phần niêm yết của EVN Finance được thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.	Khoản 3 Điều 15 Việc chào bán , chuyển nhượng cổ phần niêm yết của EVN Finance được thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.	Bổ sung nội dung chào bán cổ phần
5.1			
6	Điều 17. Thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp		
6.1	EVN Finance được phép mở các chi nhánh, các văn phòng đại diện, các đơn vị sự nghiệp, các công ty con trực thuộc khi có nhu cầu theo quy định của Ngân hàng Nhà nước	EVN Finance được phép mở các chi nhánh, các văn phòng đại diện, các đơn vị sự nghiệp, các công ty con trực thuộc, Văn phòng mở rộng hoạt động của Hội sở hoặc Chi nhánh khi có nhu cầu theo quy định của Ngân hàng Nhà nước	



7	Điều 18. Bộ máy tham mưu giúp việc Tổng Giám đốc		
7.1	Khoản 4 Điều 18 Các phòng ban;	Khoản 4 Điều 18 Các Khối , phòng, ban	Bổ sung các Khối theo mô hình tổ chức mới của Công ty.
8	Điều 19. Số đăng ký cổ đông		
8.1	Khoản 1 Điều 19. EVN Finance phải lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. <u>Số đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này.</u>	Khoản 1 Điều 19 EVN Finance phải lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Số đăng ký cổ đông có thể là văn bản giấy, tập dữ liệu điện tử ghi nhận thông tin về sở hữu cổ phần của các cổ đông của EVN Finance.	Sửa đổi theo quy định mới về Sổ đăng ký cổ đông tại Khoản 1 Điều 122 Luật Doanh nghiệp 2020

8.2	<p>Khoản 3 Điều 19</p> <p>Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của EVN Finance hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép <u>nội dung sổ đăng ký cổ đông</u> trong giờ làm việc của EVN Finance hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán</p>	<p>Khoản 3 Điều 19</p> <p>Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của EVN Finance hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông trong sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc của EVN Finance hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán</p>	
8.3	<p>Khoản 4 Điều 19</p> <p>Trường hợp cổ đông có thay đổi <u>địa chỉ thường trú</u> thì phải thông báo kịp thời với EVN Finance để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. EVN Finance không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ của cổ đông.</p>	<p>Khoản 4 Điều 19</p> <p>Trường hợp cổ đông có các thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo kịp thời với EVN Finance để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. EVN Finance không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ của cổ đông.</p>	<p>Điều chỉnh theo Khoản 4 Điều 122 Luật Doanh nghiệp 2020.</p>
8.4	<p>Không có</p>	<p>Khoản 5 Điều 19</p> <p>EVN Finance có trách nhiệm cập nhật kịp thời</p>	<p>Bổ sung theo quy định tại Khoản 5 Điều 122 Luật Doanh nghiệp 2020</p>

		thay đổi cổ đông trong sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu của cổ đông có liên quan theo quy định tại Điều lệ này.	về Sổ đăng ký cổ đông
9	Điều 20. Quyền hạn của cổ đông		
	Điểm a Khoản 2 Điều 20 Tham dự và phát biểu ý kiến trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền; Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết.	Điểm a Khoản 2 Điều 20 Tham dự và phát biểu ý kiến trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ này quy định ; Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết.	Sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 115 Luật Doanh nghiệp 2020.
9.1			
	Điểm h Khoản 2 Điều 20 Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ của EVN Finance, <u>sổ</u> biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	Điểm h Khoản 2 Điều 20 Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ của EVN Finance, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	Bỏ từ "sổ"
9.2			
9.3	Điểm j Khoản 2 Điều 20 Cổ đông sở hữu hoặc đại diện sở hữu từ 10%	Điểm j Khoản 2 Điều 20 Cổ đông sở hữu hoặc đại diện sở hữu từ 10%	Bỏ nội dung nắm giữ cổ phần trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng

	(mười phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông <u>trở lên trong thời gian liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng</u> được quyền ứng cử vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Danh sách ứng cử viên phải được gửi tới Hội đồng Quản trị theo thời hạn do Hội đồng Quản trị quy định.	(mười phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông <u>trở lên</u> được quyền ứng cử vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Danh sách ứng cử viên phải được gửi tới Hội đồng Quản trị theo thời hạn do Hội đồng Quản trị quy định.	theo quy định tại Điều 115 Luật Doanh nghiệp 2020.
9.4	Điểm k Khoản 2 Điều 20 Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ của EVN Finance	Điểm k Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau.	Bổ sung quyền hạn của cổ đông phổ thông theo các quy định tại điểm a, Khoản 1 Điều 41 Luật Chứng khoán 2019.
9.5	Điểm l, m, Khoản 2 Điều 20 Không có	Điểm l, m, Khoản 2 Điều 20 l) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do EVN Finance công bố theo quy định của pháp luật; m) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp.	Bổ sung quyền hạn của cổ đông phổ thông theo các quy định tại điểm b, c Khoản 1 Điều 41 Luật Chứng khoán 2019.

9.6	Điểm n Khoản 2 Điều 20 Không có	Điểm n Khoản 2 Điều 20 Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.	Sửa đổi bổ sung theo điểm d Khoản 1 Điều 41 Luật Chứng khoán 2019.
9.7	Khoản 3 Điều 20 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ <u>10%</u> (<u>mười phần trăm</u>) tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng theo quy định của Điều lệ của EVN Finance có thêm các quyền sau: a. Đề cử người vào Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát b. Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát; c. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của EVN Finance khi xét thấy	Khoản 3 Điều 20. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên theo quy định của Điều lệ của EVN Finance có thêm các quyền sau: a. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp. b. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh	Sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 115 Luật Doanh nghiệp 2020

	<p>cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của EVN Finance; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra</p> <p>d. Các quyền khác theo quy định của pháp luật.</p>	
	<p>doanh của EVN Finance.</p> <p>c. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của EVN Finance khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của EVN Finance; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;</p> <p>d. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều lệ này.</p> <p>e. Quyền khác theo quy định của pháp luật</p>	

	và Điều lệ này.	
<p>Khoản 4 Điều 20</p> <p>Ngoài các quyền hạn quy định tại khoản 3 Điều này, Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng theo quy định của Điều lệ của EVN Finance có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường.</p>	<p>Khoản 4 Điều 20</p> <p>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:</p> <p>a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ</p>	<p>Bổ sung theo quy định tại Khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp năm 2020</p>

		được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông hoặc nhóm cổ đông tại điểm f khoản 7 Điều 43 và điểm f khoản 4 Điều 55 Điều lệ này khác đề cử.	
	Khoản 5 Điều 20 Không có	Khoản 5 Điều 20 Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần phổ thông có quyền tự mình hoặc nhân danh EVN Finance khởi kiện trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm liên đới đối với các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc để yêu cầu hoàn trả lợi ích hoặc bồi thường thiệt hại cho EVN Finance hoặc người khác trong các trường hợp theo quy định tại Khoản 1 Điều 166 Luật Doanh nghiệp	Bổ sung theo quy định tại Khoản 1 Điều 166 Luật Doanh nghiệp 2020
9.9			
10	Điều 21. Nghĩa vụ của cổ đông phổ thông		
10.1	Điểm g Khoản 1 Điều 21 g. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp	Điểm g Khoản 1 Điều 21 g. Bảo mật các thông tin được EVN Finance	Bổ sung nội dung trên theo quy định tại Khoản 5 Điều 119 Luật

	Luật	cung cấp theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được EVN Finance cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác	Doanh nghiệp 2020. Nội dung này trước đây chưa được quy định tại Luật Doanh nghiệp 2014.
10.2	Điểm h Khoản 1 Điều 21 Không có	Điểm h Khoản 1 Điều 21 h. Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây ảnh hưởng đến các quyền, lợi ích của EVN Finance, của các cổ đông khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này; có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật	Sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm d Khoản 1 Điều 41 Luật Chứng khoán 2019.
10.3	Điểm i Khoản 1 Điều 21 Không có	Điểm i Khoản 1 Điều 21 Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.	Sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 6 Điều 119 Luật Doanh nghiệp 2020.
11	Điều 22. Đại hội đồng cổ đông thường niên		

	Khoản 2 Điều 22	Khoản 2 Điều 22
Đại hội đồng cổ đông thường niên được Hội đồng Quản trị triệu tập và tổ chức tại Việt Nam; Địa điểm cụ thể do Hội đồng Quản trị quyết định căn cứ vào tình hình thực tế. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được luật pháp và Điều lệ này quy định. <u>Các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên để tư vấn việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm</u>	Đại hội đồng cổ đông thường niên được Hội đồng Quản trị triệu tập, được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam ; Địa điểm cụ thể do Hội đồng Quản trị quyết định căn cứ vào tình hình thực tế. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được luật pháp và Điều lệ này quy định. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của EVN Finance có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, EVN Finance phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của EVN Finance dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng	Sửa đổi, bổ sung theo Khoản 1 Điều 139 Luật Doanh nghiệp 2020; điểm c Khoản 2 Điều 41 Luật Chứng khoán 2019 và Khoản 4 Điều 273 Nghị định 155/2020/NĐ-CP hướng dẫn Luật Chứng Khoán.
11.1		

		cổ đông thường niên của EVN Finance.	
12	Điều 23. Đại hội đồng cổ đông bất thường		
	Khoản 1 Điều 23	Khoản 1 Điều 23	Sửa đổi theo khoản 1 Điều 140 Luật Doanh nghiệp
12.1	Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp. Hội đồng Quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường <u>hoặc lấy ý kiến bằng văn bản</u> trong các trường hợp sau:	Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp. Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong trường hợp sau:	
12.2	Điểm c Khoản 1 Điều 23	Điểm c Khoản 1 Điều 23	Bổ sung cho phù hợp với quy định tại điểm c Khoản 1 Điều 140 Luật Doanh nghiệp 2020
	Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu <u>trên 10 (mười phần trăm)</u> tổng số cổ phần phổ thông của EVN Finance trong thời gian liên tục ít nhất <u>06 (sáu) tháng</u> theo quy định tại Điều lệ của EVN Finance yêu	Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu <u>từ 05% (năm phần trăm)</u> tổng số cổ phần phổ thông của EVN Finance yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do	

	cầu triệu tập đại hội bằng một văn bản kiến nghị nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp (văn bản kiến nghị cần có chữ ký của các cổ đông có liên quan)	và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan	
13	Điều 24. Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông		
13.1	Điểm q Khoản 1 Điều 24 Phê chuẩn quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;	Điểm q Khoản 1 Điều 24 Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ ; quy chế về tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;	Sửa đổi bổ sung theo quy định tại điểm 1 Khoản 2 Điều 138 Luật Doanh nghiệp 2020
13.2	Điểm s Khoản 1 Điều 24 Các quyền và nhiệm vụ khác do Đại hội đồng cổ đông quyết định.	Điểm s Khoản 1 Điều 24 Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của EVN Finance; quyết định hoặc ủy quyền quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của EVN Finance, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết.	Bổ sung cho phù hợp với quy định tại điểm m Khoản 2 Điều 138 Luật Doanh nghiệp 2020

13.3	Điều t Khoản 1 Điều 24 Không có	Điều t Khoản 1 Điều 24 Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định pháp luật và Điều lệ này.	Sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm n Khoản 2 Điều 138 Luật Doanh nghiệp 2020.
14	Điều 25. Quyền dự họp của Đại hội đồng cổ đông		
14.1	Khoản 1 Điều 25 Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của EVN Finance. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập <u>không sớm hơn 20 (hai mươi) ngày</u> trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông.	Khoản 1 Điều 25 Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của EVN Finance. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 (mười) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông. EVN Finance phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tới thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.	<ul style="list-style-type: none"> - Sửa đổi bổ sung theo quy định tại Khoản 1 Điều 141 Luật Doanh nghiệp 2020. - Sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 1 Điều 273 Nghị định số 155/2020 hướng dẫn Luật Chứng khoán
15	Điều 26. Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông		

	Khoản 1 Điều 26	Khoản 1 Điều 26	Sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp 2020.
15.1	<p>Cổ đông có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền bằng văn bản cho một người khác dự họp hoặc thông qua một trong các hình thức quy định tại Khoản 3 Điều này. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông không được ủy quyền tiếp cho một người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông và không được tham gia ứng cử với tư cách cá nhân mình.</p> <p><u>Trường hợp cổ đông là tổ chức có sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông có quyền ủy quyền tối đa ba người tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.</u></p>	<p>Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại Khoản 3 Điều này. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông không được ủy quyền tiếp cho một người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông và không được tham gia ứng cử với tư cách cá nhân mình.</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp 2014.</p>
15.2	<p>Khoản 2 Điều 26</p> <p>Việc ủy quyền cho một người khác được họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản. Hội đồng Quản trị có trách nhiệm quy định cụ thể nội dung cần thiết trong văn bản ủy quyền, nhưng phải có các yếu tố sau:</p>	<p>Khoản 2 Điều 26</p> <p>Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 2 Điều 144 Luật Doanh nghiệp 2020.</p>

<p>a. Trường hợp cổ đông là cá nhân thì văn bản ủy quyền phải ghi rõ: Họ tên người ủy quyền, địa chỉ thường trú, số Giấy chứng minh nhân dân, số Thẻ căn cước công dân, số Hộ chiếu, số cổ phần và loại cổ phần đang sở hữu, nội dung và mục đích ủy quyền; họ tên người được ủy quyền, địa chỉ thường trú và số Giấy chứng minh thư nhân dân, số Thẻ căn cước công dân, số Hộ chiếu của người được ủy quyền; người ủy quyền và người được ủy quyền phải ký tên và ghi rõ họ tên của mình. <u>Văn bản ủy quyền phải theo quy định của EVN Finance.</u></p>	<p>lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp (Văn bản ủy quyền theo mẫu của EVN Finance)</p>	
<p>b. Trường hợp cổ đông là pháp nhân thì văn bản ủy quyền phải ghi rõ: Tên pháp nhân, địa chỉ pháp nhân, họ tên và số Giấy chứng minh nhân dân, số Thẻ căn cước công dân, số Hộ chiếu của người ủy quyền (người đại diện số vốn góp cổ phần của pháp nhân), số cổ phần và loại cổ phần đang sở hữu, nội dung và mục đích ủy quyền; họ tên người</p>		

	<p>được ủy quyền, địa chỉ thường trú và số Giấy chứng minh nhân dân, số Thẻ căn cước công dân, số Hộ chiếu của người được ủy quyền; Người ủy quyền phải ký tên và ghi rõ họ tên của mình và đóng dấu của pháp nhân. Trường hợp chữ ký của người ủy quyền chưa có thẩm quyền được đóng dấu pháp nhân thì phải được đại diện có đủ thẩm quyền của pháp nhân ký tên, đóng dấu để xác nhận đó là chữ ký của người ủy quyền. Người được ủy quyền phải ký tên và ghi rõ họ tên vào văn bản ủy quyền.</p>		
16	Điều 27. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông		
	Khoản 2 Điều 27	Khoản 2 Điều 27	Sửa đổi cho phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 143 Luật Doanh nghiệp 2020, theo đó Luật Doanh nghiệp 2020 sửa đổi thời gian gửi thông báo mời họp đến các cổ đông chậm nhất 21 (hai mươi mốt) ngày trước ngày khai mạc (riêng thông tin liên quan đến các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên
16.1	<p>Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 20 (hai mươi) ngày trước ngày khai mạc. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa</p>	<p>Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 (hai mươi mốt) ngày trước ngày khai mạc (riêng thông tin liên quan đến các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên</p>	<p>Sửa đổi cho phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 143 Luật Doanh nghiệp 2020, theo đó Luật Doanh nghiệp 2020 sửa đổi thời gian gửi thông báo mời họp đến các cổ đông chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc thay vì thời hạn 20</p>

	<p>chỉ thường trú của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp. Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông; đồng thời đăng tải trên trang thông tin điện tử (website) của EVN Finance.</p>	<p>Ban Kiểm soát tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông). Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp. Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông; đồng thời đăng tải trên trang thông tin điện tử (website) của EVN Finance và thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật chứng khoán.</p>	<p>ngày như tại Luật Doanh nghiệp 2014.</p> <p>Sửa đổi theo Điều 274, Điều 285 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP</p>
<p>16.2</p>	<p>Khoản 4 Điều 27</p> <p>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ <u>10%</u> tổng số cổ phần phổ thông <u>trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng</u> có quyền kiến nghị các vấn đề cần đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến EVN Finance chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc.</p>	<p>Khoản 4 Điều 27</p> <p>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông có quyền kiến nghị các vấn đề cần đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến EVN Finance chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 2 Điều 142 Luật Doanh nghiệp 2020.</p>

	Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.	từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.	
16.3	Khoản 6 Điều 27 Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại <u>Điều 139</u> của Luật Doanh nghiệp.	Khoản 6 Điều 27 Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 142 của Luật Doanh nghiệp.	Sửa đổi, bổ sung chỉ dẫn pháp lý từ Điều 139 Luật Doanh nghiệp 2014 thành Điều 142 Luật Doanh nghiệp 2020.
17	Điều 28. Các điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông		
17.1	Khoản 1 Điều 28 Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất <u>51%</u> (năm mươi một phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết	Khoản 1 Điều 28 Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết	Sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 1 Điều 145 Luật Doanh nghiệp 2020.
18	Điều 29. Thẻ thực tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông		



	<p>Điểm a khoản 1 Điều 29</p> <p>Việc bầu Chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:</p> <p>a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập; Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trường Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;</p>	<p>Điểm a khoản 1 Điều 29</p> <p>Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:</p> <p>a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định tại điểm a khoản 2 Điều 146 Luật Doanh nghiệp 2020</p>
18.1			
18.2	<p>Khoản 5 Điều 29</p> <p>Không có</p>	<p>Khoản 5 Điều 29</p> <p>Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai</p>	<p>Bổ sung theo Khoản 3 Điều 146 Luật Doanh nghiệp 2020</p>

		mặc. Chương trình phải xác định thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình hợp.	
18.3	Khoản 6 Điều 29 Không có	Khoản 6 Điều 29 Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp	Bổ sung theo Khoản 4 Điều 146 Luật Doanh nghiệp 2020
18.4	Khoản 7 Điều 29 Không có	Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp	Bổ sung theo Khoản 5 Điều 146 Luật Doanh nghiệp 2020
18.5	Khoản 8 Điều 29 Không có	Khoản 8 Điều 29 Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:	Bổ sung theo Khoản 7 Điều 146 Luật Doanh nghiệp 2020

		<p>a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;</p> <p>b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp</p> <p>Đại hội đồng cổ đông;</p>	
18.6	Khoản 9 Điều 29 Không có	<p>Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tới đa không quá 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;</p> <p>b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia,</p>	<p>Bổ sung theo Khoản 8 Điều 146 Luật Doanh nghiệp 2020</p>

		thảo luận và biểu quyết; c) Có người dự họp can trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp;	
18.7	Khoản 10 Điều 29 Không có	Khoản 10 Điều 29 Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 9 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành	Bổ sung theo Khoản 9 Điều 146 Luật Doanh nghiệp 2020
18.8	Khoản 11 Điều 29 Không có	Khoản 11 Điều 29 Trường hợp EVN Finance áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, EVN Finance có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại	Bổ sung theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp 2020

		Điều 26 Điều lệ này và quy định pháp luật.	
19	Điều 31. Điều kiện để nghị quyết được thông qua		
	Khoản 2 Điều 31 Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện <u>cho ít nhất 51%</u> tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này;	Khoản 2 Điều 31 Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện <u>trên 51%</u> tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này;	Sửa đổi theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 59 Luật Các tổ chức tín dụng.
19.1			
	Khoản 4 Điều 31 Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện <u>ít nhất 51%</u> tổng số phiếu biểu quyết tán thành trừ các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này thì phải được số cổ đông đại diện trên 65% tổng số phiếu	Khoản 4 Điều 31 Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện <u>trên 51%</u> tổng số phiếu biểu quyết tán thành trừ các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này thì phải được số cổ đông đại diện trên 65% tổng số phiếu	Sửa đổi thống nhất với quy định tại khoản 2 Điều 31 Điều lệ

	biểu quyết tán thành	quyết tán thành	
	Khoản 5 Điều 31 Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua bằng phương thức đăng tải lên trang thông tin điện tử (website) của EVN Finance.	Khoản 5 Điều 31 Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua bằng phương thức đăng tải lên trang thông tin điện tử (website) của EVN Finance và được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.	Bổ sung quy định chung về việc công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán nhằm đảm bảo tuân thủ quy định của Luật Chứng khoán 2019
19.2			
20	Điều 32. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông		
	Khoản 2 Điều 32 Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu	Khoản 2 Điều 32 Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết	Thay đổi dẫn chiếu pháp lý từ Điều 137, 139 Luật Doanh nghiệp 2014 thành Điều 141, 143 Luật Doanh nghiệp 2020.
20.1			

	quyết chậm nhất 10 (mười) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 <u>Điều 137</u> của Luật Doanh nghiệp. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại <u>Điều 139</u> của Luật Doanh nghiệp	chậm nhất 10 (mười) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 141 của Luật Doanh nghiệp. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 143 của Luật Doanh nghiệp	
20.2	Điểm g Khoản 3 Điều 32 Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của <u>EVN Finance</u>	Điểm g Khoản 3 Điều 32 Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.	Sửa đổi theo quy định tại điểm g Khoản 3 Điều 149 Luật Doanh nghiệp 2020
20.3	Điểm f Khoản 5 Điều 32 Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của <u>EVN Finance</u> , người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.	Điểm f Khoản 5 Điều 32 Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.	Sửa đổi theo quy định tại điểm e Khoản 5 Điều 149 Luật Doanh nghiệp 2020

21	Điều 33. Biên bản họp đại hội đồng cổ đông		
21.1	<p>Điểm i Khoản 1 Điều 33</p> <p>i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký</p>	<p>Điểm i Khoản 1 Điều 33</p> <p>i. Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với yêu cầu tại Khoản 1 Điều 150 Luật Doanh nghiệp 2020.</p>
21.2	<p>Khoản 4 Điều 33</p> <p>Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.</p>	<p>Khoản 4 Điều 33</p> <p>Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.</p>	<p>Bổ sung nội dung “<i>người khác ký tên trong biên bản họp</i>” theo yêu cầu tại Khoản 3 Điều 150 Luật Doanh nghiệp 2020.</p>
21.3	Khoản 6 Điều 33	Khoản 6 Điều 33	Bổ sung quy định chung về việc

	Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của EVN Finance	Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của EVN Finance.	công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán nhằm đảm bảo tuân thủ quy định của Luật Chứng khoán 2019.
22	Điều 34. Yêu cầu hủy bỏ các quyết định của Đại hội đồng cổ đông		
22.1	<p>Khoản 1 Điều 34</p> <p>Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ <u>10%</u> (mười phần trăm) <u>tổng số cổ phần phổ thông</u> <u>trở lên</u> trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của</p>	<p>Khoản 1 Điều 34</p> <p>Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 05% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>- Sửa đổi, bổ sung theo nội dung cập nhật tại Điều 151 Luật Doanh nghiệp 2020.</p> <p>- Sửa đổi dẫn chiếu pháp lý từ Điều 148 Luật Doanh nghiệp năm 2014 thành Điều 152 Luật Doanh nghiệp 2020.</p>

	Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây: 1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 <u>Điều 148</u> của Luật Doanh nghiệp.	trong các trường hợp sau đây: 1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 152 của Luật Doanh nghiệp;	
23	Điều 36. Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ		
	Điểm b Khoản 1 Điều 36 Người thuộc đối tượng không được tham gia quản lý, điều hành theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức và pháp luật và phòng, chống tham nhũng;	Điểm b Khoản 1 Điều 36 Người thuộc đối tượng không được tham gia quản lý, điều hành theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, pháp luật doanh nghiệp và pháp luật về phòng, chống tham nhũng;	Sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 17 Luật DN 2020
24	Điều 39. Miễn nhiệm, bãi nhiệm		

24.1	<p>Điểm e, Khoản 1</p> <p>e. Không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại <u>Điều 50 của Luật các tổ chức tín dụng</u>;</p>	<p>Điểm e, Khoản 1</p> <p>e. Không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật;</p>	<p>Sửa đổi cho phù hợp với theo các trường hợp quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật.</p>
25	<p>Điều 43. Hội đồng Quản trị</p>		
25.1	<p>Khoản 2 Điều 43</p> <p>Hội đồng Quản trị phải có không ít hơn 05 (năm) thành viên và không quá 11 (mười một) thành viên, trong đó có ít nhất một thành viên độc lập. Hội đồng Quản trị phải có ít nhất một phần hai tổng số thành viên là thành viên độc lập và thành viên không phải là người điều hành của EVN Finance. Nhiệm kỳ của Hội đồng Quản trị không quá 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng Quản trị có thể được bầu hoặc bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị</p>	<p>Khoản 2 Điều 43</p> <p>Hội đồng Quản trị phải có không ít hơn 05 (năm) thành viên và không quá 11 (mười một) thành viên, trong đó có ít nhất một thành viên độc lập. Hội đồng Quản trị phải có ít nhất một phần hai tổng số thành viên là thành viên độc lập và thành viên không phải là người điều hành của EVN Finance. Nhiệm kỳ của Hội đồng Quản trị không quá 05 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của EVN Finance không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị</p>	<p>Sửa đổi dẫn chiếu pháp lý từ Điều 148 Luật Doanh nghiệp năm 2014 thành khoản 2 Điều 154 Luật Doanh nghiệp 2020.</p> <p>Bổ sung quy định về nhiệm kỳ của thành viên độc lập Hội đồng quản trị theo quy định tại Khoản 2 Điều 154 Luật Doanh nghiệp 2020.</p> <p>Trước đây Luật Doanh nghiệp 2014 không giới hạn số nhiệm kỳ của thành viên độc lập Hội đồng quản trị.</p> <p>Sửa đổi bổ sung theo khoản 3 Điều 154 Luật Doanh nghiệp</p>

<p>được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị. Hội đồng Quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng Quản trị của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.</p>	<p>theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng Quản trị có thể được bầu hoặc bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị. Hội đồng Quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng Quản trị của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.</p> <p>Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.</p> <p>Số lượng thành viên Hội đồng quản trị độc lập của EVN Finance phải đảm bảo quy định sau: (i) Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp EVN Finance có số thành viên Hội đồng quản trị là 05 thành viên; (ii) Có tối thiểu 02 thành viên độc lập</p>	
--	--	--

		trong trường hợp EVN Finance có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên; (iii) Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp EVN Finance có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.	
25.2	Khoản 4 Điều 43 Hội đồng Quản trị sử dụng <u>con dấu</u> của EVN Finance để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình.	Khoản 4 Điều 43 Hội đồng Quản trị sử dụng <u>dấu</u> của EVN Finance để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình	Sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Luật Doanh nghiệp 2020. Không sử dụng thuật ngữ “con dấu”, mà sử dụng thuật ngữ “dấu”.
25.3	Khoản 7 Điều 43 Nguyên tắc đề cử người vào Hội đồng quản trị được thực hiện như sau: a. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần phổ thông <u>trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng</u> được đề cử tối đa một ứng cử viên; b. Nhóm cổ đông sở hữu từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần phổ thông <u>trong thời</u>	Khoản 7 Điều 43 Nguyên tắc đề cử người vào Hội đồng quản trị được thực hiện như sau: a. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử tối đa một ứng cử viên; b. Nhóm cổ đông sở hữu từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử tối đa hai ứng cử viên;	Sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 115 Luật Doanh nghiệp 2020, theo đó bỏ quy định về việc giữ cổ phần liên tục ít nhất 06 tháng.

<p><u>hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng</u> được đề cử tối đa hai ứng cử viên;</p> <p>c. Nhóm cổ đông sở hữu từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần phổ thông <u>trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng</u> được đề cử tối đa ba ứng cử viên;</p> <p>d. Nhóm cổ đông sở hữu từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần phổ thông <u>trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng</u> được đề cử tối đa bốn ứng cử viên;</p> <p>e. Nhóm cổ đông sở hữu từ trên 50% tổng số cổ phần phổ thông <u>trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng</u> được đề cử tối đa năm ứng cử viên;</p> <p>f. Trường hợp số lượng ứng cử viên được cổ đông, nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử, số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị đương nhiệm hoặc cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu hoặc đại diện sở hữu trên 5% tổng số cổ</p>	<p>c. Nhóm cổ đông sở hữu từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử tối đa ba ứng cử viên;</p> <p>d. Nhóm cổ đông sở hữu từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử tối đa bốn ứng cử viên;</p> <p>e. Nhóm cổ đông sở hữu từ trên 50% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử tối đa năm ứng cử viên;</p> <p>f. Trường hợp số lượng ứng cử viên được cổ đông, nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử, số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị đương nhiệm hoặc cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu hoặc đại diện sở hữu trên 5% tổng số cổ phần phổ thông đề cử.</p>	
---	--	--

	phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng để cử.		
26	Điều 44. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng Quản trị		
	Khoản 2 Điều 44 <p>Khi thực hiện chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ này và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp nghị quyết do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ này gây thiệt hại cho EVN Finance thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết đó và phải đền bù thiệt hại cho EVN Finance; thành viên phản đối thông qua nghị quyết nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông sở hữu cổ phần của EVN Finance liên tục trong thời hạn ít nhất 01 năm có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị đình</p>	Khoản 2 Điều 44 <p>Khi thực hiện chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ này và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp nghị quyết do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ này gây thiệt hại cho EVN Finance thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết đó và phải đền bù thiệt hại cho EVN Finance; thành viên phản đối thông qua nghị quyết nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc</p>	Sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 153 Luật Doanh nghiệp 2020, theo đó bỏ quy định về việc nắm giữ cổ phần của EVNFinance trong thời hạn liên tục ít nhất 01 năm.
26.1			

	chỉ thực hiện nghị quyết nói trên.	hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.	
26.2	<p>Điểm d khoản 3 Điều 44</p> <p>Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Chánh Văn phòng Hội đồng quản trị và người quản lý, người điều hành khác theo quy định nội bộ của Hội đồng quản trị.</p>	<p>Điểm d khoản 3 Điều 44</p> <p>Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng, Chánh Văn phòng Hội đồng quản trị và người quản lý, người điều hành khác theo quy định nội bộ của Hội đồng quản trị.</p>	<p>Bổ sung thêm theo định nghĩa “Người điều hành” quy định tại điểm t khoản 1 Điều 1 Điều lệ</p>
27	Điều 45. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch và thành viên Hội đồng Quản trị		
27.1	<p>Khoản 2 Điều 45</p> <p>Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các</p>	<p>Khoản 2 Điều 45</p> <p>Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 156 Luật Doanh nghiệp 2020.</p>

	thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.	tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số	
28	Điều 46. Tiêu chuẩn của thành viên Hội đồng Quản trị		
28.1	<p>Điểm c khoản 2 Điều 46. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị độc lập</p> <p>Không phải là người có vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em và vợ, chồng của những người này là cổ đông lớn của EVN Finance, người quản lý hoặc thành viên Ban kiểm soát của EVN Finance hoặc công ty con của EVN</p>	<p>Điểm c khoản 2 Điều 46. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị độc lập</p> <p>Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột và vợ, chồng của những người này là cổ đông lớn của EVN Finance; người quản lý hoặc thành</p>	<p>Sửa đổi theo điểm c khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp</p>

	Finance	viên Ban kiểm soát của EVN Finance hoặc công ty con của EVN Finance	
29	Điều 48. Thay thế thành viên Hội đồng Quản trị	Điều 48. Thay thế thành viên Hội đồng Quản trị	
	Khoản 4 Điều 48 Trường hợp bị giảm quá 1/3 số thành viên Hội đồng Quản trị hoặc không đủ số thành viên Hội đồng Quản trị tối thiểu theo quy định tại Điều lệ này, thì trong thời hạn không quá 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày không đủ số lượng thành viên Hội đồng Quản trị theo quy định, Hội đồng Quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị .	Khoản 4 Điều 48 Trường hợp không đủ hai phần ba tổng số thành viên Hội đồng Quản trị hoặc không đủ số thành viên Hội đồng Quản trị tối thiểu theo quy định tại Điều lệ này, thì trong thời hạn không quá 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày không đủ số lượng thành viên Hội đồng Quản trị theo quy định, Hội đồng Quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị .	Sửa đổi theo khoản 3 Điều 43 Luật các TCTD năm 2010
30	Điều 49. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị		
30.1	Khoản 3 Điều 49 Hội đồng Quản trị họp định kỳ ít nhất mỗi quý	Khoản 3 Điều 49 Hội đồng Quản trị họp định kỳ ít nhất mỗi quý	Bổ sung theo điểm b Khoản 3 Điều 157 Luật Doanh nghiệp 2020, theo

	<p>một lần và có thể được triệu tập họp bất thường để kịp thời giải quyết những công việc đột xuất. Cuộc họp của Hội đồng quản trị do Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền triệu tập. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị khi có một trong các trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên Hội đồng quản trị độc lập; b. Có đề nghị của Tổng Giám đốc; c. Có đề nghị của ít nhất hai thành viên Hội đồng quản trị. 	<p>một lần và có thể được triệu tập họp bất thường để kịp thời giải quyết những công việc đột xuất. Cuộc họp của Hội đồng quản trị do Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền triệu tập. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị khi có một trong các trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên Hội đồng quản trị độc lập; b. Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác; c. Có đề nghị của ít nhất hai thành viên Hội đồng quản trị. d. Trường hợp khác theo quy định của pháp luật 	<p>đó bổ sung trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập cuộc họp HĐQT khi có đề nghị của ít nhất 05 thành viên quản lý.</p>
30.2	<p>Khoản 5 Điều 49</p> <p>Địa điểm và hình thức họp: Các cuộc họp Hội đồng Quản trị sẽ được tiến hành <u>ở địa chỉ</u></p>	<p>Khoản 5 Điều 49</p> <p>Địa điểm và hình thức họp: Các cuộc họp Hội đồng Quản trị sẽ được tiến hành tại trụ sở</p>	<p>Thông nhất cách gọi xuyên suốt Điều lệ này</p>

	<p><u>đăng ký</u> của EVN Finance hoặc những địa điểm khác được Hội đồng Quản trị quy định. Hình thức họp nghị sự trực tiếp hoặc kết hợp họp thông qua điện thoại trực tiếp, phương tiện điện tử đối với trường hợp có thành viên vì lý do khách quan không thể tham dự tại địa điểm triệu tập.</p>	<p>chính của EVN Finance hoặc những địa điểm khác được Hội đồng Quản trị quy định. Hình thức họp nghị sự trực tiếp hoặc kết hợp họp thông qua điện thoại trực tiếp, phương tiện điện tử đối với trường hợp có thành viên vì lý do khách quan không thể tham dự tại địa điểm triệu tập.</p>	
<p>Khoản 6 Điều 49</p> <p>Thông báo và Chương trình họp: Thông báo họp Hội đồng Quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng Quản trị ít nhất 05 (năm) ngày làm việc trước ngày tổ chức họp. Thông báo về cuộc họp Hội đồng Quản trị được làm bằng văn bản tiếng Việt, trong đó nêu rõ về: chương trình họp, thời gian, địa điểm và phải được kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng Quản trị và cả các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng Quản trị không thể dự họp. Những thành viên</p>	<p>Khoản 6 Điều 49</p> <p>Thông báo và Chương trình họp: Thông báo họp Hội đồng Quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng Quản trị ít nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày tổ chức họp. Thông báo về cuộc họp Hội đồng Quản trị được làm bằng văn bản tiếng Việt, trong đó nêu rõ về: chương trình họp, thời gian, địa điểm và phải được kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng Quản trị và cả các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng Quản trị không thể dự họp. Những thành viên</p>	<p>Điều khoản mở (có thể sửa đổi thời hạn thông báo họp Hội đồng Quản trị từ 05 ngày làm việc trước ngày tổ chức họp xuống còn 03 ngày làm việc theo quy định tại Khoản 6 Điều 157 Luật Doanh nghiệp 2020.)</p>	

30.3

<p>Hội đồng Quản trị này sẽ gửi phiếu bầu cho Hội đồng Quản trị trước khi họp.</p>	<p>Hội đồng Quản trị này sẽ gửi phiếu bầu cho Hội đồng Quản trị trước khi họp.</p>	
<p>Khoản 9 Điều 49</p> <p><u>Tuyên bố quyền lợi</u>: Thành viên Hội đồng Quản trị nếu theo sự hiểu biết của mình thấy có liên quan dù là trực tiếp hay gián tiếp tới một hợp đồng, một thỏa thuận hay một hợp đồng dự kiến hoặc một thỏa thuận dự kiến giao kết với EVN Finance phải khai báo bản chất quyền lợi liên quan tại cuộc họp Hội đồng Quản trị, tại đây Hội đồng Quản trị sẽ xem xét việc có giao kết các hợp đồng hoặc thỏa thuận đó không, nếu như sau này mới biết về sự tồn tại quyền lợi đó của mình hay trong bất cứ trường hợp nào khác, thành viên đó phải thông báo tại cuộc họp Hội đồng Quản trị đầu tiên sau khi thành viên đó biết được đã có quyền lợi liên quan.</p>	<p>Khoản 9 Điều 49</p> <p>Công khai lợi ích: Thành viên Hội đồng Quản trị nếu theo sự hiểu biết của mình thấy có liên quan dù là trực tiếp hay gián tiếp tới một hợp đồng, một thỏa thuận hay một hợp đồng dự kiến hoặc một thỏa thuận dự kiến giao kết với EVN Finance phải khai báo bản chất quyền lợi liên quan tại cuộc họp Hội đồng Quản trị, tại đây Hội đồng Quản trị sẽ xem xét việc có giao kết các hợp đồng hoặc thỏa thuận đó không, nếu như sau này mới biết về sự tồn tại quyền lợi đó của mình hay trong bất cứ trường hợp nào khác, thành viên đó phải thông báo tại cuộc họp Hội đồng Quản trị đầu tiên sau khi thành viên đó biết được đã có quyền lợi liên quan.</p>	

30.4

30.5	<p>Khoản 11 Điều 49</p> <p>Trường hợp Hội đồng Quản trị lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định về một vấn đề thì quyết định được coi là có giá trị tương đương với một quyết định được thông qua bởi các thành viên Hội đồng Quản trị tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức thông thường, nếu:</p> <p>a. Được sự nhất trí bằng văn bản của đa số các thành viên Hội đồng Quản trị có quyền tham gia biểu quyết đối với vấn đề đưa ra xin ý kiến;</p> <p>b. Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị có quyền tham gia biểu quyết bằng văn bản phải đáp ứng được điều kiện về số lượng thành viên bắt buộc phải có để tiến hành họp Hội đồng Quản trị.</p>	<p>Khoản 11 Điều 49</p> <p>Trường hợp Hội đồng Quản trị lấy ý kiến bằng văn bản hoặc các hình thức khác theo quy định tại điểm d khoản 8 điều này để thông qua quyết định về một vấn đề thì quyết định được coi là có giá trị tương đương với một quyết định được thông qua bởi các thành viên Hội đồng Quản trị tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức thông thường, nếu:</p> <p>a. Được sự nhất trí bằng văn bản hoặc các hình thức khác theo quy định tại điểm d khoản 8 điều này của đa số các thành viên Hội đồng Quản trị có quyền tham gia biểu quyết đối với vấn đề đưa ra xin ý kiến;</p> <p>b. Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị có quyền tham gia biểu quyết bằng văn bản hoặc các hình thức khác theo quy định tại điểm d khoản 8 điều này phải đáp ứng được điều kiện về số lượng thành viên bắt buộc phải có để tiến hành họp Hội</p>	<p>Bổ sung theo quy định tại điểm d khoản 8 Điều 49 Điều lệ.</p>
------	--	--	--

	đồng Quản trị.	
	Khoản 12 Điều 49	
	<p>Biên bản: Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác.</p> <p>Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và phải được tất cả các thành viên Hội đồng Quản trị tham dự cuộc họp ký tên. Chủ tọa, thư ký và các thành viên Hội đồng Quản trị tham dự cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của Biên bản họp Hội đồng Quản trị.</p>	
30.6	<p>Khoản 12 Điều 49</p> <p>Biên bản: Cuộc họp Hội đồng Quản trị phải được ghi đầy đủ vào sổ biên bản. Biên bản họp Hội đồng Quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải được tất cả các thành viên Hội đồng Quản trị tham dự cuộc họp ký tên. Chủ tọa, thư ký và các thành viên Hội đồng Quản trị tham dự cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của Biên bản họp Hội đồng Quản trị.</p>	<p>Sửa đổi bổ sung theo khoản 1 Điều 158 Luật Doanh nghiệp 2020</p>

31	Điều 50. Bộ máy giúp việc của Hội đồng Quản trị		
31.1	Khoản 1 Điều 50 Hội đồng Quản trị sẽ sử dụng Bộ máy giúp việc và <u>con dấu</u> của EVN Finance để thực hiện nhiệm vụ của mình	Khoản 1 Điều 50 Hội đồng Quản trị sẽ sử dụng Bộ máy giúp việc và <u>dấu</u> của EVN Finance để thực hiện nhiệm vụ của mình	Sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Luật Doanh nghiệp 2020. Không sử dụng thuật ngữ “con dấu”, mà sử dụng thuật ngữ “dấu”.
31.2	Khoản 3 Điều 50 Không có	Khoản 3 Điều 50 Hội đồng quản trị của EVN Finance phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại EVN Finance. Người phụ trách quản trị EVN Finance không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của EVN Finance	Bổ sung theo khoản 1,2 Điều 281 Nghị định 155/2020
32	Điều 54. Tiêu chuẩn của Tổng Giám đốc		
32.1	Khoản 6 Điều 54	Bổ sung Khoản 6 Điều 54 Không được là người có quan hệ gia đình của	Bổ sung theo yêu cầu tại điểm b Khoản 5 Điều 162 Luật Doanh

	Không có	người quản lý của EVN Finance, Kiểm soát viên của EVN Finance; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại EVN Finance;	ngành 2020
33	Điều 55. Thành phần, nhiệm kỳ và cơ cấu Ban Kiểm soát		
33.1	<p>Khoản 4 Điều 55</p> <p>Nguyên tắc đề cử người vào Ban kiểm soát được thực hiện như sau :</p> <p>a. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần phổ thông <u>trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng</u> được đề cử tối đa một ứng cử viên;</p> <p>b. Nhóm cổ đông sở hữu từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần phổ thông <u>trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng</u> được đề cử tối đa hai ứng cử viên;</p> <p>c. Nhóm cổ đông sở hữu từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần phổ thông <u>trong thời</u></p>	<p>Khoản 4 Điều 55</p> <p>Nguyên tắc đề cử người vào Ban kiểm soát được thực hiện như sau :</p> <p>a. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử tối đa một ứng cử viên;</p> <p>b. Nhóm cổ đông sở hữu từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử tối đa hai ứng cử viên;</p> <p>c. Nhóm cổ đông sở hữu từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử tối đa ba ứng cử viên;</p> <p>d. Nhóm cổ đông sở hữu từ 40% đến dưới</p>	<p>Bỏ quy định về việc thời hạn nắm giữ cổ phần phổ thông liên tục ít nhất 6 tháng theo quy định tại Điều 115 Luật Doanh nghiệp 2020.</p>

<p><u>hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng</u> được đề cử tối đa ba ứng cử viên;</p> <p>d. Nhóm cổ đông sở hữu từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần phổ thông <u>trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng</u> được đề cử tối đa bốn ứng cử viên;</p> <p>e. Nhóm cổ đông sở hữu từ trên 50% tổng số cổ phần phổ thông <u>trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng</u> được đề cử tối đa năm ứng cử viên;</p> <p>f. Trường hợp số lượng ứng cử viên được cổ đông, nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử, số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị đương nhiệm hoặc Ban kiểm soát đương nhiệm hoặc cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu hoặc đại diện sở hữu trên 5% tổng số cổ phần phổ thông <u>trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng</u> đề cử.</p>	<p>50% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử tối đa bốn ứng cử viên;</p> <p>e. Nhóm cổ đông sở hữu từ trên 50% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử tối đa năm ứng cử viên;</p> <p>f. Trường hợp số lượng ứng cử viên được cổ đông, nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử, số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị đương nhiệm hoặc Ban kiểm soát đương nhiệm hoặc cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu hoặc đại diện sở hữu trên 5% tổng số cổ phần phổ thông đề cử.</p>	
---	--	--



34	Điều 56. Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Ban Kiểm soát		
34.1	<p>Điểm e Khoản 2 Điều 56</p> <p>Thẩm định báo cáo tài chính 06 (sáu) tháng đầu năm và hằng năm của EVN Finance; báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả thẩm định báo cáo tài chính, đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ can trọng trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng Quản trị trước khi trình báo cáo và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Điểm e Khoản 2 Điều 56</p> <p>Thẩm định báo cáo tài chính 06 (sáu) tháng đầu năm và hằng năm của EVN Finance; báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả thẩm định báo cáo tài chính, đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ can trọng trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng Quản trị trước khi trình báo cáo và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 3 Điều 170 Luật Doanh nghiệp 2020.</p>
35	Điều 59. Tiêu chuẩn của Thành viên Ban		

kiểm soát			
35.1	Khoản 4 Điều 59 Không phải là người có liên quan của người quản lý EVN Finance;	Khoản 4 Điều 59 Không phải là người có quan hệ gia đình, người có liên quan của người quản lý EVN Finance, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại EVN Finance;	Bổ sung theo Điều 169 Luật Doanh nghiệp và khoản 2 Điều 286 Nghị định 155/2020/NĐ-CP
35.2	Khoản 6 Điều 59 Trưởng ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại EVN Finance	Khoản 6 Điều 59 Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của EVN Finance;	Bổ sung theo điểm a khoản 2 Điều 168 Nghị định 155/2020/NĐ-CP
35.3	Không có	Bổ sung khoản 7 Điều 59 Không là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của EVN Finance trong 03 năm liên trước đó	Bổ sung theo điểm b khoản 2 Điều 168 Nghị định 155/2020/NĐ-CP

36	Điều 60. Thay thế thành viên Ban kiểm soát	Điều 60. Thay thế thành viên Ban kiểm soát	
	<p>Khoản 5 Điều 60</p> <p>Trường hợp <u>bi giám quá một phần ba</u> số thành viên Ban kiểm soát hoặc không đủ số thành viên Ban kiểm soát tối thiểu theo quy định của Điều lệ của EVN Finance, trong thời hạn không quá 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày không đủ số thành viên Ban kiểm soát theo quy định, Ban Kiểm soát phải đề nghị Hội đồng Quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát.</p>	<p>Khoản 5 Điều 60</p> <p>Trường hợp không đủ hai phần ba tổng số thành viên Ban kiểm soát hoặc không đủ số thành viên Ban kiểm soát tối thiểu theo quy định của Điều lệ của EVN Finance, trong thời hạn không quá 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày không đủ số thành viên Ban kiểm soát theo quy định, Ban Kiểm soát phải đề nghị Hội đồng Quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát.</p>	
36.1			
37.	Điều 63. Cổ tức		
	<p>Khoản 5 Điều 63</p> <p>Trường hợp chi trả cổ tức bằng cổ phần, EVN Finance không phải làm thủ tục chào bán cổ phần theo quy định tại các điều <u>122, 123 và 124</u> của Luật Doanh nghiệp. EVN</p>	<p>Khoản 5 Điều 63</p> <p>Trường hợp chi trả cổ tức bằng cổ phần, EVN Finance không phải làm thủ tục chào bán cổ phần theo quy định tại các điều 123, 124 và 125 của Luật Doanh nghiệp. EVN Finance</p>	<p>Sửa đổi do Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 đã thay thế cho Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 kể từ ngày 01/01/2021</p>
37.1			

	Finance phải đăng ký tăng vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần dùng để chi trả cổ tức trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán cổ tức.	phải đăng ký tăng vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần dùng để chi trả cổ tức trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán cổ tức.	
38	Điều 73. Kiểm toán độc lập		
38.1	<p>Khoản 5 Điều 73</p> <p>Kiểm toán viên của tổ chức kiểm toán độc lập có thể được mời tham dự các cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông và thu thập các thông báo và các thông tin khác liên quan đến bất kỳ cuộc họp nào mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề của Đại hội có liên quan đến kiểm toán viên.</p>	<p>Khoản 5 Điều 73</p> <p>Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của EVN Finance có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, EVN Finance phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của EVN Finance dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của EVN Finance.</p>	Sửa đổi, bổ sung theo điểm c Khoản 2 Điều 41 Luật Chứng khoán 2019 và Khoản 4 Điều 273 Nghị định 155/2020/NĐ-CP hướng dẫn Luật Chứng Khoán

PHỤ LỤC 02: TỔNG HỢP TÓM TẮT CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI
QUY CHẾ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Căn cứ Quyết định số 16/QĐ-HĐQT-TCDL ngày 05/03/2021 của HĐQT về việc tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 của Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực, HĐQT thống nhất trình ĐHĐCĐ sửa đổi bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT, theo đó, Dự thảo Quy chế có một số điểm thay đổi như sau:

TT	Nội dung	Nội dung Quy chế hiện hành	Dự thảo sửa đổi Quy chế	Phân tích điểm mới
Chương I. QUY ĐỊNH CHUNG				
1	Điều 1. Căn cứ pháp lý	1. Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014; 2. Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12, luật số 17/2017/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng ngày 20/11/2017 (Luật các TCTD năm 2017); 3. Nghị định 39/2014/NĐ-CP ngày 07/5/2014 về hoạt động của Công ty Tài chính và Công ty Cho thuê tài chính; 4. Thông tư 15/2016/TT-NHNN do NHNN ban hành ngày 30/06/2016, sửa đổi Thông tư 30/2015/TT-NHNN quy định việc cấp Giấy phép, tổ chức và	1. Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020; 2. Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12, luật số 17/2017/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng ngày 20/11/2017 (Luật các TCTD năm 2017); 3. Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019; 4. Nghị định 39/2014/NĐ-CP ngày 07/5/2014 về hoạt động của Công ty Tài chính và Công ty Cho thuê tài chính;	Cập nhật các văn bản pháp luật mới thay thế các văn bản cũ hết hiệu lực.

	<p>hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành.</p> <p>5. Quyết định 14/2006/QĐ-NHNN của Ngân hàng Nhà nước về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc) Tổ chức tín dụng phi ngân hàng ban hành kèm theo Quyết định số 516/2003/QĐ-NHNN ngày 26/5/2003 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.</p>	
	<p>5. Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Chứng khoán;</p> <p>6. Thông tư 15/2016/TT-NHNN do NHNN ban hành ngày 30/06/2016, sửa đổi Thông tư 30/2015/TT-NHNN quy định việc cấp Giấy phép, tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành.</p> <p>7. Thông tư 17/2018/TT-NHNN do NHNN ban hành ngày 14/8/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định về việc cấp giấy phép, mạng lưới hoạt động và hoạt động ngoại hối của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.</p> <p>8. Thông tư 22/2018/TT-NHNN do NHNN ban hành ngày 05/9/2018 hướng dẫn về thủ tục, hồ sơ chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự</p>	

			<p>của ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài và Thông tư số 13/2020/TT-NHNN ngày 13/11/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 22/2018/TT-NHNN</p> <p>9. Thông tư 13/2019/TT-NHNN do NHNN ban hành ngày 21/8/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư có liên quan đến việc cấp giấy phép, tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.</p> <p>10. Thông tư 116/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</p>	
--	--	--	--	--

2	Điều 4. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	<p>1. Quy chế này quy định cụ thể nguyên tắc, chế độ hoạt động, cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ công tác, quy trình giải quyết công việc của Hội đồng quản trị Công ty.</p> <p>2. Phạm vi áp dụng: tại Hội sở chính và các chi nhánh, các đơn vị trực thuộc của Công ty.</p>	<p>1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.</p> <p>2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.</p>	Điều 1 Phụ lục 3 Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính
3	Điều 6. Thuật ngữ và định nghĩa	<p>1. Ban Tổng Giám đốc: Bao gồm Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực</p> <p>2. Người điều hành: Người điều hành Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực, bao gồm: Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh của Công ty.</p>	<p>1. Ban Tổng Giám đốc: Bao gồm Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, các Phó Tổng Giám đốc Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực</p> <p>2. Người điều hành: Người điều hành Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực, bao gồm: Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh của Công ty.</p>	Bổ sung chức danh Giám đốc Tài chính vào thuật ngữ “Ban Tổng Giám đốc và Người điều hành” theo quy định của Điều lệ Công ty

CHƯƠNG II: CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

4	Điều 7. Nhiệm vụ chung	Khoản 2: Hội đồng quản trị sử dụng con dấu của Công ty để thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của mình.	Khoản 2: Hội đồng Quản trị sử dụng dấu của EVN Finance để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình	Sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Luật Doanh nghiệp 2020. Không sử dụng thuật ngữ “con dấu”, mà sử dụng thuật ngữ “dấu”.
5	Điều 8. Cơ cấu tổ chức và nhiệm kỳ	<p>1. Hội đồng quản trị bao gồm không ít hơn 05 thành viên và không quá 11 thành viên, trong đó có ít nhất 01 thành viên độc lập. Hội đồng quản trị phải có ít nhất một phần hai tổng số thành viên là thành viên độc lập và thành viên không phải là người điều hành của Công ty.</p> <p>2. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị không quá 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu hoặc bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không</p>	<p>Cơ cấu lại khoản 1, 2:</p> <p>1. Hội đồng Quản trị phải có không ít hơn 05 (năm) thành viên và không quá 11 (mười một) thành viên, trong đó có ít nhất một thành viên độc lập. Hội đồng Quản trị phải có ít nhất một phần hai tổng số thành viên là thành viên độc lập và thành viên không phải là người điều hành của EVN Finance. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị độc lập của EVN Finance phải đảm bảo quy định</p>	Bổ sung quy định khi tất cả các thành viên HĐQT cùng kết thúc nhiệm kỳ thì xử lý như thế nào

<p>hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.</p>	<p>sau: (i) Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp EVN Finance có số thành viên Hội đồng quản trị là 05 thành viên; (ii) Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp EVN Finance có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên; (iii) Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp EVN Finance có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.</p> <p>2. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị không quá 05 (năm) năm.</p> <p>Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu hoặc bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p>
---	---

		<p>Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.</p> <p>Bổ sung khoản 3</p> <p>Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.</p>	<p>Quy định cụ thể nhiệm kỳ của thành viên HĐQT độc lập theo quy định tại Điều 154 Luật Doanh nghiệp</p>
--	--	---	--

6	Điều 9. Tiêu chuẩn của thành viên Hội đồng quản trị	<p>Điểm a khoản 2:</p> <p>Không phải là người đang làm việc cho chính EVN Finance hoặc công ty con của EVN Finance hoặc đã làm việc cho chính EVN Finance hoặc công ty con của EVN Finance trong 03 năm liền kế trước đó;</p>	<p>Điểm a khoản 2:</p> <p>Không phải là người đang làm việc cho chính EVN Finance, công ty mẹ hoặc công ty con của EVN Finance hoặc đã làm việc cho chính EVN Finance, công ty mẹ hoặc công ty con của EVN Finance trong 03 năm liền kế trước đó;</p>	<p>Quy định bổ sung về điều kiện đối với thành viên HĐQT độc lập.</p>
		<p>Điểm c khoản 2:</p> <p>Không phải là người có vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em và vợ, chồng của những người này là cổ đông lớn của EVN Finance, người quản lý hoặc thành viên Ban Kiểm soát của EVN Finance hoặc công ty con của EVN Finance;</p>	<p>Điểm c khoản 2:</p> <p>Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột và vợ, chồng của những người này là cổ đông lớn của EVN Finance; là người quản lý của EVN Finance hoặc thành viên Ban Kiểm soát hoặc công ty con của EVN Finance;</p>	<p>Sửa đổi theo điểm c khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp</p>
7	Điều 10. Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ	<p>Những người sau đây không được là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty:</p> <p>1. Người chưa thành niên, người bị hạn chế hoặc bị mất năng lực hành</p>	<p>Những người sau đây không được là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty:</p> <p>1. Người thuộc đối tượng quy định tại</p>	<p>Sửa đổi theo Điều 36 Điều lệ và Điều 17 Luật Doanh nghiệp</p>

	<p>vi dân sự;</p> <p>2. Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đang chấp hành bản án, quyết định về hình sự của Tòa án;</p> <p>3. Người đã bị kết án về tội từ tội phạm nghiêm trọng trở lên;</p> <p>4. Người đã bị kết án về tội xâm phạm sở hữu mà chưa được xóa án tích;</p> <p>5. Cán bộ, công chức, người quản lý từ cấp phòng trở lên trong các doanh nghiệp mà Nhà nước nắm từ 50% vốn điều lệ trở lên, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại Công ty;</p> <p>6. Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp trong các cơ quan, đơn vị</p>	<p>khoản 2 Điều 36 Điều lệ Công ty và khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>2. Người thuộc đối tượng không được tham gia quản lý, điều hành theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức và pháp luật về phòng, chống tham nhũng;</p> <p>3. Người đã từng là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của công ty hợp danh, Tổng Giám đốc (Giám đốc), thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát của doanh nghiệp, Chủ nhiệm và các thành viên Ban quản trị hợp tác xã tại thời điểm doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản, trừ trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản vì lý do bất khả kháng;</p>	
--	--	---	--

	<p>thuộc Công an nhân dân Việt Nam, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại Công ty;</p> <p>7. Người thuộc đối tượng không được tham gia quản lý, điều hành theo quy định của pháp luật về căn bộ, công chức và pháp luật về phòng, chống tham nhũng;</p> <p>8. Người đã từng là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của công ty hợp danh, Tổng Giám đốc (Giám đốc), thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát của doanh nghiệp, Chủ nhiệm và các thành viên Ban quản trị hợp tác xã tại thời điểm doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản, trừ trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản vì lý do bất khả kháng;</p> <p>9. Người đại diện theo pháp luật của</p>	<p>4. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp tại thời điểm doanh nghiệp bị đình chỉ hoạt động, bị buộc giải thể do vi phạm pháp luật nghiêm trọng, trừ trường hợp là đại diện theo đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhằm chấn chỉnh, củng cố doanh nghiệp đó;</p> <p>5. Người đã từng bị đình chỉ chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Trưởng Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc) của EVN Finance hoặc tổ chức tín dụng khác theo quy định tại Điều 37 của Luật các tổ chức tín dụng hoặc bị cơ quan có thẩm quyền xác định người đó có vi phạm dẫn đến việc EVN Finance</p>

		doanh nghiệp tại thời điểm doanh nghiệp bị đình chỉ hoạt động, bị buộc giải thể do vi phạm pháp luật nghiêm trọng, trừ trường hợp là đại diện theo đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhằm chấn chỉnh, củng cố doanh nghiệp đó;	hoặc tổ chức tín dụng khác bị thu hồi Giấy phép;	
	10.	Người đã từng bị đình chỉ chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Trưởng Ban Kiểm soát, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc) của Công ty hoặc tổ chức tín dụng khác theo quy định tại Điều 14 của Quy chế này hoặc bị cơ quan có thẩm quyền xác định người đó có vi phạm dẫn đến việc Công ty hoặc tổ chức tín dụng khác bị thu hồi Giấy phép.	6. Người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc của EVN Finance không được là thành viên Ban kiểm soát của EVN Finance;	
	11.	Người phải chịu trách nhiệm theo kết luận thanh tra dẫn đến tổ chức	7. Người có liên quan của Chủ tịch Hội đồng Quản trị EVN Finance không được là Tổng Giám đốc của EVN Finance.	
			8. Người phải chịu trách nhiệm theo kết luận thanh tra dẫn đến việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng ở khung phạt tiền cao nhất đối với hành vi vi phạm quy định về giấy phép, quản trị, điều hành, cổ phần, cổ phiếu, góp vốn, mua cổ phần, cấp tín	

		<p>tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng ở khung phạt tiền cao nhất đối với hành vi vi phạm quy định về giấy phép, quản trị, điều hành, cổ phần, cổ phiếu, góp vốn, mua cổ phần, cấp tín dụng, mua trái phiếu doanh nghiệp, tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng”</p>	<p>dụng, mua trái phiếu doanh nghiệp, tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng.</p>	
--	--	---	--	--

8	Điều 13. Miễn nhiệm, bãi nhiệm	Điểm c khoản 1: Có đơn xin từ chức gửi Hội đồng quản trị;	Điểm c khoản 1: Có đơn xin từ chức và được chấp nhận;	Phân định cụ thể và sửa đổi một số nội dung về các trường hợp được coi là bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên HĐQT.
9	Điều 14. Thay thế thành viên Hội đồng quản trị		Bổ sung khoản 7: Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, Cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, Có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.	Sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 156 Luật Doanh nghiệp
10	Điều 17. Bộ máy giúp việc của Hội đồng quản trị		Hội đồng quản trị của EVN Finance phải bỏ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại EVN Finance.	Bổ sung theo khoản 1,2 Điều 281 Nghị định 155/2020

		Người phụ trách quản trị EVN Finance không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của EVN Finance.	
--	--	--	--

CHƯƠNG IV: CƠ CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

11	Điều 23. Cuộc họp bất thường của Hội đồng quản trị	Khoản 1 điều 23: Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị khi có một trong các trường hợp sau đây: a) Có đề nghị của Ban Kiểm soát hoặc thành viên Hội đồng quản trị độc lập; b) Có đề nghị của Tổng Giám đốc; c) Có đề nghị của ít nhất hai thành viên Hội đồng quản trị.	Khoản 1 điều 23: Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây: a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị; b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác; c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị; d) Trường hợp khác do pháp luật quy định. Khoản 2: Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc	Quy định sửa đổi bổ sung về các trường hợp phải triệu tập họp HĐQT.
12	Điều 24. Thông báo và chuẩn bị nội	Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi	Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải	Sửa đổi thời hạn thông báo họp Hội đồng Quản trị từ 05

	đúng hợp Hội đồng quản trị	thông báo mời họp cho các thành viên HĐQT chậm nhất 05 (năm) ngày làm việc trước ngày họp.	gửi thông báo mời họp cho các thành viên HĐQT ít nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp.	ngày làm việc trước ngày tổ chức họp xuống còn 03 ngày làm việc theo quy định tại Khoản 6 Điều 157 Luật Doanh nghiệp 2020.
13	Điều 25. Quy định về điều kiện tiến hành và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị		<p>Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</p> <p>b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều 157 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14;</p> <p>c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;</p> <p>d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;</p> <p>đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.</p>	<p>Quy định bổ sung cơ chế xác định thành viên HĐQT được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp HĐQT theo quy định tại điểm d Khoản 9 điều 157 Luật Doanh nghiệp</p>
14	Điều 26. Thông qua các quyết định	Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên Hội	Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua và có hiệu lực ngay tại	Quy định chi tiết hiệu lực của các quyết định của

	tại cuộc họp Hội đồng quản trị	đồng quản trị có quyền tham gia biểu quyết dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền Chủ tọa cuộc họp (trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt).	thời điểm đó hoặc từ ngày có hiệu lực được ghi rõ trong Nghị quyết, quyết định nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền tham gia biểu quyết cự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền Chủ tịch Hội đồng quản trị (trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt).	HĐQT
15	Điều 27. Biên bản họp Hội đồng quản trị.	Khoản 1: Cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi đầy đủ vào biên bản Khoản 2: Biên bản phải lập bằng tiếng Việt	Khoản 1: Cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi đầy đủ vào biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Khoản 2: Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài. Trường hợp hai biên bản có sự khác biệt về nội dung thì biên bản được lập bằng Tiếng Việt có giá trị cuối cùng. Bổ sung khoản 4: Trường hợp chủ tọa, người ghi biên	Sửa đổi bổ sung theo khoản 1,2 Điều 158 Luật Doanh nghiệp 2020 Biên bản họp HĐQT vẫn có



			bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 158 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 thì biên bản này có hiệu lực.	hiệu lực trong trường hợp Chủ tọa, thư ký từ chối ký theo quy định tại Khoản 2 Điều 158 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14
16	Điều 36. Thủ lao và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị	Điểm a Khoản 1: Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc. Tổng mức thù lao của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên;	Điểm a Khoản 1: Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và tiền thưởng . Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên	Thống nhất với quy định tại điểm a khoản 2 điều 48 Điều lệ

PHỤ LỤC 03: BẢNG GIẢI TRÌNH SỬA ĐỔI BỔ SUNG QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ
 CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC

Căn cứ Quyết định số 16/QĐ-HDQT-TCDL ngày 05/03/2021 của HĐQT về việc tổ chức ĐHĐCD thường niên năm 2021 của Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực, HĐQT thống nhất trình ĐHĐCD sửa đổi bổ sung Quy chế quản trị nội bộ Công ty, theo đó, Dự thảo Quy chế có một số điểm thay đổi như sau:

STT	QUY CHẾ HIỆN HÀNH EVNFINANCE	QUY CHẾ SAU KHI SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ PHÁP LÝ/LÝ DO SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
1	Điều 1. Căn cứ pháp lý và các tài liệu liên quan		
1.1	Lượt Doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp số <u>68/2014/QH13</u> do Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày <u>26/11/2014</u> .	Lượt Doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020 .	Sửa đổi do Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 đã thay thế cho Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 kể từ ngày 01/01/2021.
1.2	Căn cứ Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/06/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010 và các văn bản hướng dẫn thi hành	Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán	

	Căn cứ Thông tư 95/2017/NĐ-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính Phủ hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty Đại chúng;	Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính Phủ hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty Đại chúng;	Sửa đổi phù hợp với thông tư mới
	Căn cứ Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;	Căn cứ Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;	Sửa đổi phù hợp với thông tư mới
	Căn cứ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty Đại chúng;	Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán	Sửa đổi phù hợp với nghị định mới
Điều 5. Giải thích từ ngữ			
c) <i>Người Điều hành</i> : Gồm Tổng Giám đốc; Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và Giám đốc Chi nhánh	c) <i>Người Điều hành</i> : Gồm Tổng Giám đốc; Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và Giám đốc Chi nhánh, Giám đốc tài chính	Bổ sung theo Điều lệ	

	<p><i>Thành viên Hội đồng quản trị độc lập</i> (sau đây gọi là thành viên độc lập) là thành viên được quy định tại khoản 2 Điều 151 Luật doanh nghiệp và khoản 2 Điều 50 Luật các chức tín dụng;</p>	<p><i>Thành viên Hội đồng quản trị độc lập</i> (sau đây gọi là thành viên độc lập) là thành viên được quy định tại khoản 3 Điều 155 Luật doanh nghiệp 2020 và khoản 2 Điều 50 Luật các Tổ chức tín dụng;</p>	<p>Sửa đổi bổ sung theo Luật doanh nghiệp 2020</p>
	<p>Điều 11. Thủ tục và trình tự tiến hành họp DHHCD thường niên thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp</p>		
1	<p>Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp DHHCD: Công ty công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp DHHCD tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng. Người triệu tập họp DHHCD phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp DHHCD.</p> <p>Danh sách cổ đông có quyền dự họp DHHCD được lập dựa trên danh sách cổ đông của Công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp DHHCD được lập theo quy định tại Điều lệ Công ty.</p>	<p>Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của EVN Finance. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 (mười) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông. EVN Finance phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.</p>	<p>-Sửa đổi bổ sung theo quy định tại Khoản 1 Điều 141 Luật Doanh nghiệp 2020.</p> <p>-Sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 1 Điều 273 Nghị định số 155/2020 hướng dẫn Luật Chứng khoán</p>

2	2. Thông báo triệu tập DHDHCD được thực hiện theo Quy chế này và các quy định có liên quan của Điều lệ và pháp luật a) Người triệu tập hợp DHDHCD phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là 20 ngày trước ngày khai mạc.	Thông báo triệu tập DHDHCD được thực hiện theo quy định tại Điều 27 Điều lệ Công ty	Bổ sung dẫn chiếu chi tiết theo Điều lệ hiện hành
	Điều 13. Biên bản họp DHDHCD		
1	Biên bản họp phải có các nội dung chủ yếu được quy định tại Điều lệ Công ty.	Biên bản họp phải có các nội dung chủ yếu được quy định tại Điều 33 Điều lệ Công ty.	Bổ sung dẫn chiếu chi tiết theo Điều lệ hiện hành.
2	Không có	Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp	Bổ sung theo Điều 150 Luật Doanh nghiệp 2020
5	Biên bản họp DHDHCD phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn theo quy định tại Điều lệ Công ty.	Biên bản họp DHDHCD phải được công bố đến các cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty.	Theo khoản 5 Điều 33 Điều lệ Công ty

6	Biên bản họp ĐHĐCĐ, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại Trụ sở chính của Công ty.	Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.	Bổ sung quy định chung về việc công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán nhằm đảm bảo tuân thủ quy định của Luật Chứng khoán 2019.
Điều 14. Quyết định của ĐHĐCĐ.			
3	Trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp ĐHĐCĐ hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến ĐHĐCĐ, cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của ĐHĐCĐ trong các trường hợp theo quy định tại Điều lệ Công ty.	Trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp ĐHĐCĐ hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến ĐHĐCĐ, cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của ĐHĐCĐ trong các trường hợp theo quy định tại Điều 34 Điều lệ Công ty.	Sửa đổi theo khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp

4	Cách thức phản đối quyết định của DHD/CD (theo quy định tại Điều 129 Luật Doanh nghiệp) được thực hiện theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.	Cách thức phản đối quyết định của DHD/CD được thực hiện theo quy định pháp luật và Điều 34 Điều lệ Công ty.	Sửa đổi, bổ sung theo Điều lệ Công ty
	Điều 15. Thủ tục họp DHD/CD thường niên thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.		
2	Hội đồng Quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của DHD/CD và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định và gửi tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách lấy ý kiến cổ đông, yêu cầu và cách thức lấy ý kiến, cách thức gửi được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định pháp luật liên quan.	Hội đồng Quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của DHD/CD, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách lấy ý kiến cổ đông, yêu cầu và cách thức lấy ý kiến, cách thức gửi được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định pháp luật liên quan.	Sửa đổi theo Điều 149 Luật doanh nghiệp 2020
	Điều 16. Cơ cấu tổ chức và vai trò của Hội đồng Quản trị trong quản trị Công ty		

<p>Nhiệm kỳ của Hội đồng Quản trị là 05 năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị không quá 05 năm. Thành viên Hội đồng Quản trị có thể được bầu hoặc bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng Quản trị. Hội đồng Quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng Quản trị của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc .</p>	<p>Nhiệm kỳ của Hội đồng Quản trị không quá 05 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của EVN Finance không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng Quản trị có thể được bầu hoặc bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị. Hội đồng Quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng Quản trị của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung theo khoản 3 Điều 154 Luật doanh nghiệp</p>
---	--	---

		mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.	
	Điều 18. Trình tự, thủ tục tổ chức họp Hội đồng Quản trị		
	Hội đồng Quản trị tổ chức họp theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị và quy định của pháp luật.	Hội đồng Quản trị tổ chức họp theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại khoản 3 Điều 49 Điều lệ Công ty, Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị và quy định của pháp luật.	Bổ sung dẫn chiếu theo Điều lệ Công ty
1	Thông báo họp HĐQT: Khi triệu tập họp, người triệu tập họp phải gửi thông báo mời họp ít nhất 05 (năm) ngày làm việc trước ngày họp.	1. Thông báo họp HĐQT: Khi triệu tập họp, người triệu tập họp phải gửi thông báo mời họp ít nhất 03(ba) ngày làm việc trước ngày họp.	Sửa đổi theo khoản 6 Điều 157 Luật Doanh nghiệp 2020
2	Điều kiện tổ chức họp HĐQT: Cuộc họp HĐQT được tiến hành khi có từ 3/4 (ba phần tư) tổng số thành viên trở lên dự họp hoặc qua người thay thế là một trong các thành viên Hội đồng Quản trị được ủy quyền. Trường hợp triệu tập họp HĐQT định kỳ lần đầu nhưng không đủ số thành viên tham dự theo quy định, Chủ tịch HĐQT phải triệu tập tiếp cuộc họp HĐQT lần hai trong thời gian không quá	Điều kiện tổ chức họp HĐQT: Cuộc họp HĐQT được tiến hành khi có từ 3/4 (ba phần tư) tổng số thành viên trở lên dự họp hoặc qua người thay thế là một trong các thành viên Hội đồng Quản trị được ủy quyền. Trường hợp triệu tập họp HĐQT định kỳ lần đầu nhưng không đủ số thành viên tham dự theo quy định, Chủ tịch HĐQT phải triệu tập tiếp cuộc họp HĐQT lần hai trong thời gian không quá (07) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ	Sửa đổi theo Điều 49 Điều lệ Công ty

	15 (mười lăm) ngày tiếp theo. Sau hai lần triệu tập họp Hội đồng quản trị không đủ số thành viên tham dự, Chủ tịch HĐQT phải triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong thời hạn không quá 30 (ba mươi) ngày tiếp theo để cổ đông xem xét tư cách của các thành viên HĐQT.	nhất.. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành, nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.	
4	Biên bản họp Hội đồng quản trị: Biên bản họp HĐQT phải được lập chi tiết và rõ ràng, Chủ tọa cuộc họp và người ghi biên bản phải ký tên vào biên bản cuộc họp, Biên bản họp HĐQT phải được lưu giữ theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty	Biên bản họp Hội đồng quản trị: Biên bản họp HĐQT phải được lập chi tiết và rõ ràng. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự hợp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 158 Luật Doanh nghiệp thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp HĐQT phải được lưu giữ theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.	Sửa đổi, bổ sung theo Điều 158 Luật doanh nghiệp 2020
	Điều 21. Trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát.		
	1. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với thành viên Ban Kiểm soát:	1. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với thành viên Ban Kiểm soát:	Bổ sung theo Điều lệ Công ty

	<p>Thành viên Ban Kiểm soát phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát, quy định pháp luật và không thuộc các trường hợp sau:</p>	<p>a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 36 Điều lệ Công ty</p> <p>b) Có đạo đức nghề nghiệp</p> <p>c) Có bằng đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán; có ít nhất 03 (ba) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính, kế toán hoặc kiểm toán;</p> <p>d) Không phải là người có quan hệ gia đình, người có liên quan của người quản lý Công ty, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty;</p> <p>e) Thành viên Ban kiểm soát chuyên trách phải cư trú tại Việt Nam trong đương nhiệm;</p>	<p>Bổ sung theo Điều 169 Luật Doanh nghiệp và khoản 2 Điều 286 Nghị định 155/2020/NĐ-CP</p>
	Điều 22. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với Tổng Giám đốc.		
1	Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 32 của Điều lệ này	Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 54 Điều lệ Công ty	Sửa đổi, bổ sung phù hợp Điều lệ Công ty
	Điều 23. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với Tổng Giám đốc.		



1	Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 36 của Điều lệ này	Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp 2020	Bổ sung theo yêu cầu tại điểm a, điểm b Khoản 5 Điều 162 Luật Doanh nghiệp 2020
7	Không có	Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý của EVN Finance, Kiểm soát viên của EVN Finance; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại EVN Finance;	Bổ sung theo yêu cầu tại điểm a, điểm b Khoản 5 Điều 162 Luật Doanh nghiệp 2020
Điều 35. Người quản trị công ty			
	<p>1. Hội đồng Quản trị phải bỏ nhiệm ít nhất 01 người làm các nhiệm vụ của Người phụ trách quản trị công ty.</p> <p>2. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Nghị định 71/2017/NĐ-CP về quản trị Công ty đại chúng và quy định của Hội đồng Quản trị tại từng thời kỳ.</p>	<p>1. Hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải bỏ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty.</p> <p>3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung theo Điều 281 Nghị định 155/2020/NĐ-CP Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán</p>

		<p>định và các công việc liên quan giữa công ty và cổ đông;</p> <p>b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;</p> <p>c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;</p> <p>d) Tham dự các cuộc họp;</p> <p>đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;</p> <p>e) Cung cấp các thông tin tài chính, biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty;</p> <p>h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;</p> <p>i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;</p> <p>k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p>	
--	--	---	--